

1 THÁNG 5 NĂM 1967

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm mười một

NGUYỄN TRỌNG VĂN *việc giảng dạy Triết-học tại Việt-Nam* * NGUYỄN KHÁNH HÒA *ki-tô giáo và mác-xít đối-thoại* * ĐÀO ĐĂNG VỸ *sức mạnh của tinh-thần bất bạo động* * CUNG GIỮ NGUYÊN *ý-niệm quốc gia trong thời-dại mới* * NGUYỄN HIỂN LÊ *gương danh nhân : ông bà La Fayette* * MỘNG TRUNG *hôn nhân dị chủng* * LINH BẢO *«cung chúc tân xuân»* * ĐỖ TIẾN ĐỨC *má hồng* * VÕ PHIẾN *giọt cà-phê* * LÊ PHƯƠNG CHI *nếp sống hôm nay của các văn nghệ sĩ : kịch-tác-gia Vũ khắc Khoan* * THỰC, TÂN FONG HIỆP *đọc sách giúp bạn SINH HOẠT những câu hỏi của hội nghị nghiên cứu Triết - học* * Giỗ tổ Hùng Vương năm nay *

248





l'aisance respiratoire



Asthme Emphysème

CORTIDASMYL

broncho-dilatateur
anti-allergique
anti-inflammatoire

dyspnées
chroniques

asthme à dyspnée chronique
emphysème, sclérose pulmonaire, bronchite chronique

dyspnées
subaiguës

asthme léger ou moyen
pneumopathie aiguë chez un insuffisant respiratoire
poussées aiguës des pneumopathies chroniques

états allergiques
respiratoires

coryza spasmodique, toux spasmodique

Boîte de 20 comprimés dosés à

prednisono	1,5	mg
théophylline	80	mg
phénobarbital	10	mg
chlorhydrate d'éphédrine	10	mg
par comprimé.		



Distributeur : UFFARMA CONG-TY

20 A, BEN BACH-DANG — SAIGON

BÁCH

KHOA THỜI ĐẠI

Số 248 ngày 1 - 5 - 1967

NGUYỄN TRỌNG VĂN <i>việc giảng dạy Triết học tại Việt - Nam</i>	2
NGUYỄN KHÁNH HÒA <i>Ki-tô-giáo và Mác-xít đối-thoại</i>	9
ĐÀO ĐĂNG VỸ <i>sức mạnh của tinh-thần bất bạo-động</i>	14
CUNG GIỮ NGUYÊN <i>ý - niệm quốc - gia trong thời-đại mới</i>	25
NGUYỄN HIỂN LÊ <i>gương danh nhân : ông bà La Fayette (3)</i>	34
MỘNG TRUNG <i>hôn nhân dị chủng</i>	41
LINH BẢO <i>«Cung chúc tân xuân» (truyện ngắn)</i>	48
ĐỖ TIẾN ĐỨC <i>má hồng (truyện dài)</i>	55
VÕ PHIẾN <i>giọt cà-phê (đoản văn)</i>	67
TÂN FONG HIỆP, THỰC <i>đọc sách giúp bạn : Một thuở ngàn năm (Tiều Phi-lạc báo Saigon ; Diễm-Hồng xuất giá) ; Quán Tai heo ; Hai mươi năm qua.</i>	79
HỮU PHƯƠNG <i>bến trọ ; buồn trưa khắc khoải (thơ)</i>	83
SINH HOẠT	
<i>Những câu hỏi của Hội nghị Triết học tại V.N.</i>	84
<i>Giỗ tổ Hùng Vương năm nay</i>	86

CÁO LỖI

Vì lý do kỹ-thuật, nhiều bài, đến phút chót, không đăng kịp như đã hứa với các tác giả và phải gác lại đến số tới. Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý bạn.

Tòa soạn BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI

Việc giảng dạy triết-học tại VIỆT-NAM

Trong các môn học hình như triết học là môn làm cho người ta điên đầu hơn cả. Học sinh điên đầu vì triết học có vẻ khó hiểu, giáo sư điên đầu vì không hiểu tại sao học sinh lại không hiểu, còn người ngoài phố thì điên đầu vì chỉ biết sống triết lý của mình nhưng chưa nghe nói tới triết học bao giờ, có lẽ cũng không ngờ rằng trong các câu thần chú mà con cái họ hằng tụng niệm mỗi đêm lại có một thứ gọi là triết học nữa, Không những là môn học bị coi là khó hiểu, triết học còn là một môn học bị đặt thành vấn đề nhiều hơn cả. Triết học đặt mọi việc thành vấn đề, bây giờ chính triết học cũng trở thành vấn đề. Triết học, triết gia, giáo sư triết học đều bị đưa lên bàn mổ hoặc tự ý đưa mình lên bàn mổ. Năm 1960, môn triết học tại Pháp đã chuyển mình đi theo một chiều hướng mới. Năm 1961, các giáo sư triết học Pháp đã cho ra một cuốn sách khá đầy đủ về việc giảng dạy triết học (1). Đến 1962, tại Việt Nam, người ta cũng đem triết học đặt thành vấn đề rất sôi nổi. Trong kỳ đại hội chương trình năm 1965, tiểu ban triết đã đưa ra nhiều nhận xét và khuyến cáo về việc giảng dạy triết học. Đến năm 1966, Bộ Giáo dục, theo tinh thần những khuyến cáo của tiểu ban triết học 1965, có hỏi ý kiến giáo sư triết học toàn quốc về một dự án cải tổ chương trình triết nhưng kết quả chưa ngã ngũ ra sao thì ông Bộ trưởng đó đã ra đi đem theo dự án cải tổ triết học của mình. Vấn đề bị bỏ lửng nhưng không phải vì vậy mà mất đi tính cách quan trọng và khẩn thiết của nó.

I. — Tại sao việc dạy triết lại trở thành vấn đề ?

Chương trình triết học của chúng ta chỉ là một mô phỏng, một bản dịch chương trình triết học của Pháp. Đặc điểm của chương trình triết học Việt Nam, nếu có, chính là tính cách lai căng, chấp nối lặt vặt của nó. Khi Pháp đặt lại vấn đề giảng dạy triết học thì tại Việt Nam người ta cũng đưa triết học lên bàn mổ. Thật ra, hai nước chỉ giống nhau trong việc cùng đặt lại vấn đề dạy triết

(1) L'enseignement de la philosophie, Recherches et débats, No 35, Arthème Fayard, Oct. 1961

nhưng nguyên nhân khiến việc dạy triết tại hai nơi bị đặt thành vấn đề thì khác hẳn nhau. Do đó, chương trình triết học mới của Pháp chưa hẳn đã thích hợp với hoàn cảnh Việt Nam, trái lại có những vấn đề mà chương trình của Pháp không bàn tới nhưng đó lại chính là những vấn đề gai góc mà chúng ta phải đương đầu và giải quyết.

A) Việc dạy Triết tại Pháp.

Triết học bị đặt thành vấn đề vì hai lý do chính yếu :

1 — Nó mất dần chân đứng trước sức bành trướng mạnh mẽ của khoa học chính xác. Lớp triết càng ngày càng giảm bớt và đa số học sinh là con gái ; con trai đã theo học các ban khác. Theo Suzanne Villeneuve, sự giảm sút của học sinh lớp triết so với tổng số học sinh các lớp đệ Nhất tại Pháp như sau :

1951-1952 : 52,8 0/0

1957-1958 : 40 0/0

1958-1959 : 31,1 0/0

Trong khi đó số nữ sinh theo ban triết càng ngày càng gia tăng :

1951-1952 : 58,9 0/0

1957-1958 : 65,8 0/0

1958-1959 : 67 0/0

Có lẽ sau này lớp triết học chỉ dành cho con gái ! Thật ra có ba loại học sinh chọn ban triết : một số quyết định chọn triết học vì có năng khiếu về môn đó, một số khác lưỡng lự học triết để nghỉ ngơi, chờ thời, số còn lại lười biếng, ham chơi, hoặc dốt nát chọn triết vì không biết chọn môn nào khác, không đủ trí nhớ để theo khoa học thực nghiệm, cũng không có sức để theo khoa học toán. Trước sự bùng nổ mạnh mẽ của khoa học và kỹ thuật, thành phần 2 và 3 ngã theo khoa học, hy vọng tìm được một chỗ đứng thích hợp và khả quan hơn, trong khi thành phần 1 vẫn tiếp tục con đường đã lựa chọn. Như thế không phải đa số học sinh đã chọn triết lại bỏ triết để theo khoa học mà chính là những thành phần lưỡng lự ở ban triết bỏ triết để chọn một thái độ mới, chấm dứt tình trạng tạm bợ chờ thời.

Tại sao lại bỏ ban triết ? Vì ảnh hưởng của khoa học và kỹ thuật càng ngày càng lấn át các ngành khác. Nhu cầu phát triển đất nước đòi hỏi những chuyên viên, kỹ-thuật-gia với những khả năng và kiến thức hết sức chuyên môn. Những mục tuyển dụng nhân viên, những khóa thi, những cách tiến thân vinh hiển thường đặc biệt dành cho những người có kiến thức chuyên môn, học sinh từ bỏ kiến thức phổ thông để theo các ngành khoa học chính xác khác.

2 — Như vậy triết học trở thành một thứ xa xỉ phẩm chỉ dành cho thiểu số quá dốt hoặc quá giỏi, hoàn toàn vô ích và bất lực ? Kiến thức chuyên môn, thực dụng, được kính trọng hơn kiến thức nhân văn, phổ quát. Các chuyên viên, kỹ

thuật gia, các nhà vật lý, hóa học... nắm quyền quyết định về thân phận con người; còn chính những triết gia luôn luôn bàn về con người, bênh vực con người, thì chẳng có một quyền hành nào với con người cả. Chế độ chuyên-gia-trị (technocratie) chế ngự thế giới. Đó là một sự kiện. Chuyên-gia là người có kiến-thức rất chuyên môn và thực dụng để chế ngự thế giới vật chất, bây giờ chính những chuyên gia điều khiển thế giới, họ áp dụng những kiến thức về vật chất vào thế giới con người. Vấn đề đặt ra là con người có thể tiếp tục bị điều khiển như đồ vật được không? Triết học hoàn toàn vô ích hay hết sức cần thiết? Phải đặt lại vấn đề triết đề đem lại một kiến thức khoa học cho các người theo ngành văn chương nhưng cũng đề trang bị một kiến thức triết-học cho những chuyên-viên kỹ-thuật-gia tương lai. L. M. Morfaux đã nói rất đúng: « Hiềm họa của những lớp Khoa học Toán là đào tạo ra những chuyên-viên thuần-túy, còn hiềm-họa của những lớp Triết là biến thành một môn dạy những sáo ngữ rỗng tuếch và học sinh trở thành những tên tán dóc, tàng tật trí thức ».

Thật ra phải nói rằng khoa học, kỹ thuật, không cần đến triết học, nhưng những nhà bác học, những chuyên viên nói riêng và con người nói chung, cần đến triết học. Đặt lại vấn đề giảng dạy triết không phải để dành lại cho nó một địa vị quan trọng đã mất mà để tìm một hướng đi mới cho những tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong giai đoạn sôi bùng và kinh hoàng nhất của lịch sử con người.

B) Việc dạy Triết tại Việt-Nam.

Ở Việt-Nam, việc dạy triết cũng bị thành vấn đề nhưng với những nguyên nhân khác, không có vấn đề bành trướng của các ngành khoa học, kỹ thuật, cũng chưa có chế-độ chuyên-gia trị. Khủng hoảng triết học tại Việt-Nam có những nguyên nhân đặc biệt.

1—) Sau đây là những dữ-kiện cụ thể về tình hình các lớp đệ-nhất triết từ 1960 đến 1965, về sự phân phối sinh viên tại các phân-khoa đại-học Sài Gòn và về tỷ-lệ sinh viên, học sinh kỹ thuật so với số sinh viên, học sinh phổ-thông:

— a) Biến chuyển của các lớp đệ nhất Văn-chương, Khoa-học thực-nghiệm và Khoa học Toán từ 1960 đến 1965.

B A N	1960-61	1964-65	Tỷ Lệ Tăng %
Khoa học thực nghiệm	1940	5552	186,18 %
Khoa học Toán	2495	5345	114,23 %
Văn chương	722	1134	57,06 %

Theo bảng trên thì tỷ lệ gia tăng của học sinh ban Văn chương (57,6%) kém tỷ lệ gia tăng của học sinh hai ban Toán và Vạn vật (114,2 và 186,18%). Lớp triết càng ngày càng ít dần. Tuy nhiên, như vậy không hẳn đã có nghĩa là học sinh đã bỏ triết để theo các ngành khoa học, kỹ thuật khác vì tại các phân khoa đại học, tỷ lệ sinh viên văn khoa vẫn chiếm đại đa số.

— b) Tình hình các phân khoa đại học Sài Gòn (1965-66). So sánh với 1957 :

PHÂN KHOA	% TỔNG SỐ	1957	1966	TỶ LỆ Tăng (%)
Văn khoa	32,6 %	838	7252	765,39
Luật khoa	24,6 %	1010	5581	452,57
Khoa học	18,6 %	1170	4216	260,34
Dược khoa	12 %	318	2717	754,40
Y khoa	5 %	607	1152	89,78
Kiến trúc	4,17 %	114	794	596,49
Sư Phạm	3,3 %	166	755	354,81
Nha khoa	0,67 %	92	152	65,22

Tỷ số sinh viên Văn khoa lớn nhất so với tổng số sinh viên Saigon (32,6%), tỷ lệ gia tăng trong 10 năm qua cũng lớn nhất so với các phân khoa khác (765,39%). Điều này cho thấy tính cách vô đường lối, vô tổ chức của sự hưởng nghiệp, hưởng học. Sau khi đậu tú tài, học sinh chẳng biết học gì ngoài việc chui đầu vào văn khoa, nghỉ ngơi, chờ thời. Điều này càng rõ ràng hơn, khi giáo dục kỹ thuật chỉ giữ một địa vị rất khiêm nhường so với giáo dục phổ thông, mức độ gia tăng cũng rất kém nếu không phải là ở mức bình thường.

— c) So sánh giáo dục kỹ thuật và giáo dục phổ thông :

Ngành	1962	—	1963	Tỷ lệ	1964	—	1965	Tỷ lệ
	kỹ thuật		phổ thông		kỹ thuật		phổ thông	
Đại học	493		20.926	2,35	580		24.122	2,4
Trung học	5466		264.866	2,06	7068		329.229	2,14
Tiểu học	1889		1.350.679	0,13	8472		1.563.756	0,54

Tỷ lệ ngành kỹ thuật rất nhỏ so với ngành phổ thông (2%), tỷ lệ gia tăng cũng rất kém, do đó chưa có vấn đề bùng nổ quá mạnh của máy móc hoặc chế độ chuyên-gia trị.

Qua những dữ kiện cụ thể trên, chúng ta có thể nói việc giảng dạy triết học tại Việt Nam bị khủng hoảng không phải vì nó phải đương đầu với các vấn đề của các quốc gia tiên tiến mà vì những nguyên nhân đặc thù khác.

2 —) Vậy đâu là nguyên nhân của cuộc khủng hoảng triết học tại Việt Nam? Có nhiều nguyên nhân đưa đến cuộc khủng hoảng triết học tại Việt Nam.

a) Trong Bách-Khoa số 130 ngày 1-6-62, cụ Bùi hữu Sùng đã đưa ra những khuyết điểm khiến cần phải đặt lại vấn đề giảng dạy triết học :

— Thiếu giáo sư có đầy đủ khả năng và tinh thần triết học tây-phương. Phương pháp giảng dạy không linh động, không đàm thoại, «thiếu tinh thần nhân bản luận lý của Pháp».

— Tinh thần chương trình học nói chung và tinh thần môn triết nói riêng không thực tế, không hợp với dân nguyện:

— Chương trình không hợp với trình độ hiểu biết của học sinh (đang tuổi hăng hái bỗng bột lại phải giam mình suy nghĩ khô khan, thiếu danh từ, thiếu sách vở triết học, tinh thần Việt Nam không thiên về luận lý...)

b) Tại đại hội chương trình 1965, tiểu ban Triết đã có những nhận xét như sau :

● Khuyết điểm về hình thức :

— Có nhiều chương mục trùng nhau trong các phần tâm lý và siêu hình (Tự do có cả trong phần tâm lý lẫn siêu hình, những nguyên tắc căn bản có cả trong phần siêu-hình lẫn luận-ly...)

— Chương mục sắp xếp lộn xộn, không có thứ tự hợp lý (những chương nói về các thuyết nhân-ái của Khổng-tử, Từ-bi của Phật-giáo, Bác ái của Thiên-chúa-giáo... đặt sau phần Đạo-đức-học áp dụng, còn chương «Những quan niệm lớn về đời sống đạo đức Đông Tây» thì lại đặt trước.

— Trong chương trình có nhiều danh từ dùng thiếu chính-xác (danh từ đạo-đức trong đề mục Triết-học và đạo-đức)

— Chương trình phân chia rời rạc, thiếu tổng hợp, học sinh khó thấy mối tương quan giữa các đề-mục.

● Khuyết điểm về nội dung :

— Không dành một địa vị xứng đáng cho phần Triết-học Đông-phương trong khi các tư tưởng Đông-phương đã thấm nhập vào văn chương tư tưởng nước nhà từ bao nhiêu thế-kỷ.

— Có nhiều vấn đề quá trừu tượng, vượt tầm hiểu biết của học sinh đệ Nhất (không gian, thời gian, vật chất và sự sống, nền tảng của toán học, các lý thuyết lớn về vật lý, hóa học.)

— Có một số vấn-đề không thiết thực, học sinh đệ nhất không cần biết đến

(bản-năng, phán đoán và suy luận, cảm giác và hoạt động..). Về tâm-lý-học (ban C) những vấn đề sau đây có thể loại ra : trừu-tượng và khái-quát, phán đoán và suy luận, cảm giác và hoạt động. Còn các phần công-dụng ký-hiệu phải đưa vào chương ngôn-ngữ và tư-tưởng, cử động cơ-thể bỏ đi để thêm vào một phần trong chương khuynh hướng, bản-năng đưa vào chương khuynh hướng, tự do lý trí dành cho phần siêu-hình.

Về triết học tổng quát. Nên dùng danh từ siêu-hình-học. Bỏ bớt :

- Nguyên tắc căn bản của lý trí (đem qua luận lý học)
- Không gian và thời gian
- Vật chất và sự sống
- Nhân vị và giá trị.

Chương về Thượng đế nên đặt là « Con người và siêu-việt-thể ».

Về Triết Đông, phải soạn chương trình chi tiết và quân bình với Triết học Tây-phương.

Về luận lý và đạo đức.

Có thể đề cả ba ban như nhau với điều kiện :

- Luận lý : Bỏ bớt phần thí dụ về những thuyết lớn thuộc vật lý, hóa học và sinh lý học.

- Đạo đức : Sau các vấn đề đạo đức cần phải trình bày chi tiết các quan niệm lớn về đạo đức đông tây. Các thuyết Nhân ái Khổng tử, bác ái Thiên chúa giáo, Từ bi Phật giáo không thể đề riêng ra được.

Ngoài ra các vấn đề đạo đức và kinh tế, đạo đức và chính trị, đạo đức và giao thiệp quốc tế, nhân loại và bần phận đối với nhân loại, phải được trình bày một cách thiết thực và cần thiết, không nên quá dài dòng về những phần đã giảng dạy ở Công dân giáo dục.

Về tác phẩm đọc trong niên khóa. Chỉ giữ các tác phẩm sau :

Triết Tây : La République của Platon

Discours de la méthode của Descartes

Introduction à l'étude de la Médecine expérimentale

Les deux sources de la morale et de la religion,

Contrat social

Triết Đông : Tứ thư (Đại học, Trung dung, Luận ngữ, Mạnh tử).

Đạo đức kinh, Nam hoa kinh

Tư tưởng Phật giáo : Chọn những tác phẩm tiêu biểu nhất và đúng với sức hiểu biết của học sinh nhất : Lăng nghiêm, Bát nhã...)

Về tâm lý học ban A. Quá nặng, cần bỏ bớt : tri giác, cảm giác, liên tưởng, ký ức, tưởng tượng.

Tóm lại, qua những nguyên nhân trên ta có thể nói :

Thứ nhất, tại Pháp và tại các nước Tây phương triết học bị đặt thành vấn đề vì nó phải đương đầu với sự bành trướng của khoa học và kỹ thuật, tại Việt-Nam, triết học trở thành vấn đề vì nó có quá nhiều khuyết điểm và do đó khó có thể hoàn thành sứ mạng của nó (gây tinh thần phê bình, đặt vấn đề, tìm hiểu sự thật, tổng hợp văn hóa, sáng tỏ những giá trị nhân loại, thông cảm khoan dung giữa loài người...) Triết học được đặt thành vấn đề vì người ta đã ý thức được rằng cái gọi là triết học từ trước đến nay chẳng phải là triết học gì cả, hay nếu có thì cũng chỉ là những cặn bã, những xác ướp của triết-học mà thôi.

Thứ hai, những khuyết điểm vừa được nêu lên (nặng nề, xa thực tế, trừu tượng, không tạo óc phê bình, phán đoán, không chuẩn bị cho học sinh vào xã hội...) không phải chỉ là khuyết điểm của môn triết học mà thôi, đó là khuyết điểm chung của bất cứ môn học nào trong chương trình giáo dục hiện nay, nền giáo dục thuộc địa, từ-chương, mục nát tận xương tủy, đang được tô điểm bằng lớp sơn nhân bản, dân tộc và khai phóng (1).

Thành thử có hai nguyên nhân chính khiến triết học bị đặt thành vấn đề : nó có quá nhiều khuyết điểm để có thể hoàn thành sứ mạng mà nó mong muốn đạt tới, nó nằm trong một nền giáo dục mà nền giáo dục này đã không hoàn thành sứ mạng của nó rồi. Không đường lối, không kế hoạch, không triết lý giáo dục, một nền giáo dục buông trôi. Khủng - hoảng triết-lý hay khủng-hoảng triết-lý giáo-dục ? Đi tìm một lối thoát cho triết học hay đi tìm một chiều hướng mới cho nền giáo dục hấp hối hiện nay ?

(Còn tiếp 1 kỳ)

NGUYỄN TRỌNG VĂN

Kỳ tới : Nhận xét về những đề nghị cải tổ.

(1) Nền giáo dục hiện nay đang căn cứ trên những quan niệm sai lệch về giáo dục : bằng cấp tự là một chứng chỉ nhận thực học sinh đã theo học một ngành nào đó, bây giờ đã trở thành lá bùa thiêng mà người ta phải dùng mọi thủ đoạn, mánh lới mới chiếm được ; chương trình tự nó là những kiến thức và phương pháp giảng dạy có mục đích phát triển toàn vẹn con người bây giờ đã trở thành những đồng kiến thức ốm đờm, bẽ bặt, bóp chết khả năng con người thi cử có mục đích kiểm điểm tình trạng thể chất, trí thức và đạo đức của thí sinh, nay đã đồng nghĩa với cuộc xô xé để phân phát bằng cấp cho những người không mua được chúng (...)

Thường một nền giáo dục nhằm ba mục đích :

— Về phương diện cá nhân và sự phạm : Nghiên cứu chương trình và phương pháp sự phạm sao để phát triển trọn vẹn nhân phẩm và khả năng của học sinh.

— Về phương diện xã hội : Chuẩn bị học sinh vào xã hội và có đủ khả năng đáp ứng nhu cầu xã hội.

— Về phương diện chính trị, ý thức hệ : Đào tạo con người để duy trì cơ cấu xã hội khi nó còn thích hợp hoặc để xây dựng lại một trật tự xã hội mới khi trật tự xã hội cũ không thích hợp với con người nữa.

Trong hoàn cảnh Việt Nam, nền giáo dục :

— Không phát triển khả năng và nhân phẩm, trái lại với chương trình và phương pháp sự phạm hiện hữu, con người bị giáo dục đè chết.

— Không chuẩn bị cho học sinh có đủ khả năng đáp ứng nhu cầu xã hội (phát triển, kỹ thuật hóa), học sinh, sinh viên, hoàn toàn lạc lõng khi bước vào đời với mảnh bằng và mớ kiến thức phổ thông của mình.

— Không đường lối, không bản sắc dân tộc, không ý thức chính trị, không hẳn muốn duy trì cơ cấu cũ cũng không hẳn muốn tiến tới một trật tự mới hơn. Giáo dục buông trôi.

Kitô-giáo và Mác-xít đối thoại

NGUYỄN-KHÁNH-HÒA

Từ mấy năm nay, mối liên-lạc giữa Tòa-thánh La-mã và các nước cộng-sản đã thay đổi rất nhiều. Tháng giêng năm nay ông Podgorny, quốc-trưởng Nga xô, đến đàm đạo với Đức Giáo-hoàng Phao-lô VI trên một giờ đồng hồ tại Vatican. Một vài nước Đông-Âu đã ký thỏa-ước với Tòa thánh. Ngay cả với Trung-cộng, đức Phao-lô VI cũng tuyên bố sẵn sàng nối lại giây liên-lạc bị gián-đoạn từ 1951. Trên bình-diện trao đổi lý-thuyết, người ta thấy có những tuần Hội-thảo giữa người Ki-tô-giáo và Mác-xít, như cuộc Hội-thảo tại Salzburg (1965) và Chiemsee (Đức, 1966) với sự tham-dự của một số đại diện cộng sản phía Đông-Âu.

Sau đây chúng tôi muốn tìm hiểu nguyên-nhân đối-thoại và thái độ mới của đôi bên trước hai vấn-đề then-chốt là : cộng-sản với tôn-giáo và nhân-sinh-quan.

Nguyên nhân đối thoại

« Từ chỗ tầy-chay đến chỗ đối-thoại » (1), đó là lời phê phán của phe cộng-sản về thái-độ mới của phía công-giáo. Ai biết lịch-sử Giáo-hội công-giáo cũng nhận thấy rằng công-đồng Vatican II có một đặc-điểm quan-trọng là không trình - bày và bảo-vệ giáo-lý mình bằng cách kết án những lý-thuyết ngược

lại, như các công đồng trước quen làm. Vatican II tránh thái-độ tự-vệ tiêu cực, không muốn chỉ nhìn đến cái « dở » của con người hay mối đe dọa của nền văn minh hiện đại, nhưng thành-thực nhìn nhận mọi giá trị chân chính và sẵn sàng đối thoại với mọi người. Ba văn-kiện : Giáo-hội trong thế-giới hiện-đại, Giáo-hội với các tôn-giáo ngoài ki-tô-giáo, và Tự-do tôn-giáo, nói lên một cách đặc biệt thái-độ tích-cực và cởi mở này. Như thế chúng ta không lạ gì khi ở các buổi Hội-thảo, các nhà mác-xít thường trích dẫn các văn kiện của công-đồng và của hai vị Giáo-hoàng Gioan và Phao-lô.

Giáo-hội công-giáo không lạc quan một cách mù quáng. Nhưng có một sự-khien Giáo-hội không thể và cũng không muốn từ chối : « Con người hiện nay càng ngày càng ý-thức hơn về giá-trị nhân-vị » (2), Đó là một ưu điếm có thể làm khởi điếm cho một cuộc đối thoại phong-phú giữa tín-đồ ki-tô-giáo với người ngoài. Ngay ở các nước độc-tài cộng-sản ít nhất là ở Đông-Âu nhà cầm quyền cũng bắt đầu nói tay, không

(1) Tạm dịch tên cuốn sách của R. Garaudy : De l'anathème au dialogue, Paris 1965. Garaudy thuộc trung-ương đảng C.S. Pháp và là giám-đốc Trung-tâm nghiên-cứu Mác-xít Ba lê.

(2) Tuyên-ngôn về Tự-do tôn-giáo, số 1.

còn quá khe khắt như trước nữa. Triết gia Schaff thuộc trung-ương đảng Lao-động Balan tuyên bố trong cuộc hội-thảo ở Cologne (1964) : «Mối lo-âu của chúng tôi nhằm một cùng-đích tối quan-trọng, là Con người» (3) Và Lombardo-Radice một nhân-vật quan-trọng đảng cộng-sản Ý thú-nhận rằng một số sự kiện xảy ra ở Nga xô và ở Đông Đức là do hoàn cảnh lịch-sử chứ không phải do lý-thuyết cộng sản tính-tuý tạo nên và ông yêu cầu người ki-tô-giáo đừng lẫn lộn lý-thuyết với những sự-kiện đó. (4) Ở công-đồng, một số nghị-phụ đề nghị lên án cộng-sản, nhưng không được đại đa số đồng ý. Công đồng không muốn gây dịp cho người ta lẫn lộn lý-thuyết và con người theo lý-thuyết. Chủ-nghĩa cộng sản vẫn bị coi là sai lầm, nhưng người cộng sản có thể rất thành-tâm, đầy thiện-chí. Một điều đáng chú-ý : hai danh-từ « giá-trị nhân-vị » và « thiện-chí » thường được dùng nhiều trong các văn kiện công-giáo có liên quan tới thế-giới và con người hiện-đại.

Đề tóm-tắt, có thể trích-dẫn ý-kiến sau đây của linh-mục Miano, thư ký Văn-phòng liên-lạc với người vô-thần, trong một bài thuyết-trình tại Trung-tâm trí-thức công-giáo Pháp đầu năm nay : « Đồi bên phải nỗ-lực đề cao các điểm giống nhau, chú trọng đến những điểm liên-kết hơn là những điểm chia-cách, tuy không vì thế mà xoá bỏ hay coi thường những điều khác-biệt. Quan-điểm có thể khác nhau sâu xa, nhưng trong bầu không khí tôn-trọng, hiểu-biết và thành-thực, nó sẽ dễ xính lại gần nhau. Tôi muốn nhấn mạnh rằng, người ki-tô-giáo sẵn sàng đối-thoại không phải vì bị ép buộc hay vì nhận thấy rằng mình là và có lẽ sẽ còn là thiểu-số trong mấy

chục năm sắp tới. Theo tôi, hình như số di có đối-thoại là vì giá trị con người càng ngày càng được nhìn nhận, nhờ sự tiến triển của văn hoá và xã hội.» (5)

Những biến chuyển trong Giáo-hội công-giáo không dễ phe cộng-sản thờ-ơ. Sau khi chính-phủ Hung-gia-lợi ký thỏa-ước với Tòa-thánh La mã (tháng 9 năm 1964), báo Argumenty tại Varsovie viết : « Vấn-đề thiết lập bang giao với Vatican là vấn-đề tối quan-hệ đối với chúng ta, vì càng ngày Giáo-hoàng càng trở nên yếu-tố quan trọng trên chính-trường quốc-tế » (6). Cũng vào khoảng đó có cuộc tranh-luận ở Balan về vấn-đề cộng tác giữa mác-xít và ki-tô-giáo. Một tác giả viết : « Nhìn nhận hay không nhìn nhận một số giá trị nhân văn của đạo công-giáo, không tùy thuộc ở phía mác-xít mà thôi, nhưng còn tùy ở chỗ người công giáo sẽ thành-công như thế nào trong việc tách rời Giáo-hội và tôn giáo ra khỏi vai trò phục-dịch chế-độ tư-bản và từ bỏ mối thỏa-hiệp cổ-truyền giữa Bàn-thờ và Ngai-vàng. Trong mấy năm gần đây, những kinh-nghiệm thu thập được trong địa-hạt này đã thấy phổ-biến rộng rãi trên phương-diện lý-thuyết. Việc công-giáo tự tách ra khỏi nền móng tư-bản, là việc hết sức quan-trọng và mang giá-trị lịch sử lớn lao. Nó được người mác xít chăm chú theo dõi » (7) Luigi Longo lãnh-tụ đảng cộng-sản Ý nói quả-quyết hơn trong một cuộc phỏng-vấn

(3) Theo báo Herder-Korrespondenz 19 (1964-1965) tr. 416.

(4) như trên, tr. 419.

(5) Informations catholiques internationales số 281 ngày 1/1/1967 tr. 22.

(6) Trích theo : Ost-Probleme 17 (1965) tr. 196 — (7) như trên, tr. 212.

dành cho báo *Der Spiegel* : « Tại đại-hội Đảng, chúng tôi đã nhận-định rằng ương-tâm ki-tô-giáo đã bị xâu xé, — thứ lương-tâm mang những hiện-tượng tiêu-biểu của xã-hội tư-bản, như bóc-lột, hạn chế tự do và xâm phạm tới nhân-vị » (8).

Chúng tôi nghĩ, về phía cộng-sản còn có những lý-do khác khiến họ bắt tay nói chuyện với ki-tô-giáo, nhưng đề tóm tắt, còn có thể nêu ý kiến của R. Garaudy. Theo ông, hai sự kiện sau đây khiến cho việc đối-thoại và cộng tác trở nên tối cần. Một là ngày nay khoa học kỹ thuật đã tiến đến chỗ có thể tiêu diệt cả nhân loại, hai là trong thời đại ta có hai hạng người, một hạng tìm thấy ý nghĩa sống chết trong tôn giáo và hạng kia đặt tin tưởng vào vào chủ nghĩa cộng sản. Tương lai không thể xây dựng ngược lại hai hạng người này và không thể xây dựng nếu không có họ (9).

Như thế chúng ta đã chạm tới vấn đề cộng sản nghĩ gì về tôn giáo nay và mai sau ?

Tôn-giáo ru ngủ quần-chúng ?

Chúng ta biết một « danh ngôn » của K. Marx : « Tôn giáo là thuốc phiện ru ngủ quần chúng ». Nhiều tác giả mác-xít hiện nay cho rằng câu nói này không nhằm bản - chất của tôn giáo, nhưng nhằm xã hội tôn giáo mà Marx đã chứng kiến : đó là một thứ ki-tô - giáo (theo Marx) cấu kết với giai cấp phong kiến, tư bản, phát xuất từ thế kỷ thứ ba, sau khi hoàng đế Constantin quy-giáo và đặt đạo này làm nền móng xã hội. Ngoài ra, sau khi không còn bị bắt bớ nữa (ba thế kỷ đầu) đạo dần dần bị pha trộn với ý-thức-hệ Hy-lạp và La-mã. Người tín đồ lắm khi đã quên mất tính chất cách-mạng

của tôn giáo mình. Trong lúc người đương thời tin rằng thời gian chỉ xoay tròn không đầu không cuối và cá nhân bị kim hãm trong vòng cương tỏa của Định mệnh khe khát, thì Ki-tô-giáo đến như một lý thuyết mới mẻ, giải phóng con người, đặt lại giá trị cho nhân-vị. Từ nay « con người coi mình như một khả năng chọn lựa, tự mình định đoạt đi theo lời mời gọi của Thiên - chúa và chịu trách nhiệm về quyết định của mình » (10). Mỗi cá nhân là một chủ thể, sống trong hiện tại nhưng cốt yếu hướng về tương lai. Đặt lại giá trị chủ thể, nhưng Ki-tô-giáo hoàn toàn chống lại chủ nghĩa cá nhân, bởi vì mỗi người chỉ cứu rỗi mình trong cộng-đoàn anh em mà họ phải yêu mến như yêu mến Thiên chúa. Người mác-xít không thể không nhìn nhận giá trị của một quan niệm như thế. Họ cũng nhắm về tương lai, cũng đặt con người vào cộng đoàn, cũng theo đuổi một Tuyệt - đối, có khác nhau là ở chỗ Tuyệt-đối của họ là một Đòi-hỏi và một Khiếm - diện, còn Tuyệt-đối của Ki-tô - giáo vừa là một Hứa-hẹn vừa là một Hiện-diện (vì Thiên chúa đã nhập-thể trong thời gian và Nước Chúa đã bắt đầu tuy chưa hoàn toàn thể hiện. Chính vì thế mà tín đồ không thể coi thường việc xây dựng trần gian).

Cộng sản và Ki-tô giáo còn gặp nhau ở chỗ hai bên cùng nêu vấn-nạn và nêu đòi hỏi. Nhưng đạo dễ trở thành một

(8) *Der alte Kommunismus stirbt*, trong ; *Der Spiegel* ngày 29-8-1966.

(9) Xem *De l'anathème au dialogue*. Chúng tôi theo bản dịch Đức-ngữ in trong cuốn tập-thể : Garaudy, Rahner, Metz ; *Der Dialog*, Hamburg 1966.

(10) Garaudy... *Der Dialog*, tr. 98.

sức mạnh tha-hóa (aliénation) vì dừng lại ở câu trả lời. Garaudy nói trong xã hội chủ-nghĩa con người vẫn đặt câu hỏi vẫn tiến tới không ngừng và chính đó là khả năng «siêu-việt» (transcendance) của con người.

Như thế, tôn giáo, có lẽ phải nói rõ hơn : tôn giáo trong vai trò cách mạng của nó, sẽ tồn tại và có quyền tồn tại trong xã hội chủ-nghĩa mai sau. Triết-gia mác-xít Schaff quả quyết : hiện có và sẽ có mãi những vũ-trụ quan khác nhau. Và Lu-porini (Ý) : «Không phải chỉ phổ biến kiến thức khoa học và nâng cao đời sống vật chất lên là tự nhiên tín ngưỡng sẽ biến mất, vì tín ngưỡng phát sinh từ một nhu cầu thiết yếu của con người» (11).

Nhà thần học chắc chắn sẽ tìm thấy nhiều khuyết điểm trong quan niệm về tôn giáo nói trên, nhưng dù sao so với quan niệm thông thường thì đây đã là một bước tiến khá dài. Một câu hỏi chưa thể trả lời được là : quan niệm này có quyền đại diện cho quan niệm chung của thế-giới cộng-sản không ?

Nhân-sinh-quan

Nhân-sinh-quan mác-xít thiếu yếu là một nhân sinh quan vô thần : cộng sản từ chối Thượng đế đề-đề-cao và giải phóng con người. Còn nhân-sinh-quan ki-tô-giáo hướng về Thiên-chúa (théo-centrique) : con người không thể là con người trọn vẹn nếu tách rời khỏi Thiên chúa. Không những nhìn nhận Thiên-chúa không làm giảm giá trị con người, trái lại còn nâng cao con người lên.

Mới nhìn qua, ta tự hỏi hai quan-điểm trái ngược nhau như thế làm sao có thể nói chuyện được với nhau ?

Nhưng đi sâu hơn vào chi tiết, ta sẽ thấy có những miếng đất trao đổi và cộng tác chung.

Ở đây cả hai phe đều phân biệt lý thuyết nguyên-thủy và những thực-hiện cụ-thể trong lịch-sử (12). Theo Marx thời trẻ, con người không phải chỉ là một «con vật kinh tế» và lịch sử không hoàn toàn do kinh-tế chi phối. Tuy có lệ thuộc vào hoàn cảnh kinh tế, nhưng tự trung chính con người làm nên lịch-sử mình, tự thể-hiện mình bằng lao-động. Hiện-hữu là tạo-tác. Như thế có nghĩa là con người có tự do, tuy không phải tuyệt đối, có khả năng vượt lên khỏi các dữ-kiện (données) Khả năng này vô tận, nghĩa là không bao giờ thỏa mãn. vì thế bước tiến lịch sử sẽ vô cùng và xã hội cộng sản không kết-liệu lịch sử nhưng chỉ là khởi đầu giai-đoạn lịch-sử mới của nhân loại.

Như đã nói trên, người mác-xít nhìn nhận quan-niệm rất cao của ki-tô-giáo về nhân - vị. Họ cũng công nhận ki-tô-giáo đã đóng góp nhiều vào công việc xây dựng văn hóa và cả những cuộc cách-mạng giải-phóng nữa. Hơn thế nữa, chính tư tưởng mác-xít cũng thừa hưởng cái gia sản tinh thần của tôn giáo này(13). Dù qua lịch sử, Giáo - hội đã không thoát khỏi mối nguy hiểm coi nhẹ con người và các giá trị trần-thế nói chung, nhưng tin vào một Thiên-chúa siêu-việt không ngăn cản ta tin vào sứ mệnh «con người.» Theo ki-tô-giáo, tương lai tuyệt

(11) Theo Herder-Korrespondenz 19 (1964-1965) tr. 418

(12) Cũng như trên, những phân tích ở đây dựa theo Garaudy

(13) Xem : Der Dialog, tr 91.

đối của con người là Thiên-chúa, nhưng chỉ đạt tới Thiên chúa bằng cách xả thân vì đồng loại, vì hai giới răn Mến Chúa Yêu Người chỉ là một. Đàng khác nhà thần học Karl Rahner trong khi bàn cãi với một số tư tưởng gia mác-xít nói rằng chính vì coi Thiên chúa là tương lai tuyệt đối và chính vì Nước Chúa vĩnh viễn nằm bên kia thời gian, nên người ki-tô-giáo không có một kế-hoạch xây dựng tương lai trần-thế nhất định, — tương lai mà họ coi là tương-đối, — và bởi đó có thể cộng tác với nhiều người không đồng ý-thức-hệ. Họ chỉ chống lại những kế-hoạch nào coi con người chỉ là phương tiện mà thôi(14). Ở đây phe mác-xít nhìn nhận cộng-sản có thể sai lầm trên phương diện thực hành.

Đề trả lời những người chống lại chủ trương đối-thoại, một người cộng-sản Balan viết : «Cố nhiên về phương diện triết lý, hai quan điểm chống đối nhau, nhưng cả hai đều mang khí phách của thần Prométhée, nghĩa là chúng bắt buộc người theo mình phải thay đổi vũ-trụ để chính mình được trở nên hoàn hảo» (15).

Vài nhận-xét kết-luận

Đề kết-luận, tưởng nên nhận định rằng cuộc đối thoại nói đây là do ki-tô-giáo và mác-xít Tây-Âu khởi xướng. Trong một vài tuần Hội thảo ở Đức, tuy có đại diện một ít nước Đông-Âu tới dự, nhưng nói chung, họ còn dè dặt hơn các đồng các đồng chí phía Tây-Âu. Người ta không thể không nghĩ rằng cộng sản tỏ ra mềm dẻo hơn tại những nước nào họ chưa nắm chính quyền.

Tuy thế, không thể cho rằng vấn-đề đối-thoại đây chỉ là vấn đề chiến-lược. Không ai hồ nghi những nhà mác-xít như Garaudy, Longo là không thành tâm. Họ có phải là tiếng nói chung cho thế-giới cộng sản không đó lại là một việc khác. Một điều khá chắc chắn là ngày nay cộng-sản Âu-châu cũng «nhân đạo» hơn trước nhiều. Theo chúng tôi, sở dĩ được như thế một phần là nhờ ảnh hưởng ki-tô-giáo trên văn hóa Âu-châu, đàng khác là vì chính quyền cộng-sản đã rút được nhiều kinh nghiệm của quá khứ. Ước gì người cộng sản Á-châu cũng theo gương các đồng-chí Âu-châu mà thành thực đối thoại với các tôn giáo, nhất là với Phật-giáo, và đừng đi lại những ngõ đường mà lịch-sử đã chứng minh là sai lầm.

(4) Xem Der Dialog, tr 19.

(15) Theo Ost-Probleme 17 (1965) tr 210, Prométhée theo thần thoại Hy-lạp là ông tổ của văn minh nhân loại.

NGUYỄN-KHÁNH-HÒA

SÁCH MỚI

Bảng lược đồ văn-học Việt-Nam
do L.M. Thanh-Lãng trình bày và trích
tuyển. Quyển thượng: Nền văn học cổ
điển (Từ thế kỷ XIII đến 1862). Trình
Bày xuất bản và gửi tặng. Sách dày ngót
900 trang gồm 8 chương lớn từ «Nói
chung về thời đại văn học cổ điển» đến
«Văn học thế hệ Nguyễn-công-Trừ». Giá
360đ.

Sức mạnh của tinh-thần bất bạo-động

ĐÀO-ĐĂNG-VỸ

L. T. S. Trong buổi nói chuyện hàng tuần tổ chức tại viện Đại học Vạn-Hạnh vào 4 giờ chiều Chủ nhật 2-4-1967. Ông Đào Đăng Vỹ đã nói về đề-tài trên đây. Chúng tôi xin phép tác giả trích đăng đề bạn đọc Bách-Khoa có một tài liệu phong phú về tinh thần bất bạo động trong những cuộc tranh đấu xưa và nay từ Ấn độ qua Mỹ quốc.

Từ hơn thế kỷ nay, nghĩa là từ ngày người Tây phương tự hào đã tiến-bộ phi thường về Khoa học và Kỹ thuật, sự bạo động, sự chém giết, sự tàn phá khốc hại đã gia tăng đến tột độ trên khắp hoàn cầu. Những cuộc chạy đua tìm vàng, chiếm thực dân địa, dành nguyên liệu... đã làm cho quả đất này hoen đỏ và nhuốm mùi tử khí... từ Mỹ-châu, đến Phi-châu và Á - châu. Rồi những cuộc tranh-dành thế lực giữa những đế-quốc thực-dân cũng đã gây ra những vụ đổ máu không tiền khoáng hậu ngay cả trên đất Âu châu :

— Chiến tranh hồi Cách mạng 1789 Pháp đã làm chết 1.400.000 người.

— Chiến tranh của Napoléon đã làm chết 1.700.000 người.

— Chiến tranh giữa Nam Bắc Mỹ (1861-65) đã làm thiệt mạng 617.000 người.

— Chiến tranh Nhật Nga : 624.000 người chết.

— Thế chiến thứ nhất. 10 triệu người chết.

— Thế chiến thứ hai giết gần 40 triệu người và xáo trộn đời sống của trên 100 triệu người.

— Những cuộc nội chiến, thanh trừng tổ khổ trong cộng sản có lẽ cũng đã thanh toán hơn 100 triệu người.

Chiến tranh tại Việt-Nam không ai làm thống kê, nhưng có lẽ cho đến nay số thiệt hại về nhân mạng không dưới 3 triệu người, kể cả nạn đói vì chiến tranh gây nên trong những năm Thân, Dậu (1944-45). Đó là chưa kể cái vinh dự của V.N. đã nếm mùi chiến tranh liên tiếp hơn 20 năm nay mà chưa hết, trong khi các nước văn minh tiền tiến có gây chiến cũng chỉ dám thanh toán nhau trong 4,5, năm là cùng. Giang sơn VN bé nhỏ của chúng ta, con người VN đau khổ của chúng ta, còn đang mang nặng một danh-dự phi-thường nữa là chúng ta đang đứng trong một tiền-đồn đẫm máu, lăm-lề châm ngòi cho một thế chiến thứ Ba khốc liệt bằng trăm ngàn lần những thế-chiến trước và sẽ tiêu diệt hết loài người hết tất cả sinh vật trên hoàn-vũ.

Những chiến tranh đã giết chóc bao nhiêu trăm triệu người, đã tàn phá bao nhiêu tài sản, bao nhiêu công trình xây dựng, tạo lập của loài người, bao nhiêu kho-tàng văn-hóa vĩ đại của bao nhiêu thế kỷ để lại... Nhưng cái tai-hại lớn nhất, theo chúng tôi, có lẽ là cái tai hại về tinh thần; những chán nản, những sa đoạ, những hèn-nhát, những ô nhục, những trộm cướp, tham nhũng, đi điếm, những nạn thanh thiếu niên phạm pháp, lưu manh cao bồi, lừa gạt hiếp dâm... chẳng những chỉ ở nước ta, mà ngay cả trên các nước văn minh khắp thế giới; đó là hậu quả của sự phá sản tinh thần của nhân-loại do chiến tranh và sự đe dọa của một ngày mai không bảo đảm... đã gây ra.

Như vậy thì sức mạnh, thì bạo lực đã không giải quyết được gì, mà chỉ chông chất thù-hận. Nợ máu phải trả bằng máu, gây thù phải bị trả thù. Liên-miên như thế, làm sao tạo được một xã-hội an-toàn trong ấy con người đối với nhau có thể khác chó sói đối với chó sói?

May thay, từ xưa đã có những người không chủ-trương dùng sức mạnh mà chỉ dùng tình thương và tinh-thần bất-bạo-động để cải tiến xã hội loài người, để cách mạng tư-tưởng và sinh-hoạt của loài người, để tìm nguồn ánh sáng Công lý và Hạnh phúc cho Nhân loại.

Và người đầu tiên ta cần phải nói đến là Đức Thích-ca Mâu ni, Người trước đây gần 25 thế - kỷ đã thành lập một tôn giáo lớn nhất hoàn cầu.

Với một niềm tin không bờ bến ở giáo-ly của mình, ở tinh-thần cảm-hóa bất-bạo-động, Đức Phật đã làm đảo lộn cả nền tư-tưởng, văn hóa và xã hội của

nhân loại, mà không bao giờ phải dùng đến sức mạnh đe rành ép ai. Và tín đồ của Người, trong mấy nghìn năm trở lại, vẫn giữ được một tinh thần bất-di bất-dịch như thế ở bất cứ một địa-phương nào, một miền một nước nào, đã có cá duyên được Phật-giáo thấm nhuần đến

Nhưng trong bài này, chúng tôi chỉ nhấn mạnh đến tư tưởng xã-hội đầy nhân-ái của đấng giáo-chủ này mà thôi. Lúc Đức Phật ra đời, xứ Ấn-độ đã bị giống người Arya xâm-chiến trên một ngàn năm, và dân-tộc thống trị này đã phân-cách xã-hội Ấn thành những giai-cấp bất khả xâm phạm và bất-di bất-dịch từ đời này sang đời khác. Những giai-cấp thượng lưu như giai cấp Bà-la-môn có đủ mọi quyền-hành còn những người vô giai-cấp bị ngược-đãi quá loài thú dữ: không được uống nước cùng giếng, không được ở gần giai cấp trên, nếu đi ở đường mà gặp một người giai-cấp trên thì từ xa đã phải lần tránh, lỡ gặp phải bóng người thôi cũng đủ cho người ấy giết bỏ.. Trong một xã-hội như thế, mà đức Thích-ca đã can-đảm phủ-nhận tất cả những tư-tưởng phân chia giai-cấp, đã xem mọi người đều như nhau, và đã tự coi mình đang ở trong một giai-cấp thống - trị như một người không giai cấp.

Ngài có can-đảm đó vì Ngài tự xem mình chỉ là một Người như những con Người khác như những phần tử khác của nhân loại. Ngài có một ý-tưởng phi thường là không lúc nào tự xem mình là bậc siêu-phàm, là thần thánh, là một đấng thiêng. - liêng. Ngài chỉ là một người giác ngộ, và mỗi người ở thế gian đều có thể giác ngộ như Ngài, mỗi người có thể là một Đức Phật.. Với tư tưởng nhân

bản đó, Ngài đã đề-cao nhân-loại, tất cả nhân loại đến một mức độ siêu-phàm thoát-tục, vì trong mỗi người đều tiềm tàng tính-chất của Phật, mỗi người tự mình có thể tự giải-thoát không cần phải cầu xin ai cả.

Ngài lại không bao giờ xem những kẻ khác tư-tưởng mình là kẻ thù, là người đối lập : thái độ bao dung quảng đại đó và lòng khiêm-tốn, trí sáng suốt của Ngài đã soi rõ con đường đi cho tín đồ đạo Phật, khiến cho Phật-giáo trải qua hơn hai ngàn năm không có những chuyện va chạm bạo động với bất cứ một tôn-giáo nào, một lý-thuyết nào. Chính đức Thế tôn đã dạy rằng " Ở đời này, hận thù không lúc nào tiêu diệt được hận thù ; chỉ có tình thương mới làm hết hận thù. Đó là định luật muôn đời vậy."

Những tư tưởng rất mới mẻ, rất táo bạo của đức Thích-ca phát hiện trong một giai đoạn lịch sử đại phong kiến, nhưng lại đi đôi với một tinh thần hoàn toàn bất bạo-động. Tinh-thần đó, với lý thuyết nhân-bản của Ngài, có một sức mạnh cảm-hóa hàng trăm hàng ngàn triệu người. Và đã nhiều người, dầu thuộc tôn giáo khác, thuộc truyền thống và tín ngưỡng hoàn toàn trái ngược..., cũng đã chịu ảnh hưởng rất nhiều về tinh-thần từ-bi bác-ái và bất- bạo-động của Ngài. Chứng cứ là ngay những nhân-vật lịch sử của Ấn-độ như Gandhi thuộc giáo-phái *Djaina* (Vạn-thắng) và *Nerhu* thuộc giai cấp Bà-la-môn... đã bình vực và thực hiện lý-thuyết vô giai-cấp và bất- bạo-động, trái với truyền thống *Arya* và Bà-la-môn của các vị đó.

oOo

Sau tên của Phật, chúng ta vừa nhắc đến tên một vị Thánh, đó là *Mohandas*

Gandhi, cũng là người sinh trưởng trên đất Ấn-độ. Từ đời tiền-sử Ấn-độ đã là một miếng mồi ngon cho nhiều cuộc xâm lăng của các dân tộc hùng mạnh, hoặc ở ngay cạnh Ấn, hoặc từ xa đến : như các dân-tộc *Arya*, *Hy-Lạp*, *Scythes*, *Hung Nô*, *Thô-nhi-Kỳ*, *Ba-Tur*, *A-rập*, *Mông-cô* v.v..

Người Âu Tây thứ nhất đã đặt chân lên đất Ấn là người Bồ-đào-nha với *Vasco de Gama* (cuối thế kỷ 15 và đầu thế kỷ 16), rồi đến người Anh, người *Hoà lan* và người *Pháp*. Lúc đầu, những giống người này chỉ đến để buôn bán, mãi đến gần nửa thế kỷ 18, mới xảy ra những cuộc xâm-chiếm đất đai và tranh dành ảnh-hưởng, do nội-biến giữa các lãnh chúa Ấn-độ xâu - xé nhau để gây nên những cuộc can-:hiệp ngoại-lai. Đến cuối thế kỷ 18, sau khi thắng Pháp, Anh lần lần đặt được nền đô hộ lên toàn cõi nước Ấn. Nhiều nơi đã lần lượt nổi lên chống Anh nhưng đều thất bại. Cuộc chống đối chỉ bắt đầu làm cho người Anh khốn đốn với *Mohandas Gandhi*. Nhưng Gandhi chống-đối lại Anh không phải bằng gươm dao súng ống, mà với một phương pháp bất-hợp-tác hoàn toàn bất- bạo-động.

Tinh-thần bất- bạo-động (*ahimsa*), Gandhi đã thấm-thái được trong Vạn-thắng-giáo (*Djaina*) của gia đình ông, hay ông cũng bị ảnh hưởng phần nào của Phật-giáo ? Dầu sao Gandhi cũng đã biến một thái độ đạo đức và một bài học tín-ngưỡng thành một lợi-khí chánh-trị vô-cùng bén nhạy và rất có hiệu quả.

Hồi còn thanh niên, Gandhi đã được cái may mắn du học tại Anh, và ở đây, chẳng những ông học Luật mà còn dành những th giờ rỗi rãi để đọc rất nhiều

sách về văn học, triết học và tôn-giáo. Cuốn kinh của Ấn-độ giáo Bhagavad Gita (trong bộ Kinh dài *Mahabharita*) đã làm ông cảm xúc nhiều với những câu như : « Con người không nên có những ham muốn, những thèm khát tham vọng nữa, mà phải tập làm những gì mình tự cho là phải mà không cần biết những hậu quả của hành động mình. Phải từ bỏ lòng thù ghét, vì thù ghét và ham muốn là những bức màn ảo-tưởng che lấp lẽ phải và sự thật. » Gandhi lại đọc *Kinh Tân ước* của Thiên-chúa-giáo và đã chú-ý đặc biệt đến bài *Thuyết - pháp trên đồi*, (*Sermon sur la Montagne*) và Gandhi hiểu rằng bất bạo động cũng là giáo lý căn bản của Thiên-Chúa-giáo. Gandhi bắt đầu thấy rằng Đông và Tây không thể trái ngược nhau, và có những mối dây thiêng-liêng vô-hình liên - kết những người có lương-tâm, không cần những người này phải cùng một tôn giáo, cùng một xứ sở, cùng một màu da.

Về sau, Gandhi lại làm quen với tác phẩm của nhà xã-hội học Anh, Ruskin và cuốn *Unto this Last* (đến người cuối cùng) đã ảnh hưởng rất sâu xa đến đời ông. Ruski nghĩ rằng người ta có cơ-hội tìm được hạnh-phúc dễ nhất trong sự cộng-tác làm việc với người khác để cải-tiến xã-hội quanh mình, ông ta chủ-trương bỏ hết những cái xa-xỉ của văn minh để trở lại lối sinh - hoạt bình-dị. Gandhi hoan-hỷ chấp-nhận ý đó và quả-quyết rằng chỉ có đời một dân cày hay một dân thợ là đáng sống, và ông đã thực hiện ý tưởng này cho bản thân ông.

Một cuộc gặp gỡ tinh thần nữa đã củng cố thêm chính sách bất-hợp-tác, bất-bạo-động của ông, là trong khi nằm

tù, ông đã có thì giờ đọc được cuốn sách « *Civildisobedience* » (bất-phục-tùng dân sự) của một triết-gia và văn sĩ Hoa-kỳ ô. *Henry David Thoreau*. Ông Thoreau, trong khi đang nằm trong một ngục tù ở Mỹ, đã nghĩ rằng « dưới một chính phủ muốn giam cầm ai một cách bất-công cũng được, thì chỗ ở của một người trọng công-lý là cái nhà tù. Chống lại một luật-lệ bất-công, đối với Thoreau cũng như đối với Gandhi, là phụng sự ích-lợi cho xứ-sở yêu quý của mình, và hành động như thế là hành-động của những kẻ yêu nước.

Với những tư-tưởng phi-thường trên đây, Gandhi đã thản-nhiên chịu đựng tất cả mọi đối-xử bất công và tàn-ác của những người đã áp-bức và khinh-bị mấy trăm triệu đồng-bào của ông.

Nhưng sau khi ra trường để làm Luật sư thì môi-trường hoạt-động của ông chưa phải là Ấn-độ, mà làm Nam Phi-châu, vì sau khi hồi-hương, ông được một Hội buôn lớn của người Ấn cử ông qua Nam-Phi để binh-vực quyền-lợi cho những nhân-viên người Ấn ở bên ấy.

Gandhi đã quen ở một xứ bị người da trắng đô-hộ rồi, nhưng lúc bước chân lên đất Nam-Phi càng thấy vực thẳm ngăn cách người khác màu da là thế nào. Người da đen gốc Phi và người Ấn là đa-số của dân-chúng xứ này, nhưng nhóm người da trắng thống-trị đối xử với họ một cách hết sức tàn-tệ. Người Ấn nhập-cảnh Nam-Phi phải đóng một số thuế lớn, mà chỉ được làm những việc ti-tiện, hạ-cấp. Ở tỉnh *Transvaal*, họ không được quyền bầu-cử, không được phép tậu đất ruộng và không được đi trên lề đường công-cộng. Một hôm

chàng luật sư *Gandhi* có việc cần đi đến Thủ-đô *Pretoria* của xứ *Transvaal*, anh ta đã mua vé tàu lên ngồi hạng nhất trên xe lửa, nhưng nửa đường, lúc có một người da trắng lên cùng một toa tàu, thì người ta mời anh ta phải xuống ngồi ở toa hàng-hóa, anh ta từ-chối thì có cảnh-sát ở ga lên can-thiệp và vất cả va-ly và đuổi anh ta xuống không cho đi nữa. Lúc về, *Gandhi* rất căm hận và quả-quyết tranh-đấu cho quyền-lợi và nhân-phẩm người Ấn-độ: ông ta đã tổ-chức những cuộc mít-tinh lớn giữa người Ấn và khuyến-khích đồng-bào ông phải đoàn-kết để chiến-đấu chống những kỳ-thị chủng-tộc.

Lúc trở về Ấn, ông đã bỏ công viết sách viết báo, diễn thuyết, in truyền đơn, phân phát khắp Ấn độ gây một phong trào chống đối quyết liệt chánh-sách kỳ-thị chủng tộc ở Nam Phi. Trở lại Phi-Châu để gần gũi những đồng bào bị hiếp đáp, ông bị ngay những người da trắng vây bọc, hung hăng sắp đánh đập ông và có thể giết ông dưới làn mưa đá gạch ném tràn vào người ông, nhưng một người đàn bà da trắng là vợ ông Cảnh-sát-trưởng đã can-đảm bình-vực ông, chống dù đứng che làm bia đỡ đạn cho ông, rồi chính ông Cảnh-sát-trưởng cũng đến giải thoát cho ông. Nhưng rồi ông không tỏ một thái độ gì thù hận với bọn người hiếp-đáp ông, cử chỉ này đã khiến người da trắng phải khâm phục.

Để thực hiện lời triết-gia *Ruskin* (quãng năm 1904) ông và vài người bạn lập một nông trại gần thành *Durban* để sống gần thiên nhiên và chỉ dùng những vật do tự tay mình làm ra; những thực

phẩm ông cho là xa xỉ như đường trắng, bánh mì, đồ gia vị, đều không hề có trên bàn ăn của ông và gia đình ông nữa. Đời sống khắc khổ làm ông yếu dần đi, nhưng ông vẫn cương quyết không chán nản. Năm 1906, ông tiến thêm một bước trên con đường tìm tuyệt đối: ông tự nguyện thực hiện điều mà người Ấn gọi là "*Brach macharya*" nghĩa là sự tiết dục hoàn-toàn không gần gũi đàn bà cho đến suốt đời. Ông tự kiểm chế mình, giữ vững lập trường lúc nào cũng giản-phác để theo đuổi một mục-tiêu tinh-thần sáng tỏ, ông tu-luyện thể-xác và tinh-thần để chiến-đấu, vì ông thấy ông phải chiến-đấu lâu dài và cam go cho dân-tộc ông, cho nước Ấn-độ thương yêu của ông.

Nhưng cho đến lúc bấy giờ, cuộc tranh-đấu của người Ấn ở Nam-Phi dưới sự lãnh đạo của *Gandhi* tự-trung vẫn thực-liện với những bản thỉnh nguyện và các chiến dịch cõ-động tuyên truyền thôi.

Qua năm 1906, một sắc-lệnh của chánh quyền *Transvaal* đã đẩy người Ấn ở Nam-Phi qua một giai đoạn tranh đấu quyết liệt hơn. Nhà cầm quyền *Transvaal* buộc người Ấn phải mang một thẻ căn-cước nếu không sẽ bị tù hay bị trục xuất. Dân Ấn bèn họp một mít-tinh vi đại và cương quyết chống sắc lệnh trên bằng cách bất-phục-tùng dân-sự, Phong trào chống đối này được gọi là *Satyagraha* nghĩa là "Sức mạnh trong chân lý và tình thương" hay "tranh đấu bất-bạo-động". Chánh quyền *Transvaal* cho bắt giam *Gandhi* và một số *Satyagrahis* và số người này cứ mỗi tăng gia mãi trong nhà giam. *Gandhi* lợi dụng thì giờ an nhàn trong ngục tù để đọc sách và học tập thêm về tôn-giáo, triết-học

và lịch-sử. Và *Gandhi* đã nghiệm thấy ông rất đồng ý với triết gia da trắng *Thoreau*, và sự thật phong trào *Satyagraha* là cuộc cách mạng hòa bình *Thoreau* được thực hiện tại Phi châu trong một quy mô rộng lớn. Và *Gandhi* đã tự phê-bình lúc bị cầm tù theo những lời sau đây của *Thoreau*: « Tôi không thể nhịn cười được lúc thấy họ hấp tấp đóng cửa nhà tù, trên những tư tưởng của tôi. Nhưng tư tưởng của tôi vượt khỏi mọi chướng ngại vật, và những tư tưởng ấy mới thật nguy hiểm. Họ không thể làm gì được tôi nên họ quyết hành phạt thân xác tôi, chẳng khác gì mấy đứa trẻ nít lúc không xáp lại gần được người chúng ghét, chúng lại đến hành hạ con chó của người đó. Chánh quyền thật ngu si... và không hiểu ai là bạn ai là thù. Tôi mất hết lòng kính-trọng đối với họ, và lấy làm thương hại họ.»

Sau bao nhiêu lần tranh đấu cho đồng bào ở Nam Phi-châu, sau bao nhiêu lần vào tù ra khám, và bị ngay cả đồng bào ông ngược đãi vì nghi ngờ ông đi với kẻ địch, bởi thái-độ dung hòa của ông, đến năm 1914 ông trở về Ấn-độ và bỏ nghề luật-sư để làm chính-trị. Lúc sắp bước hẳn vào trường tranh-đấu chánh-trị, ông luôn luôn chủ-trương rằng đạo-đức phải hướng-dẫn nghệ-thuật cầm quyền, nếu không chánh-quyền sẽ thối nát. Và mục tiêu chánh-đáng thì phương-tiện để đạt đến cũng phải chính-đáng, nếu không mục-tiêu cũng sẽ không chánh-đáng và sẽ không đạt được.

Lúc *Gandhi* trở về nước thì Ấn-độ đang ở vào một tình-trạng khốn-đốn dưới quyền đô hộ của người Anh. Chánh phủ Anh đã thành lập cho Ấn một quốc-

hội với mục-dịch hiển cho dân Ấn-độ một chỗ thảo-luận và đối-thoại, tương-đối không nguy-hiểm, vì quốc-hội là nơi bàn cãi liên-miên giữa các phe-phái tranh nhau đưa những thỉnh-nguyện và kiến-nghị, giữa những phái chủ-trương kêu gọi chính-phủ Anh cải-cách chính-trị, và những phái muốn dùng phương-sách khủng-bố để đòi lại chủ-quyền quốc-gia. Mục đích của người Anh đã đạt được vì các phe đảng Ấn đều chỉ mất thì giờ bàn cãi, thảo luận và đá-kích nhau. Vì vậy các lãnh-tụ trong quốc-hội Ấn hướng cả về *Gandhi* mong được chỉ huy để đạt được kết quả chung.

Với thể-chiến thứ nhất, người Ấn và cả *Gandhi* đều hy-vọng rằng sự hợp-tác với Anh để chống Đức sẽ làm cho người Anh công-nhận Ấn-độ là một nước tự-trị, *Gandhi* vẫn tin dân-tộc Anh không xấu, mà chỉ chánh-sách cai-trị của người Anh ở Ấn độ là xấu.

Nhưng một năm sau chiến tranh *Gandhi* và tất người Ấn đều thất-vọng vì những lời hứa của Anh không giữ đúng, và dân Ấn vẫn không đạt được những tự-do dân sự... *Gandhi* ra lệnh toàn-bộ nước Ấn thực hiện một cuộc tổng-đình-công 24 tiếng đồng hồ để khởi đầu cho một chiến-dịch *Satyagraha* toàn diện hòng chống lại mọi khủng bố của người Anh. Tất cả nước Ấn đều như ngừng thở trong 1 ngày đêm, từ thành thị đến thôn xóm đều vắng lặng im phắc. Người Anh lo ngại. Người Ấn lần đầu tiên ngừng đầu cảm thấy hãnh diện, và nhận thấy sức mạnh của số đông. Nhưng rồi có những cuộc nổi dậy bạo động chen trong tiếng súng nổ. *Gandhi* kinh hoàng nhận thấy quần chúng chưa được huấn luyện và chín mùi để

thực hiện chính sách bắt-bạo-động Ông liền ra lệnh chấm dứt chiến dịch *satyagraha*.

Nhưng mỗ lửa đã bùng lên thì khó mà dập tắt trong khoản-khắc, và ở thành phố *Amritsar*, cuộc nổi loạn đã làm chết 379 người và bị thương 1.137 người, cả người Anh lẫn người Ấn và lẽ tất nhiên là tối đại đa số người Ấn bị thiệt hại. Hình ảnh thương đau của kẻ xấu số đã in sâu vào tim óc *Gandhi* và biển cỏ *Amritsar* đã làm ông thành một người hoàn toàn chống đối nước Anh.

Năm 1920, *Gandhi* đề nghị một cuộc *bất-hợp-tác* với người Anh. Ông nói : «Người Anh không thể tiếp tục thống trị Ấn-độ nếu không có dân chúng bị đò-hộ hợp tác tới họ... Chúng ta đã làm nô lệ cho người, thì ta đừng giúp người đặt ách nô lệ lên mình ta nữa. !»

Ba chữ *bất hợp tác* làm rung động cả nước Ấn. Các nhà lãnh tụ Quốc-hội Ấn chấp thuận chương trình *bất hợp tác* của *Gandhi*. Nhiều nhà ái quốc theo ông, trong ấy có một luật sư trẻ tuổi tên *Nehru*. Sinh viên bỏ trường Anh quay về học trường Ấn, luật sư bỏ nghề không cãi trước Tòa án Anh, dân chúng từ khước không nộp thuế cho Anh và không mua hàng hóa của Anh nữa. Cho đến cả nhà đại-thi-hào *Rabindranath Tagore* vừa được giải thưởng *Nobel*, cũng từ-chối không nhận những danh-tước chánh-phủ Anh hiến tặng ông.

Gandhi muốn hoà mình với người dân Ấn nghèo nàn nhất, ông lột bỏ cả áo quần sang trọng và chỉ mặc một tấm váy quàng mình. Ông du-hành khắp nước Ấn, diễn-thuyết giữa những đám đông dân-chúng, khuyên mọi người phải tu-thân, phải chấm dứt mọi chia rẽ

giữa người Ấn và người Hồi, phải phá bỏ hết mọi tường ngăn giai-cấp. Ông khuyên dân quê nên dệt lấy vải thô mà mặc, khỏi mua hàng vải Anh làm Anh giàu thêm mà Ấn nghèo thêm. Qua năm 1921, nhiều xưởng dệt Anh đã phải đóng cửa vì chiến-dịch này. Người Ấn tẩy-chay cả cuộc du-hành của Hoàng-tử Anh qua nước Ấn và Hoàng-tử *De Galles* đi đến đâu là dân Ấn tránh xa, hay quay lưng lại, không tiếp đón.

Hàng ngàn người Ấn bị bắt, nhưng *Gandhi* vẫn thông-dong đi cò-động, tuyên-truyền cuộc *bất-hợp-tác* nhưng cũng triệt-đề bắt-bạo-động. Người Anh mà động đến con người gầy đét, mặc váy ấy, là cả quân-đội, cảnh-sát, dân-chúng toàn nước Ấn sẽ nổi loạn.

Gandhi đã làm cho dân Ấn tỉnh giấc và hết sợ-sệt, ông đã làm cho dân Ấn bắt đầu ngược mặt lên và biết hãnh-diện. Người ta bảo ông là một thánh-nhân, nhưng ông nói : «Tôi không phải là một vị thánh đắm mình trong chính-trị, tôi là một nhà chánh-trị muốn cố-gắng giữ mình như một bậc thánh.» Chính-sách bắt-bạo-động của ông chủ-trương phải *thương* và *trọng* cả người đối-lập của mình, là một chính - sách bao gồm một tinh thần đạo - đức cao-siêu không ai trách vào đâu được. Người Ấn gọi ông là *Mahatma* (Đại thánh), nhưng ông không cho ai thờ phụng ông một cách mù-quáng vì như thế sẽ cản trở hành động của ông. Ông chỉ nhận Ông là một người thường như mọi người và ông chỉ cố gắng làm người có thiện tâm mà thôi. Nhưng ảnh hưởng tràn ngập mọi nơi vì cử chỉ giản dị thái độ khiêm tốn của ông làm mọi người phải mến trọng và kính phục.

Riêng ông, ông vẫn lo phong trào bất bạo động của ông gây ra có thể biến thành một hình thức bạo động nào đó, nếu không đủ sức kiểm soát và nếu dân chúng có lúc phẫn nộ mà mất tự chủ. Vì thế, ông ra lệnh tạm hoãn chiến dịch *Satyagraha*. Thấy ông hết nguy hiểm, chính phủ bèn bắt ông và xử ông bị sáu năm tù. Trước tòa án, ông không phủ nhận đã kêu gọi dân chúng chống chính phủ. Tuy ông ra lệnh bất bạo động, nhưng vì nhiều nơi đã xảy ra những vụ bạo động nên ông cũng nhận tội cả các vụ bạo động ấy và xin tòa phạt ông hình phạt nặng nhất. Quan tòa phải ngần ngại trước lương tâm và nhiệm vụ.

Rồi *Gandhi* đã bình tĩnh và hoan hỷ vào tù, và khuyên tất cả mọi người đừng hành động gì để giải thoát ông. Nhưng sau vì ông bệnh nặng nên chính phủ lại phải thả ông ra.

Từ 1922 đến 1929, ông đề cho quốc-hội Ấn lo tranh đấu chính trị, và chỉ hoạt động im lặng để khuyên nhủ người Hồi, Ấn bớt chia rẽ, phá bỏ hàng rào ngăn cách hạng bần dân, và khuyến khích tiểu-công-nghệ. Ảnh hưởng của ông vẫn ngày một bành trướng khắp nước.

Cuối năm 1929, Quốc hội Ấn đòi độc lập hoàn cho Ấn độ. *Gandhi* chờ một thời cơ để phát động lại phong trào tranh đấu bất-bạo-động.

Cơ hội ấy đã đến với vấn đề muối. Muối là thực phẩm rất cần thiết cho dân nghèo Ấn, nhưng chính phủ Anh đã giữ độc quyền sản xuất muối làm dân Ấn khốn-đốn. *Gandhi* quyết định phá đạo luật cấm dân tự làm muối mà dùng. Ông hô hào dân chúng theo ông ra bờ biển để lấy muối, và ngày 12 tháng 3 năm 1930, ông

dẫn đầu một đoàn dân vượt qua hàng 350 km, băng ngang các làng và đi đến đầu là dân làng sắp hai hàng đón rước, ném hoa, dưới chân ông và đoàn người của ông. Phong trào này lại buộc chính phủ Anh bắt giam con ông, ông *Nehru* và 60.000 người nữa, và cuối cùng ông cũng bị bắt. Lúc này ông đã 61 tuổi. Nhưng *Gandhi* đã sắp sẵn kế hoạch : hễ một lãnh tụ bị bắt là có người khác thay thế ngay, vì vậy mà phong trào tranh đấu vẫn tiếp tục và ông đã sẵn những cán-bộ để kiểm soát cho không lúc nào xảy ra những cuộc bạo động.

Nhưng *Gandhi* năm tù còn nguy hiểm hơn khi ông ở ngoài. Trong lúc *Gandhi* ngồi yên lành niệm kinh và tu luyện cùng đọc sách ở nhà tù thì các cuộc tranh đấu, hiệu tình vẫn tiếp tục, chính phủ Anh phải giữ trật tự và phải bắt người, phải bỏ tù. Mặt khác, từ bốn phương trời, dồn dập gửi về Luân - đôn những thư phản đối, những yêu cầu, những bài báo đòi trả tự do cho *Gandhi*, và ngay cả dư luận tại Anh cũng binh vực ông. Cuối cùng chính phủ Anh bắt buộc phải thả ông với *Nehru* và những lãnh tụ khác. Sau khi đã tự do, *Gandhi* yêu cầu được hội kiến với Phó vương *Lord Irwin*, và đây là lần đầu tiên có một cuộc hội-đàm ngang hàng giữa một lãnh tụ Ấn và một đại diện cao cấp Đế-quốc Anh. Phó vương chấp thuận thả tất cả các phạm nhân chính trị Ấn và cho phép người Ấn được làm muối tự do. *Gandhi* đáp lại bằng cách chấm-dứt phong-trào bất-phục-tùng dân-sự và gửi một đại-diện quốc-hội Ấn đi dự Hội nghị bàn tròn tại Luân-đôn. Nhưng rồi chính *Gandhi* lại được quốc-hội đề-cử đi dự hội-nghị đó ngày 29-8-1931. Nhưng Hội nghị bàn

tròn không đem lại kết quả gì, và lúc về nước, ông ta lại thấy người Anh vẫn bắt bớ, tịch-thu tài-sản và tiền bạc của các lãnh-tụ Ấn ở ngân hàng. *Gandhi* trả lời bằng cách báo trước cho chánh-phủ biết là ông sẽ phát-động lại phong trào bất-phục-tùng. Ngay 4-1-1932 người ta lại bắt giam ông. Nhưng ở trong tù, lúc ông nghe người Anh đề nghị những cuộc bầu-cử riêng cho những người vô giai-cấp, là hạng bần dân mà *Gandhi* gọi là những đứa con của thượng đế thì ông phản đối ngay. Vì ông tuy theo Ấn-độ-giáo, nhưng ông không chấp-nhận hệ-thống giai-cấp của đạo-giáo này. Ông nghĩ rằng phân-cách một số người cho họ là hạng hạ-cấp là một hành-động phản-đạo-đức và thái-độ này là một chướng-ngại lớn lao trên con đường đi đến độc - lập.

Nhưng lần này, không những phải tranh đấu chống đạo luật của người Anh, mà chính ông phải tranh đấu chống đồng-bào ông nữa. Và ông tuyên bố nếu các lãnh tụ của các giai-cấp không thể thỏa-thuận bỏ những tị hiềm nhỏ-nhất để phụng-sự quyền-lợi tối cao của tổ quốc thì ông sẽ tuyệt-thực cho đến chết. Không thấy dấu-hiệu nào thay đổi giữa phía người Anh và giữa đồng bào ông — tuy bao nhiêu lãnh-tụ đã vào thăm ông tận nhà giam để thảo luận với ông và kiếm cách đi đến một thỏa-ước — ông bắt đầu nhịn ăn từ ngày 20 tháng 9-1932. Vì tuổi đã cao, vì sức yếu do các cuộc hoạt-động tranh-đấu vào tù ra khám và tuyệt thực ở các chuyến trước — nên sau 3 hôm nhịn ăn ông không còn ngồi nổi, và lúc tụng kinh hoặc nói chuyện với các nhà chính-trị đến thăm ông, người ta phải đỡ ông ngồi dậy.

Toàn dân Ấn-độ đều đau đớn vì ông

quá đau đớn cho họ. Những lời kêu gọi đoàn-kết thiết tha của ông, những lý-luận hợp-lý của ông không đạt được kết-quả gì, nhưng những đau đớn của ông đã giác-tỉnh đồng-bào ông. Hàng ngàn dân Ấn, đề tỏ tình kính mến ông đã chịu cầm món ăn do tay người vô-giai-cấp đưa cho họ, hàng vạn người khác, trong ấy có các lãnh-tụ, chịu ngồi ăn chung với người vô-giai-cấp ở ngay giữa đường, ở các nơi công-cộng. Họ thấy họ có trách-nhiệm với sự sống còn của ông, và họ không muốn vị thánh sống của họ phải chết vì họ. Ngày thứ năm của cuộc tuyệt-thực của ông, các lãnh-tụ các giai cấp phải ký một thỏa-ước với nhau, và ngày thứ sáu người Anh cũng bãi bỏ đạo luật về bầu cử phân cách người vô-giai-cấp. Trong thực tế, sự phân chia giai cấp vẫn không hết được, nhưng đi đến một kết-quả như *Gandhi* thật là phi-thường, vì đây là một truyền thống muôn đời của Ấn-độ và không có lòng thương kính của hàng trăm triệu người đối với ông, không lúc nào có thể có những việc xảy ra như thế.

Ra khỏi tù năm 1933, ông bãi bỏ cuộc bất - phục-tùng và trong 7 năm ông đi khắp nước để nâng cao tinh-thần dân - chúng, khuyến-khích học-hành giáo-dục, và củng-cố việc hòa-hợp với dân vô giai-cấp.

Lúc thế-chiến thứ hai bùng nổ. Quốc-hội Ấn đề nghị giúp Anh với điều kiện sẽ được độc-lập, nhưng người Anh từ-chối. Tháng 8 năm 1942, đề-nghị này lại được đưa ra, và quốc-hội Ấn tuyên-bố nếu lần này không được chấp-thuận thì sẽ có cuộc bất-phục-tùng dẫn-sự toàn-diện trên khắp lãnh-thổ Ấn. Người

Anh lại bắt *Gandhi*, *Nehru* và nhiều lãnh tụ Ấn khác, và sau đó khắp nơi đã bùng nổ nhiều cuộc nổi loạn đẫm máu đòi thả ông ra. Nhà cầm quyền Anh vu cho ông đã phát động các cuộc bạo động, ông phản đối lời vu khống trái ngược với chủ trương bất bạo động của ông, và ông lại tuyệt thực trong 3 tuần lễ. Chính ông không chết nhưng bà vợ ông cũng đã già và săn sóc ông quá tận tâm nên đã chết trên tay ông. Ông chưa chết, nhưng cũng bị đau nặng, và chánh quyền sợ ông chết sinh loạn nên lại phải thả ông ra.

Lúc này thế chiến thứ hai đã kết thúc, và dư luận các nước, nhất là dư luận Hoa Kỳ và nhiều nhà lãnh đạo ở ngay nước Anh đều yêu cầu cho Ấn được độc lập. Tháng tám năm 1945, chánh phủ Anh hứa long trọng sẽ giải phóng Ấn-độ trong tình hữu nghị và không hận thù, lúc nào mà nội bộ giữa hai tôn giáo Ấn-Hồi do hai phía tự giải quyết xong được.

Gandhi đã thắng Anh sau một đời tranh đấu bất bạo động. Nhưng lúc này ông mới bị một thất bại đau đớn nhất trong đời ông. Trong lúc cùng tranh đấu chung cho độc lập, người Ấn và người Hồi đoàn kết với nhau. Nhưng khi sắp đến mức tự do độc lập, thì những mối chia rẽ sâu sắc giữa hai dân tộc này lại bùng nổ rất mãnh liệt. Quốc hội Ấn và liên minh Hồi-giáo thảo luận ráo riết suốt một năm mà không thỏa-hiệp nổi. Các cuộc nổi loạn chống đối nhau xảy ra khắp địa phương. Hàng ngàn hàng vạn người đã chết và bị thương. *Gandhi*, lúc này đã 78 tuổi, đi khắp nước để khuyến khích đoàn kết, dẹp tắt mọi thù hận chia rẽ. Nhưng trước sự thật đau đớn là nếu không thành lập

một Hồi quốc cho người Hồi thì sẽ có nội loạn trong toàn quốc. Quốc hội Ấn phải chấp thuận nguyện vọng của người Hồi vào tháng 6-1947. Bất bạo động của *Gandhi* đã thắng sức mạnh của đế quốc Anh nhưng đã thất bại trước lòng e sợ lẫn nhau, trước tham-vọng, tự ái và cuồng ngạo của hai giống người trước kia đầu lưng sát cánh nhau cùng chiến đấu.

Ngày 15-8-1947 hai nước Ấn-Quốc và Hồi-Quốc được thành lập và độc lập. Nhưng *Gandhi* phải bận đi các thành phố lớn như *Calcutta* và cả ở *Đê-li* để ngăn cản các cuộc xung đột giữa người Ấn và người Hồi còn tiếp tục, nên không dự được lễ độc lập. Nhất là người Ấn đông hơn đã ngược đãi và chém giết người Hồi khắp nơi. *Gandhi* lại tuyệt thực lần nữa để kêu gọi sự thông cảm cả hai bên, vì thù hận không bao giờ tiêu diệt được thù hận. Sau 6 ngày *Gandhi* tuyệt thực, nhiều lãnh-tụ Ấn đã đến hứa với ông bãi bỏ hết mọi bạo động đối với người Hồi.

Kết quả này đã làm cho nhiều thanh niên quá khích Ấn đã cho ông là phản bội Ấn và xem ông như chướng ngại vật lớn nhất để họ thắng hẳn người Hồi. Ngày 30 tháng 1 năm 1945, do hai người cháu gái đỡ hai bên vì lúc này ông đã quá yếu, ông đến họp với quần chúng để cùng nhau tụng niệm. Trong khi ông đang chấp tay chào đồng bào tụ hội chung quanh và sắp đến ngồi trước một bục gỗ, thì một thanh niên Ấn đã tiến đến chào ông, rồi đột nhiên rút súng bắn ông ba phát. Ông ngã gục bên bục gỗ.

Mọi người đổ xô ra đường khóc gào thảm thiết sau cái chết của bậc Thánh sống của họ. Nhưng cái chết của ông

dưới bàn tay ngu xuẩn của một kẻ quá khích đã cứu cả Ấn Hồi, vì ngay trong đêm đó tất cả người Ấn, người Hồi, quá cảm xúc, đã chấm dứt sự tàn sát lẫn nhau, và đã chấp thuận sự số mặt hòa-bình của hai quốc-gia cạnh nhau.

Nehru, trong khi báo tin hung tin cho quốc-dân đồng-bào, đã thốt lên những lời đầy thương-cảm thống-thiết :

— « Hỡi bằng hữu và các đồng-chí' ánh sáng đã rời bỏ đời chúng ta, và nguồn u-ám đã tràn lan khắp mọi nẻo... Tôi nói ánh sáng đã rời bỏ đời chúng ta, nhưng tôi đã lầm. Vì cái ánh-sáng đã từng soi tỏ cho đất nước này không phải là một ánh-sáng tầm-thường. Cái ánh sáng làm rạng rỡ xứ sở này

trong bao nhiêu năm sẽ còn soi sáng xứ này trong nhiều năm tới và trong ngàn năm sau, ánh sáng ấy sẽ còn thấy rõ ở đất nước, và tất cả thế giới sẽ còn thấy nó và nó sẽ an-ủi tâm hồn của hằng-hà sa-số người. Vì ánh sáng ấy tiêu biểu cho một cái gì lớn hơn thực tại, nó tiêu-biểu cho một chân lý..., cho những chân-lý muôn đời dẫn dắt ta trên con đường chính nghĩa, làm cho ta tránh lầm lẫn, đưa xứ sở đến tự do...»

Không còn gì hay bằng những lời trên đây kết-luận cho lời thuyết-trình thô-thiền của chúng tôi về bậc thánh đáng kính cho cả mọi người là thánh Gandhi.

(còn tiếp 1 kỳ)

ĐÀO ĐĂNG VỸ

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

Ý-niệm quốc-gia trong thời-đại mới

Giai-đoạn thứ hai : quân-bình giữa quốc-gia và quốc-tế.

Chiến-tranh thời Nã-phá-luân đánh dấu giai-đoạn thứ hai, mà theo nhiều sử-gia, là một giai-đoạn trật-tự và hoàn-hảo nhất về bang-giao quốc-tế. Lý do là người ta đã đạt được quân-bình giữa sức mạnh của chủ-nghĩa quốc-gia đang bành trướng mạnh mẽ và chủ-nghĩa « quốc-tế », là sự mơ ước thường xuyên của những người hiếu hòa.

Trước kia, quyền chính-trị và quyền kinh-tế đi song song để dựng nên sự hợp nhất quốc - gia. Trong thế-kỷ 19, giữa chính - quyền chính-trị và quyền kinh-tế có sự thỏa thuận mặc-nhiên để đôi bên phát-triển theo đường hướng và nhu-cầu riêng của mình.

Về chính-trị, những lực-lượng quốc-gia phá hủy hay liên-kết những uy-quyền địa-phương, làm thành khối duy-nhất, với một chính-quyền trung - ương, với một quân-đội chung,

Về kinh-tế, những lực-lượng liên-quốc lại phá vỡ biên giới quốc-gia, để hòa lẫn những nền kinh-tế quốc-gia thành một nền kinh-tế thế giới.

Tình-trạng ấy cho thấy có sự thỏa-thuận giữa khuynh-hướng dân-chủ và đại-chúng của chủ-nghĩa quốc-gia về mặt chính-trị, và sự cần-thiết giao-phó việc lãnh-đạo bộ máy kinh-tế chung cho một thiểu số. Cuộc khủng-hoảng, xảy ra trong thế-kỷ sau, là do sự tan vỡ của thỏa thuận ấy : chủ-nghĩa quốc-gia cực đoan sẽ không chấp-nhận một sự chi-phối nào của ngoại-bang về nền kinh-tế của mình. Vì ý-niệm về quốc-gia đã biến-đổi và nhận-thức về quyền-lợi quốc gia cũng khác xưa, người muốn dự vào cuộc phân chia lợi tức quốc-gia không còn là một thiểu-số người nữa. Tư-tưởng dân-chủ càng lan rộng, thì quân-vương không còn trọn quyền định-đoạt quan-hệ ngoại-giao, và thiểu-số tư-bản không thể bất chấp quyền-lợi dân-chúng.

Rousseau đã từ bỏ ý quốc-gia thể hiện trong uy-quyền quân-vương hay giai-cấp thống-trị, và xem dân-chúng là quốc-gia. Nguyên - lý này làm căn bản cho cách-mạng Pháp cũng như cách-mạng Hoa-kỳ. Nhưng chữ *dân*, nếu hàm nghĩa đa-số, không bao trùm công nhân hay đại-chúng. Bản hiến-pháp của phe Jacobins muốn lập phổ-thông đầu phiếu, thay lối bầu cử hạn chế dành cho giai-

cấp có đóng thuế, không được ban hành. Sự thật, Rousseau như phần lớn triết-nhân và lý-thuyết-gia chính-trị thế kỷ 18, chống lại quan niệm xây dựng một nền dân-chủ rộng rãi như chúng ta quan niệm ngày nay. Người cấp-tiến một chút, như Babeuf, bị đưa lên máy chém. Mãi trong thế kỷ 19, giai-cấp trung-lưu vẫn sợ hãi và nghi ngờ đại-chúng. Tuy vậy, chủ nghĩa quốc gia theo quan-niệm của đám trung lưu thời ấy đã tiến một bước khá dài so với tư-tưởng thế kỷ trước.

So sánh giữa hai vị lãnh đạo, Frédéric le Grand và Nã-phá-luân thì thấy rõ Cả hai đều đầy tham vọng và tâng tặn lương tâm, sống cách nhau non nửa thế kỷ. Frédéric thuộc vào thời quân chủ tập quyền, vua xem thần-dân như công cụ thực hiện mưu-đồ của mình, coi nước Phổ không phải là một đơn vị quốc gia mà là một lãnh thổ riêng của gia đình. Trái lại Nã-phá-luân thể hiện chủ nghĩa quốc gia vì tự xem là thừa ủy-nhiệm của quốc-gia dân chúng Pháp.

Khi những quân-vương chuyên-chế đã bị triệt hạ, cần phải *nhân-hóa* quốc gia trong quan-hệ giữa các nước cũng như trong luật pháp quốc tế. Đây không chỉ là một biểu-tượng giản-dị và tiện-ích. Nhờ lối chuyên giao chủ quyền và mọi đức tánh thuộc quân vương qua một quốc-gia, nhân cách và tánh chất quốc-gia trở nên có một ý-nghĩa tâm lý sâu rộng. Thế kỷ 19 là thế-kỷ của chủ-nghĩa cá nhân, học-thuyết dân-chủ, và chủ-nghĩa quốc-gia là một hệ-luận tất nhiên. Bị ám ảnh vì những nguyên-tắc tốt đẹp như chủ-quyền của toàn-dân, bình-quyền, bình-đẳng, vân vân, người ta chẳng có gì thắc mắc và khó chịu về chủ nghĩa cá - nhân của

quốc gia, như sự độc tài, độc đoán, vị-kỷ, tàn bạo của quân vương, mà quốc-gia, không khác gì quân-vương có cả bao nhiêu tánh tình ấy. Hơn nữa, người ta tưởng rằng quốc-gia tránh được lỗi lầm của quân-vương, vừa giữ được bao tánh tốt đẹp của quân vương, như tinh-thần thượng-võ, đề cao danh-dự, tôn trọng lời hứa. Lịch sử cho thấy sự phỏng đoán ấy chỉ là ảo-tưởng. Không thiếu gì quốc-gia đối xử với dân-chúng mình chẳng khác gì quân-vương hung bạo và độc ác, và cũng như vua chúa xem thần dân như nô - lệ, thiếu gì quốc - gia xem dân mình như đồ vật. Một thiếu sót đội lốt huy-hoàng của quốc-gia, dựa vào hình thức pháp-ly tốt đẹp của dân-chủ, vì tham quyền sinh sát, vì cuồng loạn, xử dụng dân - chúng một cách phi-nhân, không kém gì dưới thời đen tối nhất của nền quân-chủ chuyên-chế. Nhưng, ở thời này, dân còn mong chờ cuộc thích khách để chấm dứt cảnh điêu-linh, mà người dân vô phúc sống trong quốc-gia tàn bạo, không có được hy-vọng ấy, vì quốc-gia là một ý-niệm trừu-tượng, được đặt trên hết mọi sự, chẳng một dân nào triệt-hạ được.

Sự giao-tế giữa các quốc gia không còn ở trong khung cảnh lễ-nghĩa như trước nữa. Những nhà lãnh-đạo các quốc-gia không đối xử với nhau, về việc nước, như những vua chúa cùng một tín-ngưỡng, cùng một tập quyền, giải-quyết quốc-sự bằng lối gả công-chúa, dâng phò-mã, hay tự ý cắt một ít đất đai làm quà thiện-chí. Họ phải dùng thứ kỹ-thuật ngoại-giao mới, thực-tế như của nhà thương-mãi hay mưu-xảo như của tay chơi bạc, biết gian và nghi ngờ kẻ khác cũng gian. Nhưng ở Âu-châu, thời-kỳ khủng hoảng giữa các nước chỉ

đến một thế-kỷ sau khi Nã-phá-luân mất quyền-bính. Vì có những yếu-tố, thiết-thực hơn yếu-tố đạo-lý, duy-trì được thế quân-bình quốc-tế trong một thời-gian.

Một yếu-tố ổn-định được tình-thế trong nội bộ là sự liên-kết về quyền-lợi. Giai-cấp trung-lưu, nâng đỡ chủ-nghĩa quốc-gia, là giai-cấp chiếm được quyền hành, vẫn sợ một cuộc cách-mạng từ dưới lên. Liên-kết được tất cả những hạng người có của, họ duy trì tánh cách thiêng liêng của quyền-tư-hữu. Những trường trung-học tổ-chức theo chương-trình và lối kết nạp của họ chuyển-đạt ý-thức-hệ *bourgeois*, đào tạo những cán-bộ lãnh-đạo mọi hoạt-động công tư trong nước để phục-vụ cho lý-tưởng và quyền lợi chung.

Một yếu-tố khác về kinh-tế duy trì được tánh cách hoà-bình của chủ-nghĩa quốc-gia trong thế-kỷ 19. Sự phát-triển kỹ-nghệ tăng-gia, sự sinh-sản cũng tăng. Các quốc-gia Âu-châu đi khắp hoàn cầu, truyền bá văn-minh vật-chất, chiếm thuộc-địa, mở rộng thị-trường. Nhưng các quốc-gia mặc nhiên chấp-nhận cho một thủ-đô là Luân-đôn, tập-trung quyền lãnh-đạo các thương-vụ, giữ gìn trật-tự kinh-tế thế-giới. Do đó, một cơ-sở vững chắc bao trùm hoạt-động của nhiều nước, đủ thực-lực để hạn chế những điều quá đáng của chủ-nghĩa quốc-gia đang bùng lên. Thương-mãi quốc-tế đóng vai tưởng bảo-đảm cho hoà-bình thế-giới. Không những chính-quyền trung-lưu của các quốc-gia tây-phương đã liên-kết để tôn-trọng quyền tư-hữu và tuân-theo sự lãnh-đạo kinh-tế chung, sự liên-kết của họ đã đem lại phú-cường và uy-thế cho giai-cấp thống-trị. Những đế-quốc của

vua chúa dòng Habsbourg hay Romanov cũng không từ chối những của cải thừa vụn của đám *bourgeois* và vẫn hạ mình để ủng-hộ trật-tự kinh-tế do giai-cấp ấy thiết-lập.

Xã-hội kinh-tế thời bấy giờ dựa trên thuyết trọng-thương, chính-sách tự do phú-mặc, để cho phát-triển tiệm tiến, tin rằng sản-xuất tăng lên thì nhu cầu sẽ tăng theo đó. Mọi biện pháp để khuyến-kích và giúp đỡ thương mại được áp dụng. Của cải di chuyển từ nơi này qua nơi khác một cách dễ dàng. Người đi lại cũng thế. Tự do xuất ngoại tự do di-cư, là điều-kiện thuận lợi cho cuộc sinh-hoạt kinh-tế. Những nước thường đón tiếp nồng hậu ngoại-nhân đến lập nghiệp, vì mừng được thêm những tay sản xuất.

Hai ảo tưởng đã giúp cho việc duy-trì tình-trạng khả-quan và gác lại mâu-thuẫn giữa kinh-tế quốc-gia và chính-trị quốc-gia. Ảo tưởng thứ nhất là xem hệ thống kinh-tế thế-giới quả thật là quốc-tế. Ảo tưởng thứ hai là cho hệ-thống kinh-tế và hệ-thống chính-trị hoàn-toàn biệt lập.

Những danh-từ và khẩu-hiệu như tự-do và bình đẳng của thời cách-mạng tiểu tư sản đã làm bình-phong cho những thật-tế trái-ngược. Thương-mại tự do hay kinh-tế tự-do cũng thuộc loại giả dối. Sự bành trướng kinh-tế ở Âu-châu trong thế-kỷ 19 thật ra không nhờ nơi nguyên tắc tự do trao đổi, tự do buôn bán, mà chỉ do nơi thị-trường thương mại của người Anh. Hiệu-năng của thị-trường ấy đã đưa đến việc chiếm đoạt và khai thác các lãnh-thổ hoang-vu, tổ chức kỹ nghệ chạy bằng than đá, thiết lập đường giao-thông

trên đất, trên biển. Bao nhiêu sự kiện mới lại khuyến khích sự phát sinh và phát triển những quốc gia và ý-thức quốc-gia. Một bộ máy tài-chánh có quy-cử dựng lên tại Luân-đôn. Mọi tiện nghi về thương-mãi, được quy tụ tại đây, nào ngân hàng, dịch-vụ giao-thông, bảo-hiêm, nào tập-trung tư-bản, v. v... Thêm vào đó, thị trường Luân-đôn đã củng cố ưu-thế của một tiền-tệ duy nhất có giá-trị quốc-tế, đồng Anh-kim (*sterling pound*) đặt trên kim-bản-vi, và mặc nhiên kiểm-soát chính sách tiền tệ các quốc-gia, bằng cách từ chối trong các thương-vụ thứ tiền nào không lành mạnh. Ngân-hàng Anh-quốc trở thành trọng-tài về các giao dịch thương mãi và tài chánh, và thị-trường Luân-đôn định đoạt mọi giá-cả hàng-hóa, kể cả các loại tiền tệ. Cũng như trước kia, kinh-tế địa-phương kết hợp thành kinh-tế quốc-gia, bây giờ, chung-quanh những nhà kinh - doanh thương-mãi, ngân-hàng ở Luân-đôn, các kinh-tế quốc-gia kết thành một nền kinh-tế thế-giới. Không có thị-trường nào khác có thể đương đầu với Luân-đôn. Uy-thế thật sự ấy là một uy-quyền tối-thượng nằm trong tay không phải những đại-diện của mọi quốc-gia, mà của Anh-quốc mà thôi.

Ảo-tưởng thứ hai khiến phải chấp-nhận trật-tự thế-giới là sự phân tách trên hình-thức hai phạm-vi kinh-tế và chính-trị. Những hoạt-động của thị trường Luân-đôn được giữ trong vòng bí mật ; những vấn đề kinh-tế và tài-chánh lại đòi hỏi một sở-biết kỹ thuật mà lúc đó chỉ một thiểu-số thuộc gia-đình tư-bản mới có phương-tiện thu thập. Trong hoàn cảnh ấy, người chuyên xét mọi vấn-đề dưới khía cạnh chính trị, người chỉ mê say biểu-tượng thông

thường của chủ quyền hay thứ ngôn-từ, lý-thuyết hùng hồ và rỗng tuếch, không thể có nhận-thức đích xác và hữu-hiệu về sự thật kinh-tế, về những lực-lượng huyền-bí, chi phối cuộc sống của dân-chúng và ảnh hưởng không nhỏ về mọi biến-thiên chính trị.

Quyền chính-trị có thể chia năm xẻ bảy cho các quốc-gia, quyền chính trị chịu thêm áp-lực của dân-chúng mỗi ngày thêm khôn lớn, biết đòi hỏi quyền lợi của mình. Đồng thời, quyền kinh-tế, vượt khỏi sự kiểm soát của các quốc gia, được xử dụng một cách âm thầm, kín đáo. Mà uy-quyền kinh-tế và chính-trị sao lại không có ảnh hưởng hỗ tương? Sự liên hệ giữa kinh tế và chính trị đã không được cân nhắc cho đúng. Không có một hành động quốc gia nào nói lên sự uất hận vì chủ-quyền quốc-gia đã bị xâm phạm, như trong thế kỷ 20 người ta thường nghe đến, vì những duyên cớ không quan-trọng bằng. Anh-quốc với một hạm-đội hùng hậu, đủ phương-tiện bảo-vệ ưu-thế kinh-tế của mình. Các quốc gia tha hồ xử dụng quyền vô hạn về chủ-nghĩa quốc-gia trong nội-bộ, mà vẫn đặt mình trong kỷ-luật kinh-tế và tài chánh của một trọng-tài bên ngoài, mà lầm tưởng rằng chính-sách kinh-tế tự-do mình theo đuổi hợp với định-luật thiên nhiên.

Khi chiến tranh Pháp-Phổ bùng nổ năm 1870, trật-tự tốt đẹp ở Âu-châu bắt đầu rung rinh. Đức trở thành một cường-quốc lục-địa lãnh đạo Âu-châu. Tại Đức, mấy năm trước đó, những tư tưởng đã được truyền bá để chống lại hệ-thống kinh-tế của Anh-quốc. Chủ-nghĩa quốc-gia dính liền với vấn đề Balkans. Cuối thế kỷ 19, ưu thế về thương-

mãi và hàng-hải của Anh đã nứt rạn. Những sự kiện đó cắt nghĩa sự sụp đổ cảnh yên ổn của mấy mươi năm qua.

Giai đoạn thứ ba : chủ quyền tuyệt đối của quốc gia.

Trong thời gian kế tiếp, chủ nghĩa quốc-gia đã bành trướng thế-lực, ý-niệm về quốc gia biến-đổi theo đường hướng cứng rắn hơn. Sự liên-kết, hòa-thuận giữa các nước vì những quyền-lợi kinh-tế chung lui dần về dĩ-vãng. Hiện-tượng ấy được thấy rõ trước thế-chiến thứ nhất. Dân chúng chắc hẳn không thay đổi và bao giờ cũng muốn giao thiệp thân-hữu với dân chúng các nước khác. Nhưng tư-tưởng công-thức của các chính-quyền quốc-gia đã làm hư hỏng khí-hậu tươi đẹp của những cộng đồng rộng lớn cùng chung một tôn-giáo đại-đồng hay một ý-thức nhân-bản. Chủ-nghĩa quốc-gia, dựa trên chủ-quyền tuyệt đối và quyền dân-tộc tự-quyết, bao trùm mọi cảnh-vực, và từ đây không thể quan-niệm một sự lệ-thuộc về chính-trị hay kinh-tế nào, tuy rằng, không có quốc-gia nào giống như một số nước ở Viễn-đông, lại chủ-trương sự cô-lập và khinh-thường mọi giao-tế quốc-tế.

Ba nguyên-nhân thúc đẩy việc thay đổi ý-niệm là sự trưởng thành của nhiều giai-cấp xã-hội ý-thức được quyền lợi chính-trị và vật-chất của mình, sự chung hòa quyền kinh-tế và quyền chính-trị của quốc-gia, cùng sự tăng-gia trên bản-đồ Âu-Châu, và thế giới, con số quốc-gia.

Xã-hội Âu-châu đã biến đổi khác thường với sự tiến-bộ khoa-học và kỹ-thuật cho phép sự phát-triển vượt bực

của kỹ-nghệ. Những thị-trấn và trung-tâm kỹ-nghệ, với sự mở mang nhanh chóng, thu hút con số rất đông dân ở thôn quê lên thị thành đổi ra làm công nhân. Những tổ-chức nghiệp-đoàn đáp lại đòi hỏi đoàn-kết và tranh-đấu của công-nhân, giúp cho sự phổ-biến ý-thức chính-trị, cũng như giáo-dục cưỡng-bách của các chế-độ dân-chủ đã nâng-cao nhanh chóng trình độ hiểu biết của toàn dân.

Kỷ-nguyên dân-chủ bắt đầu với sự thành công của các cuộc cách-mạng ở Hoa-Kỳ và Pháp. Dân-tộc, dân-quyền, dân-sinh, trở thành món ăn tinh-thần hay những khẩu hiệu tranh-đấu, trong khi chờ đợi được thực-hiện đầy đủ. Chủ dân-chủ có lẽ được dùng nhiều hơn chữ Thượng-Đế trong thời-kỳ tôn-giáo phồn thịnh. Mục-phiêu của chính-quyền nào cũng là dân-chủ-hóa tất cả mọi cơ-cấu, nhưng dân-chủ-hóa không chỉ lo giữ gìn trật-tự mà còn phải thỏa-mãn các yêu sách của đa-số. Cuộc tranh-đấu thuyết-thuyết thoát khỏi tình trạng ấu-trì và chịu ảnh-hưởng một ý-thức-hệ mới : xã-hội chủ-nghĩa. Nhưng vì tinh-thần quốc-gia vẫn còn mạnh, dự định xã-hội-hóa quốc-gia đã đưa đến tại nhiều nơi việc quốc-gia-hóa chủ-nghĩa xã-hội.

Sự gặp gỡ hai chủ-nghĩa, quốc-gia và xã-hội, đã xảy ra từ cách mạng Pháp, trong chương-trình phe Jacobins. Cũng tại Pháp, xã-hội chủ-nghĩa đã gặp khó khăn trong những cuộc khủng-hoảng mấy năm 1870, 1917, 1940, vì phải vừa bảo-vệ quốc-gia, vừa chống lại tinh-thần chủ bại và yếu nhược của cánh hữu. Tại Anh, một hiện-tượng mới xuất hiện, đó là chủ-nghĩa quốc-gia của đại-chúng, gọi là *jingoism*, cực đoan và hẹp hòi không khác gì chủ-nghĩa *chauvin* của Pháp.

Những công-trình của đảng *tory*, đảng tự-do, hướng về cải cách xã-hội không để lại dấu vết gì. Chính-sách quốc-gia dựa trên quần chúng, và nay quần chúng đã ò-ạt thốt lên một giọng nói khác.

Đầu thế-kỷ 20, tại nhiều nước Âu-châu, sự chia rẽ trong hàng ngũ quốc-gia được chận lại. Trước kia, khi chính-quyền thuộc giai-cấp trung-lưu, khi thợ-thuyền theo lý-tưởng không có tổ-quốc, chủ-nghĩa xã-hội không có tánh-cách quốc-tế. Ý-niệm đại-đồng trở nên lỗi thời khi thế-chiến thứ nhất bùng nổ. Thái-độ thợ thuyền — trừ ở Nga — đã thay đổi. Chỉ có Lénine mới xem sự thất trận của Nga là ích-lợi cho chủ-nghĩa xã-hội, và tố cáo sự phản bội của bọn « xã-hội — chauvin. ». Vì chiến-tranh, chủ-nghĩa xã-hội sụp đổ thảm hại, và chỉ được duy trì tại Nga khi những điều kiện thuận lợi cho cách mạng vẫn còn. Sau khi cách-mạng 1917 thành-công, « xã-hội chủ-nghĩa trong một nước » là điều tất nhiên mà những nhà Cách-mạng Nga phải tạm nhận.

Nguyên-nhân thứ hai của sự thay đổi trong quan-hệ giữa các nước là quyền chính-trị quốc-gia dành lại quyền điều-khiển kinh-tế của nước. Ý-niệm về quốc-gia được chấn chỉnh, không thể chấp nhận một trật-tự kinh-tế quốc-tế, xâm phạm trắng trợn đến chủ-quyền tuyệt-đối và toàn-diện của quốc-gia. Mọi chính-quyền lúc bấy giờ đồng ý bảo vệ quyền-lợi vật chất của dân chúng. Sau 1919, biên-giới các quốc-gia kỹ-nghệ đóng chặt lại, ngăn cản việc xuất nhập cảng. Giới thợ-thuyền cũng rơi vào mâu-thuẫn. Trong khi chủ-nghĩa xã-hội rêu rao tình huynh-đệ giữa những công nhân cùng một giai-cấp,

những tổ-chức thợ thuyền vẫn muốn quốc-gia mình ban hành những luật lệ gắt gao cấm việc thu dùng những công nhân ngoại-quốc. Khi biên-giới được đóng lại, khi những giao-tế giữa dân-chúng giảm bớt hay bị cấm đoán, khi sự cạnh-tranh giữa các giới tư-bản và doanh-thương trở nên gay gắt từ nước này đến nước khác, khi những chính-quyền cần phải khuyến khích sự đoàn-kết của dân-chúng chung quanh mình, khi kỹ-nghệ vẫn tăng gia sản xuất mà không tiêu-thụ được hết trong thị-trường quốc-nội, thì hiểm họa xung đột giữa các quốc-gia phải tăng thêm.

Chủ-nghĩa quốc-gia bành-trướng rất nhanh chóng. Mọi dân-tộc, đạt một trình độ hiểu biết và tổ chức nào đó, cũng đòi quyền tự quyết vận mệnh của mình. Cho đến 1870, những quốc gia thống nhất ở Âu châu chỉ có mười bốn, đến 1914, số lên đến hai mươi, và mười năm sau đã có hai mươi sáu nước. Áo-Hung tan rã, Nam-Tur, Tiệp-Khắc xuất hiện để rồi được phân ra nhiều quốc-gia thống nhất mới nữa. Khi nguyên-tắc đã nêu ra cho một số cộng đồng, thì không thể nào ngăn chận được những cộng-đồng khác đòi hỏi quyền hưởng thụ nguyên-tắc ấy. Vượt khỏi Âu Châu, ý niệm quốc-gia đánh thức những dân tộc Á rập, Ấn độ, Viễn đông. Uy quyền chính trị tiếp tục được chia năm xẻ bảy trong khi đó nhu cầu kinh tế và quân sự đòi hỏi tập trung quyền hành, sự phát triển kỹ nghệ của thời đại lại thúc đẩy những nước tân tiến đi con đường ngược với tinh thần quốc gia và quyền tự-quyết của những dân tộc khác. Mâu dịch quốc tế trở nên khó khăn, thị trường thương mại giảm bớt và thu hẹp, khi mỗi quốc gia vừa được thành hình lo bảo vệ quyền lợi kinh tế của mình

hay thay đổi mỗi giao-tế.

Hai thế - chiến lay chuyển thế giới cách nhau chỉ có 25 năm chỉ là hai giai đoạn kế tiếp của một sự xung đột trầm trọng chưa giải quyết được, giữa sự phát triển kỹ nghệ và chủ nghĩa quốc gia. Thế-chiến thứ ba đã bắt đầu dưới hình thức nguội, ngay sau khi thế chiến thứ hai chấm dứt. Thế-chiến-tranh sau này, nếu có, sẽ là cuối cùng vì tất nhiên phải toàn diện và dùng đến tất cả những vũ khí nguyên-tử tàn hại nhất. Nhưng hai chiến-tranh trước, với những phương tiện nghèo nàn so với khả-năng giết hại của thời nay, cũng đã "toàn diện" rồi. Ở thế kỷ 18 chẳng hạn, chiến tranh là việc của quân vương, triều đình, của chính phủ và quân đội. Thế-chiến thứ nhất đã đưa thường dân làm nạn-nhân của sự tranh-chấp và xung đột. Tiến lên một bậc nữa, thế-chiến thứ hai không hạn chế phương-tiện thắng địch, không cần phân biệt khí giới tốt và khí giới xấu, không còn chú trọng nơi tiền tuyến, nơi số quân và chiến cụ của địch. Dân không tham chiến chẳng được sống an toàn như trước. Tinh-thần của họ bị xáo động vì những lời nói được xem như một khí giới mới của bên này, bên kia. Tuyên truyền, nhồi sọ, cũng như khủng bố oanh tạc không để cho lương dân yên phận được. Cảnh sống của dân chúng bị đe dọa vì thiếu thốn thực phẩm, vì phong tỏa kinh-tế hay vì sự tàn phá triệt để những tài nguyên. Sự ghét thù giữa dân chúng các quốc gia thù nghịch được khai thác vì mục phiêu cuối cùng, dù hợp lý hợp tình hay không. Mục phiêu ấy là tiêu diệt hoàn toàn nước thù nghịch. Cứu-cánh xem như một lý-tưởng đủ sức đề bào chữa cho những phương-tiện thật

sự tàn ác và bi-đi. Hạng người tự phụ « viết lịch-sử » như Hitler đã được những công-sự kỳ-tài dựng lên kỹ-thuật giết người, giết thật nhiều, thật nhanh, đưa khoa nói láo, và đầu độc tâm-trí dân-chúng lên mức-độ tinh-vi. Muốn đạt mục-đích, mọi đường lối đều chính-đáng cả. Nhưng có mấy quốc-gia xét lại mục-đích của mình xem có thật chính đáng hay không? Khi ngôn-ngữ là danh-nghĩa của loài người, trở thành một thứ gái giang-hồ còn được tiếp nhận hay bắt buộc phải tiếp nhận như người trinh-tiết, khi ngôn ngữ không còn là một biểu-tượng trung thực nữa, ngôn-ngữ hoá lẫn tiểu-nhân và quân-tử, kẻ cướp và người lương, dòng giống Cain và dòng giống Abel, con cái bóng tối và con cái ánh-sáng, thì còn có trọng-tài nào đáng tin cậy để phân định ai phải ai trái, ai xâm lăng, ai tự-vệ, ai hiếp đáp và ai đã bị hiếp đáp, ngoại-trừ lý-trí của từng cá-nhân đang còn minh-mẫn, chưa mê say hay thác-loạn?

Nguyên-nhân thứ ba đã gây nên khủng hoảng trong quan-hệ giữa các nước là ý-niệm chủ-quyền quốc-gia phải bao hàm sự độc-lập về kinh-tế. Sau khi hết thừa nhận tru-thế của đồng Anh-Kim, hết lệ-thuộc nơi thị-trường Luân-đôn, mỗi quốc-gia lập cho mình tiền-tệ riêng, dù có giá-trị hay không, dựng lên thị-trường riêng, dù có sản-phẩm và khách hàng hay không. Sự giao thiệp thương-mãi trực-tiếp hay gián-tiếp của tư-nhân không còn tự do nữa, và khi có chiến-tranh giữa các quốc-gia, buôn bán với ngoại bang trở thành trọng-tội. Lần đầu tiên trong lịch-sử, của cải của công dân quốc-gia địch bị tịch-thu. Quyền tư-hữu làm nền tảng của văn-minh *bourgeois*, của xã-hội tự-do, không còn là thiêng liêng nữa.

Trước kia, luật-quốc-tế chỉ nói đến việc cấm buôn lậu khi giới, và vẫn bảo-đảm quyền thương-mãi của các nước trung-lập, nay luật ấy không còn hợp thời nữa. Phong toả kinh tế không phân biệt những loại hàng hóa, tấn công các thuyền bè không phân biệt của ai là điều cần thiết. Hoa-Kỳ trung-lập khi thế-chiến thứ nhất bắt đầu đã học được bài học ấy khi tàu mình bị đánh đắm. Tinh-thần chiến-tranh đã thay đổi. Xưa kia, quân-vương cũng đánh giặc để bảo-vệ quyền lợi hay danh-dự, nhưng quân-vương, hấp-thụ văn-minh quân-tử và hiệp-sĩ, thấm-nhuần tư-tưởng đại độ cao quý, không nghĩ đến việc tàn sát dân-chúng của nước thù nghịch. Chỉ trong chiến-tranh thuộc-địa, khi đế-quốc thực dân bị đầu độc vì những huyền-thuyết về giá-trị tuyệt-đối của văn-minh tây phương hay của giống da trắng, thì chính sách tiêu-diệt đám lương dân mới được áp dụng, bất chấp các nguyên-lý tinh thần và tôn-giáo làm căn-bản cho văn-minh tây-phương. Nhưng khi chủ-nghĩa quốc-gia trỗi dậy thúc đẩy sự cạnh-tranh ráo riết, sự chiến-thắng để sống còn, thì các nước Tây-phương đối đái với nhau cũng dùng tất cả tàn nhẫn về mọi mặt, với lời lẽ hồ đồ của kẻ «mất dạy» nhất, với những khi giới và phương tiện sát hại bỉ ổi nhất, cho tất cả mọi người, không chừa già trẻ, phụ nữ hay bệnh tật. Cho đến khi có hòa ước, thì những điều kiện của kẻ thắng là gián-tiếp hạ mức sinh sống của dân chúng bại trận, cướp đoạt những tài nguyên, phá hủy những cơ-sở kỹ-nghệ, làm sụp đổ tiền tệ, để cho nước địch không có cách phục hồi nhanh chóng được.

Trong khoảng thời gian giữa hai thế-chiến, quan-hệ giữa các quốc-gia trở nên xấu dần. Hội Quốc-Liên, hay Vạn

quốc, được thiết lập. Nhiều thỏa ước được long trọng ký kết, nhưng không đi đến một thực hiện nào. Tình trạng ấy không hẳn vì lỗi của các chính khách hay người lãnh đạo quốc gia. Những vị này có thiệ n chí lắm khi có tài năng nữa. Họ có công thảo luận, thương thuyết, ký kết. Kết quả công trình của họ không có bao nhiêu, vì họ đại diện cho những quốc gia đang ở trong thời kỳ biến đổi quan trọng, trong thời kỳ mà những lý-tưởng và ước nguyện tốt đẹp thường bị những nhu cầu cụ-thể phủ nhận và từ chối. Xã-hội lúc này nô đùa với lắm mâu thuẫn và nguy hiểm. Các quốc gia không ngớt tuyên bố và kêu gọi hợp tác, nhưng tánh chất hẹp hòi ích kỷ của quốc-gia trong ý-niệm cố-hữu, chống lại mọi sự hợp-tác chân-thành, đòi hỏi sự nhân-nhượng phần nào về quyền-lợi hay tự-ái. Quốc gia chỉ lo cho đời sống dân chúng mình vượt lên mức của dân khác, không thể nào hợp-tác với quốc-gia cũng chỉ lo chừng ấy chuyện? Ganh đua tranh chấp trong đam mê cuồng nhiệt tất nhiên không còn kể đến đạo người và luật-lệ làm ra để thực thi đạo ấy.

Hiệu-năng của quốc-tế công-pháp giảm sút nhanh chóng. Câu «Luân-lý của các quốc-gia khác với luân-lý giữa người với nhau» được chấp nhận như một nguyên-lý chính-trị. Những quốc gia thay thế cho quân vương để nắm quyền binh, không còn có những ràng buộc tinh-thần như thời trước. Trọng danh dự, giữ lời hứa, tránh điều ác, là những tập tục nói lên một đạo-lý, một tin-tưởng nơi những giá-trị văn minh, sự lo sợ về trừng phạt của Thượng-Đế. Một thế hệ tiếp theo quân-vương, đại-diện cho giai-cấp hữu sản trung-lưu, còn biết tuân theo

những luật-lệ quốc-tế, vì quyền lợi của họ trong tay những nhà tài-chánh của thị trường Luân-đôn, những lực-lượng gìn giữ quân-bình các nước Âu-châu. Trong thời sau, giữa các quốc-gia, có giữ lời cam kết hay không, chẳng dựa nơi nguyên-tắc tinh-thần và đạo-lý, mà chỉ tùy nơi trường-hợp thuận-lợi hay nguy hại, hoặc tùy nơi "ý muốn của toàn dân", mà ý muốn này có thể thay đổi bất ngờ. Người ta thường nhắc đến, để cho thấy phong tục mới trong sự bang giao quốc-tế, thái độ của nhà lãnh đạo Đức xem hiệp-ước như tờ giấy loại, hay câu của một lý-thuyết-gia Nga cho rằng chỉ có kẻ ngu ngốc mới tin tưởng nơi những hiệp-ước. Nhưng trong lịch-sử nhiều nước khác, kể cả những nước mà dân-chúng nổi tiếng là thanh-lich tao-nhã, xử thế lối quân tử, chính-khách của họ gặp trường-hợp khó khăn, cũng phải buộc lòng thất hứa và tìm lý lẽ quanh co để bào chữa. Vào năm 1933, Anh-quốc không giữ lời hứa trả nợ cho Hoa-Kỳ, và tại quốc-hội Anh, bộ-trưởng Neville Chamberlain đã tuyên bố : « Khi người ta nói những giao kèo là thiêng liêng và chúng ta không có lý do nào để trốn tránh những điều chúng ta đã cam

kết, người ta đừng quên rằng chúng ta có những điều ràng buộc khác, những trách-nhiệm khác, không những đối với đồng bào chúng ta, mà còn đối với hằng triệu người trên thế giới, mà cảnh ấm no hay đói kém tùy nơi việc người ta nhất quyết đòi thanh toán và tùy theo thái độ chúng ta có tuân theo hay không. » (2) Theo thứ luận-điều đó, quốc-tế công pháp không cần phải tôn trọng nếu việc thi hành sẽ gây ra thất trận trong thời chiến, hay phương hại quyền lợi kinh-tế của quốc-gia trong thời bình. Trách-nhiệm tối-thượng của quốc-gia, là trách-nhiệm đối với dân-chúng trong nội bộ ; trách-nhiệm ấy vượt lên trên mọi bồn phận và cam kết khác ! Chính sự mâu-thuẫn giữa các trách-nhiệm, hay bằng giá-trị mới trong cộng-đồng chính-trị đã đưa nhiều vấn-đề quốc-tế đến chỗ bế-tắc, và làm khó khăn mọi quan-hệ giữa các nước cũng như ngăn cản sự tiến-triển các tổ-chức đại đồng.

(Còn tiếp)

CUNG GIỮ NGUYỄN

Kỳ tới : Giai đoạn hiện thời :
Mâu thuẫn giữa ý niệm và thật tế.

ĐÃ PHÁT HÀNH :

HAI MƯƠI NĂM QUA
việc từng ngày (1945-1946)

của **ĐOÀN-THÊM**

424 trang

Giá **300đ**

Có bán tại các hiệu sách : Xuân-Thu, Lê-Phan, Khai-Trí, Việt-Băng Saigon.

Mọi thư từ, giao dịch xin liên lạc với Nam-Chi Tùng Thư 3, Nguyễn Siêu Saigon.



La Fayette

(Xin xem BK.TĐ. từ số 246)

Cánh diều của Bonaparte vẫn lên vun vút. Sau mười năm nổi loạn, dân chúng Pháp khao khát một chính quyền mạnh mẽ yên ổn làm ăn xây dựng trở lại. Biết tâm lí đó, năm 1799 Bonaparte vận động để làm đệ nhất Tổng tài, chức này thay thế chức Đốc chính, và những lời tuyên bố đầu tiên của ông có giọng La Fayette lắm :

« Hỡi quốc dân, các bạn chắc sẽ nhận thấy rằng tôi là một người lính siêng năng chiến đấu cho Tự Do và là một công dân tận tâm với chế độ Cộng Hòa » Chính La Fayette lúc đó có ngồi trên

• NGUYỄN - HIỂN - LÊ

3

Ông

bà

LA

FAYETTE

lưng ngựa mà vào Paris cũng sẽ tuyên bố như vậy.

Bà rất sáng suốt, biết rằng Bonaparte chỉ nói ngoài miệng như vậy thôi, chứ thực tâm không bênh vực tự do, không ưa gì một người thực yêu tự do như chồng bà, dầu có xin cho ông về nước cũng vô ích ; nhưng bà nắm ngay lấy cơ hội, quyết định một cách táo bạo phi thường. Bà khuyên ông cứ về đại ngay đi, sau lời tuyên bố đó của Bonaparte. Ai mà dám bắt một chiến sĩ đầu tiên của Tự Do là ông. Ông nghe lời bà về ngay Paris, gửi một bức thư lên cảm

ơn Bonaparte đã vận động với Áo để trả tự do cho mình. Giọng vừa đàng hoàng vừa khéo léo :

« Thừa công dân Tổng tài, từ ngày mà những tù nhân ở Olmutz nhờ ông được trả lại tự do cho tới ngày mà nhờ ông tổ quốc tôi (1) được tự do, tôi luôn luôn nghĩ rằng nếu tôi còn tiếp tục bị trục-xuất ra khỏi xứ thì quả là một việc không thích hợp với chính phủ và với tôi. Hôm nay tôi về tới Paris.

Trước khi về miền quê xa xôi sống chung với vợ con, trước khi thăm những bạn thân của tôi ở đây, tôi vội vàng viết thư thăm ông ngay, không phải là vì tôi nghĩ ngờ rằng trong nước Cộng hòa xây dựng trên những cơ sở xứng đáng này, không có một vị trí cho tôi, mà chỉ vì bồn phận và tấm lòng của tôi buộc tôi phải đích thân gửi lên ông bức thư cảm ơn này... »

Ông nhờ một bạn thân trong chính quyền đưa thư đó lên Bonaparte. Người bạn đó ngại cho ông, khuyên ông trở ngay về Hòa Lan, kéo mà Bonaparte nổi khùng lên. Ông mỉm cười đáp « Nếu Vệ quốc quân Paris bắt tôi, rồi con người đã tuyên bố phục hưng lại những quy tắc năm 1789 (ông ám chỉ Bonaparte) nhốt tôi vào khám, thì thực là một điều ngộ.» Lời dọa trong câu đó hơi rõ ràng : Ông biết rằng Vệ quốc quân Paris vẫn còn kính phục ông, không khi nào dám bắt ông.

Bonaparte tất nhiên không vụng về mà giam ông, chỉ nhắc ông nên tránh mọi sự ra mặt, đừng gây náo động gì cả, như vậy có lợi cho nước Pháp lúc đó, và dặn thêm : « Tôi tin ở lòng ái quốc của ông ».

Thế là êm, ông bà về Chavaniac nghỉ ngơi.

Ít lâu sau cậu George được làm thiếu úy trong quân đội, ông được bồi tên trong sổ trục xuất. Bonaparte thấy uy quyền của mình đã vững, muốn lấy lòng La Fayette, mời ông lại chơi, dò ý :

— Xin chào hầu tước, được gặp ông tôi vui lắm. Khi hầu tước ở trên sân khấu thì tôi hãy còn là một khán giả.

Ông đáp :

— Tôi mong rằng ông đem lại được sự tự do và sự nghỉ ngơi cho quốc dân. Quốc dân đương mong mỗi những thứ đó.

— Hầu tước không thấy rằng dân chúng lãnh đạm với tự do rồi ư ?

— Có lẽ, nhưng chỉ vì quần chúng chỉ mới thấy thứ tự do giả hiệu. Xin ông cho họ thấy mặt thật của tự do.

— Hầu tước như có vẻ ghét tôi.

— Tôi không ghét ông. Tôi sẵn sàng giúp ông nữa nếu ông phụng sự tự do.

Bonaparte muốn tặng ông một ghế trong Thượng Nghị Viện hoặc chức đại sứ ở Mỹ. Ông từ chối, lấy lẽ rằng ông còn trẻ quá, không tiện ngồi chung với các ông trong Thượng Nghị viện ; mà ông lại coi Mỹ như quê hương thứ nhì của mình, không thể đại diện cho Pháp ở xứ đó được.

Năm 1802 Bonaparte làm Tổng tài; mãi đời, rồi năm 1804 leo lên ngai vàng. Dân Pháp không dám phản kháng vì còn cần ông ta để chống Anh. La Fayette ghét con người đó và hai bên không gặp nhau nữa.

(1) Ta nên nhớ Bonaparte là người xứ Corse.

Bao nhiêu xây dựng của Cách mạng sụp đổ hết. Anh em Napoléon đều được phong vương hết. Lại có một triều đình lộng lẫy như triều đình Louis XIV. Lại có một bọn tân quý phái : Các thống chế, các quan lớn được phong tước công hầu... Quốc hội bị giải tán, báo chí bị khớp mổ các tự do dân chủ bị bãi bỏ ; một ti công an mạnh mẽ được thành lập để bắt giam không cần xét xử rồi thủ tiêu những kẻ đối lập. Khám đường lại đầy nhóc tội nhân. Người ta vung tiền ra mua chuộc những kẻ lợi hại ít nhiều. «Có tiền thì có người; có người thì có tiền.» Dư luận ư? Muốn bịt miệng lúc nào mà chẳng được? Chính Napoléon đã nói vậy. Giáo sĩ, phe bảo hoàng, đảng Jacobin, Girondin rầm rập đưa cò vào tròng hết. Chính những người thân của bà La Fayette cũng hãnh diện được thờ chủ mới. Enghein và Pichegru bị ám sát. Không ai dám phản đối nữa, chỉ dám thì thầm với nhau mấy câu về này :

*Ta sống dai lắm, nhờ vay mượn và
xin xỏ,*

*Ta cướp con vợ lẳng lơ của Barras,
thằng nịnh bợ đó;*

*Ta sẽ bóp cổ Pichegru, ta sẽ ám sát
Enghein,*

*Và làm những tội ác đó, ta được
thưởng một ngai vàng.*

Napoléon muốn mua chuộc La Fayette, muốn tặng ông một chiếc Bắc đầu bội tinh, ông đáp rằng ông mà lại đi đeo cái băng đó thì kì cục lắm. Tặng ông một chức lớn trong triều đình, ông cũng từ chối. Ông buồn rằng quần chúng đa số lãnh đạm, không thể gây một phong trào lật đổ Napoléon được. Và ông mặc cho tên trùm mật thám Fouché dò xét ông.

Nhưng cũng không chịu qua tinh dương bên Mỹ, do lời mời của Tổng thống Mỹ, mà muốn ở lại trong nước xem tình thế và đợi thời.

Napoléon ghét ông, ghét lây cả cậu George và người con rể ông, không cho họ thăng chức, mặc dầu họ có quân công.

oOo

Tháng 9 năm 1807, là Fayette lên cơn sốt nặng rồi mửa. Bác sĩ ngờ rằng lở bao tử, tìm đủ cách trị mà bệnh vẫn tăng. Ông lúc đó đương ở quê, vội vàng lên thăm bà. Bà kiệt sức lần, lúc tỉnh lúc mê cho tới khi mất vào đêm Noel. Năm đó bà 48 tuổi.

Trong một bức thư dài 20 trang ông kể lại những ngày cuối cùng của bà cho một chiến hữu rất thân, thông gia với ông. Đọc bức thư cảm động đó ta thấy rằng tấm lòng của bà đẹp vô cùng. Con cái đã thành gia thất cả rồi, bà khỏi phải lo tính về việc nhà, lòng hướng cả về nhân loại và về chồng. Bà bảo ông :

— Hình như người ta xây dựng lại thế giới, thí nghiệm hoài. Không biết bao giờ nhân loại mới được an ổn sung sướng như anh muốn?

Lần khác ông an ủi bà, bảo bà sẽ mạnh và ông sẽ đưa bà về quê chơi, bà đáp :

— Không, em sẽ chết. Anh có giận gì em không?

— Sao lại giận? Giận cái gì? Em luôn luôn tận tâm và âu yếm lắm mà.

— Vậy em là một người vợ ngoan ư?

— Nhất định rồi.

— Thế thì anh cầu Trời phù hộ cho em nhé?

Cảm động nhất là ngày cuối cùng bà

còn dặn ông :

— Khi nào anh gặp bà De Simiane, cho em gửi lời thăm bà ấy nhé.

Không bao giờ bà oán những bạn gái của ông cả và thật tình mến bà De Simiane, như chị em vậy.

Bà ngờ ý muốn được chôn ở nghĩa địa Picpus, bên cạnh cái huyệt chung của những người bị xử tử hình thời khủng bố ; trong huyệt có di hài của bà nội, mẹ và chị bà. Khi mới ở ngoại quốc về, bà tìm ra được nơi đó, đứng ra quyền tiền xây tường, sửa sang lại nghĩa địa và dựng một ngôi nhà thờ nhỏ ngày đêm có người cầu nguyện cho linh hồn những kẻ thác oan. Bà lại muốn dành một chỗ ở bên cạnh cho ông sau này.

Tờ journal de l'Empire báo tin bà mất và có lời khen. «Ai cũng phải khóc bà La Fayette. Bà tạo hạnh phúc cho gia đình, nâng đỡ kẻ khó, an ủi kẻ khổ sở, làm vẻ vang cho tổ quốc và cho nữ giới...»

Suốt đời bà hi sinh cho chồng con, cha mẹ, chị em và giúp ông rất nhiều trong mộng thực hiện lí tưởng tự do và bình đẳng của ông. Không có bà thì sự nghiệp của ông chắc không được như vậy.

Sau khi bà mất ông luôn luôn mang theo mình hai miếng giấy, một miếng trên đó cô Anastasie ghi những di ngôn của mẹ, một miếng có bốn câu này do ông trích trong một tập thơ và đích thân chép lại :

Khi em chết rồi,

Cái tia sáng còn lại biết suy nghĩ kia,

Vừa trong sạch lại vừa hoạt động

Muốn được theo hoài gót anh.

Những câu đó tả đúng tấm lòng của bà. Ôi ! tâm hồn bà khác gì tâm hồn những hiền phụ bậc nhất ở phương Đông !

oOo

Năm 1814 nước Pháp lại lâm nguy. Sau khi Napoléon thua Nga, các quốc vương châu Âu liên minh với nhau để gỡ ách Pháp và hạ bệ «tên «Corse độc tài». Vì thiếu lính, Napoléon phải đưa cả những em 15, 16 tuổi ra ta trận. Ông ta thắng vài trận đầu rồi đại bại ở Leipzig. Liên quân xâm nhập Pháp.

La Fayette ở quê vội chạy lên Paris tình nguyện cứu quốc mặc dầu ông đã già mà chân lại đau. Con trai và chàng rể ông cũng xin đầu quân. Cả gia đình ông quên hẳn cái thù Napoléon mà chỉ nghĩ đến tổ quốc. Nhưng chính quyền nghi ngờ ông : con người của cách mạng này lên Paris mưu tính chuyện gì đây ? muốn dùng lực lượng của vệ quốc quân để khuấy trời, lật đổ chính phủ ư ? Người ta bảo ông nên về nhà dưỡng sức, để con giúp nước là đủ rồi. Nhưng đã quá trễ, liên quân đã vào Paris. La Fayette đóng cửa khóc, Napoléon thoát vị rồi bị đẩy ra đảo Elbe ở Địa Trung Hải.

Rồi thời cuộc biến chuyển một cách mau không ai tưởng tượng nổi. Napoléon đi, Louis XVIII về. Louis XVIII chưa kịp chính đốn việc nước thì Napoléon từ đảo Elbe trốn về nước. Lại một cuộc xáo trộn dữ dội. Trên báo chí những tit lớn đập vào mắt mọi người. « Tên quý đã trốn thoát » — « Hẳn đã đổ bộ ở Cannes » — « Tên bạo chúa đã qua Lyon » — « Bonaparte sắp tới rồi » — « Ngày mai Napoléon sẽ tới kinh đô » — « Hoàng Đế hiện ở

tại Fontainebleau. »

Tới Paris, Napoléon nói với một người thân cận.

— Từ đảo Elbe về tới Grenoble tôi chỉ là một kẻ phiêu lưu, bây giờ tôi là một quốc vương.

Sự thực chỉ có một số tay chân cũ là hoan hô ông ta, còn dân chúng thì thản nhiên, có phần lo lắng cho tương lai nữa.

Lúc đó La Fayette làm phó chủ tịch Quốc Hội. Napoléon tới Quốc Hội buộc Quốc Hội biểu quyết phải trung thành với mình. La Fayette và cậu George chống lại (vì cậu làm nghị sĩ cho miền Haute-Loire), đáp :

— Nếu chúng ta thề trung thành với Hoàng Đế thì Quốc Hội này thành cái hội của Napoléon mất rồi, đâu còn là đại diện cho quốc dân nữa.

Hay tin đó, Napoléon la lớn :

— La Fayette đã tuyên chiến với ta rồi đấy.

Napoléon về được đúng một trăm ngày, sau khi thua liên quân ở Waterloo, lại phải thoái vị lần nữa, bị đày ra đảo Sainte Hélène, rồi Louis XVIII lại trở về. Thế là sự nghiệp của Napoléon xây dựng bằng gươm súng, lại vì gươm súng mà sụp đổ.

Sau trận Waterloo, La Fayette hô hào dân chúng : «Bây giờ là lúc toàn dân phải đoàn kết dưới ngọn cờ tam sắc để xây dựng Tự do Bình đẳng lập lại trật tự trong nước..»

Ông là một trong sáu người được phái đi thương thuyết với liên quân.

Một sứ giả Anh bảo ông :

— Tôi xin cho ông hay rằng nếu các ông không nộp Bonaparte cho liên quân thì không thể có hòa bình được.

La Fayette đáp :

— Tôi rất ngạc nhiên rằng ông lại muốn nhờ tôi làm trung gian, tôi, một tên cựu tù nhân ở Olmutz, đề đề nghị với dân tộc Pháp một hành động đê hèn đến mức đó.

Các nghị sĩ lại họp nhau ở Quốc hội để bàn về thái độ đối với liên quân. Họ thấy cửa Quốc hội đóng kín, có lính bông súng canh La Fayette tái mặt, hỏi viên sĩ quan ai ra lệnh đóng cửa quốc hội, viên này đáp do lệnh Louis XVIII. Ông la lớn :

— Thế ra chính phủ Pháp cấm đại diện của dân tộc Pháp vô nhà của họ cô. Nếu vậy thì các nghị sĩ về cả nhà tôi mà họp.

Họ kéo về nhà ông, kí một bản thỉnh nguyện chống lại hành vi độc tài đó.

Mấy hôm sau ông ở tại quê nhà, đợi một thời thuận tiện để làm lại cuộc cách mạng. Đảng Tự do quy tụ ở chung quanh ông. Rồi ông lại được bầu vào Quốc hội. Trong buổi họp đầu tiên, ông không chịu hô : «Quốc vương vạn tuế» Từ L'Ami de la Royauté, cơ quan của nhóm bảo hoàng đã kích ông. Ông bảo :

— Tôi không bao giờ xin một kí giả khen tôi cả, nhưng tôi cũng không muốn cấm họ nói xấu tôi.

Thấy thời chưa tới, không làm được việc gì, ông nhận lời mời của Tổng thống Monroe, qua thăm Mỹ một lần nữa. Giá lúc này bà còn sống thì sẽ rảnh rang đi theo ông được để hưởng chung vinh dự với ông.

Ngày 11-7-1829 ông và cậu George xuống tàu Camus, một tháng sau vô hải cảng New-York.

Sự tiếp đón nồng hậu và cảm động như lần trước. Ông thăm Fairfield, New London, Providence... Tới đâu cũng thấy dựng những Khải Hoàn Môn, trên cao kết tên ông và tên Washington. Dân chúng đứng chật đường hoan hô ông :

Ngày 17-10 ông lại Mount-Vernont, qui trước mộ Washington. Một vị cựu Tổng Thống, Jefferson, nói trước đám đông :

— Người Mỹ chúng ta cảm cây đĩnh, chính ông La Fayette đã đóng nó xuống !

Ngày 4 tháng 3 năm sau ông lại thăm Fayetteville. Một người thay mặt dân chúng thưa với ông :

— Châu thành này là của ông, ông đến đây là đến giữa con cái ông. Cái gì cũng của ông hết, xin ông cứ tự ý.

Ông ở chơi Mỹ lần này hơn một năm; nhận thấy rằng, bốn mươi tám năm sau khi giành được độc lập, quốc gia mới đó tiến triển rất mau, đã thay đổi hẳn, và ông than thở : « Nếu cuộc cách mạng 1789 cứ tiến đều đều theo cái đà lúc đầu thì bây giờ nước Pháp đã ra sao rồi ! »

Đầu tháng 9 năm 1825 ông xuống tàu Brandywine về Pháp. Louis XVIII đã băng, Charles X lên ngôi. Vẫn chẳng có gì thay đổi, có phần còn chuyên chế hơn nữa. Cách mạng 1830 nổ, Charles X trốn qua Anh. Louis Philippe lên thay, ông này có tư tưởng rộng rãi hơn một chút. La Fayette muốn ủng hộ đề thành lập một chế độ lập hiến thực sự, nhưng thấy nhà vua không thành tâm,

ông lại phản đối.

Mấy năm cuối cùng ông ủng hộ phong trào thợ thuyền ở Lyon, phong trào độc lập ở Bỉ, Ba Lan, Ai Nhĩ Lan Bồ Đào Nha. Khi thợ thuyền Lyon nổi dậy, đòi cải thiện đời sống khổ nạn, lam lũ, làm việc 14 giờ một ngày mà vẫn đói rét, bệnh tật, vua Louis Philippe một mặt ra lệnh đàn áp, một mặt vuốt ve, hứa hão. Ông bất bình, lên diễn đàn, đả đảo Casimir Périer vì ông này tuyên bố rằng trật tự đã lập ở Lyon :

— Ông nói trật tự đã lập lại là thứ trật tự nào đó ? Có bao nhiêu người chết ? Bao nhiêu kẻ bị hiếp dâm ? Bao nhiêu ngôi nhà bị tàn phá ? Bao nhiêu đám cháy ? Thứ trật tự đó không có giá trị gì cả.

Périer đáp :

— Quân đội không giết một người thợ Lyon nào cả. Không có sự đổ máu.

— Nếu vậy thì đáng mừng. Nhưng chính phủ có phát bánh cho họ không ? Xin ông chủ tịch nhớ rằng những thợ đó chiến đấu để khỏi chết đói. Khẩu hiệu của họ là gì ? Là : « Làm việc mà được đủ sống, nếu không thì chiến đấu đến chết ».

Périer dục giọng :

— Chính phủ đã khuyên chủ nhân tăng lương cho thợ. Chính phủ chỉ lo giữ trật tự thôi.

— Nay ông, một quan niệm như vậy là sai ! Nếu một quốc gia để cho một số người được tự do bắt kẻ khác chết đói thì quốc gia đó sắp đến bước độc tài rồi ! Như vậy thì chúng ta hi sinh cho cách mạng để làm gì ?

Ngày 20-5-1834 ông tắt nghì sau mười ngày đau nặng. Lúc gần chết ông đưa tay lần chiếc mẽ đay mà từ khi bà mất ông vẫn đeo ở cổ. Một mặt mẽ đay có hình bà, chung quanh là hàng chữ : « Em hoàn toàn là của anh. », mặt sau ông cho khắc những lời này của bà : « Em là người vợ hiền của anh ư ? Nếu vậy thì anh cầu Trời phù hộ cho em đi. » Ông đã không bắt công với bà nữa.

Người ta chôn ông ở cạnh bà. Báo Moniteur khen ông . « Ông La Fayette hơn người ở chỗ lúc nào cũng hoàn toàn bình tĩnh, can đảm lạ thường, và có một tinh thần bất khuất ».

Ông chết rồi mà chính phủ còn sợ ông, cấm quốc dân gây rối trong đám táng. Trong số người đi sau linh cữu, có Cheataubriand. Tối về, văn hào này chép vào nhật kí : « Lên tới chỗ cao nhất của các đại lộ, xe tang ngừng lại và tôi thấy nó rục rở ánh chiều hồng hồng trong đám nón của binh sĩ, rồi bóng tối xuống và nó khuất dạng. »

Trên quan tài người ta phủ một lớp đất của Mỹ. Hiện nay bên cạnh mộ vẫn còn cắm một ngọn cờ Mỹ. Và trên một thế kỷ nay, ngày nào nhà thờ Picpus cũng cầu nguyện cho ông bà và những người nằm trong cái huyết chung ở bên cạnh.

oOo

Tôi đã đề tiểu sử của ông bà La Fayette trong tập Gương Mạo hiềm này vì ông hồi 20 tuổi đã mạo hiềm qua chiến đấu giúp dân tộc Mỹ, bà đã mạo hiềm qua tìm chồng ở Áo để sống hai năm trong ngục Olmutz với ông, tôi nghĩ giá chép vào Gương hy sinh thì cũng vẫn đúng. Vì cả hai ông bà đều đã phá sản để hy sinh cho Tự do, cho Tờ quốc, nhất là bà đã tận tụy một đời cho sự nghiệp của chồng, cho hạnh phúc của người thân. Nhưng điều tôi phục nhất ở ông là lòng trung thành với nguyên tắc của mình, không khi nào chịu dùng phương tiện bỉ ổi để đạt mục đích, dù thân bị giam, bà con bị giết mà vẫn một lòng với cách mạng, và điều tôi phục nhất ở bà là lòng tiết tháo và đức khoan hồng, rất ngoan đạo mà vẫn kính yêu một ông chồng không tin Chúa, cùng với chồng bênh vực tín đồ Tin lành, lại tha thứ cho những kẻ đã ngược đãi bà, ngược đãi chồng bà, giết hại ba người thân nhất trong gia đình bà. Ở một thời đại mà các đảng phái, các tôn chỉ gây biết bao sự chia rẽ, biết bao sự đổ máu, thời đức khoan hồng là đức cao đẹp hơn cả và chúng ta nên thường đọc lại tiểu sử của bà La Fayette.

NGUYỄN HIẾN LÊ

HOA BƯƠM BƯƠM

Truyện dài của VÕ HỒNG — Nhà xuất bản LÁ BỐI. Khung cảnh thơ mộng của Đalat. Những ngày đầu chiến tranh... Những cuộc tàn cư. Không khí của « Bác sĩ Jivago » của « Cưỡi theo chiều gió »..

● MỘNG - TRUNG

(Xin xem BK.TĐ. từ số 215)

Hôn nhân dị chủng

5) Vì sao tôi chống đối hôn nhân dị chủng ; có lẽ tôi lo các con tôi có đôi bạn người ngoại quốc rồi chúng sẽ quên cả công ơn cha mẹ và không trở về với nòi giống quê hương chăng ?

— Tôi không tin rằng đưa ra một luận lý chống đối hôn nhân dị-chủng là có thể ngăn được con cái mình có đôi bạn người ngoại quốc ; nhất là chúng đang sống trong một xã hội, trong một nước mà sự kiện lấy người dị chủng xảy ra thường nhật.

Tôi lại cũng không tin rằng : khi đã quyết gia tâm giáo dục con cái thì ta sẽ hoàn toàn cảm hóa được chúng về mọi phương diện. Phương chi dầu ở bên này hay ở quốc nội, bạn cũng thấy rằng cuộc sống hỗn tạp giữa nghiêng của thời đại « nguyên tử » này, cố gắng và thiên chí của cá nhân khó mà thắng nổi ảnh hưởng của phân hóa và cuồng loạn đã làm cho mọi sự vật từng phút từng giây đều có thể thay hình đổi dạng. Không dễ có một cái gì còn giữ được nguyên chất để tự nó có thể phát sanh ra nét đẹp cố hữu của nó.

Tuy vậy phải trường kỳ cố gắng giáo dục con cái để ngày nào đó—một rủi ro nào có thể xảy ra — mình sẽ khỏi phải ân hận nghĩ rằng : mình đã vô tâm hững hờ, không làm tròn trách nhiệm trong sự dạy dỗ chúng.

Bạn có ý muốn biết tôi có lo con cái tôi có đôi bạn người ngoại quốc rồi chúng quên cả cội rễ, cha mẹ và công ơn sanh dưỡng làm cho tôi nhớ khi tôi chưa đến tuổi trưởng thành, tôi đã quan niệm lập gia đình không thể thắm như một số thiếu nữ lãng mạn, bi quan. Họ mãi rên rỉ thương tiếc xuân thì, cho hôn nhân là nắm mồ chôn cuộc đời con gái và lấy chồng là tự tử. Có khi vì nghĩ vậy mà họ mãi từ chối không chịu lập gia đình. Họ giữ họ lại cho họ một cách tiêu cực vì họ không ý thức được vai trò quan hệ của người đàn bà trong gia đình, trong

cuộc sống tương lai đối với xã hội, để có thể hân hoan chuẩn bị gánh vác trọng trách của một người vợ, người mẹ.

Lấy chồng, lập gia đình, theo tôi là bắt đầu đi vào cái thế giới tạo tác và xây dựng, đi vào cái giai đoạn này nở cao đẹp nhất trong cuộc đời của người đàn bà. Tôi đã trung thành với thiên chức của tôi, sẵn sàng ngửa cổ tự đeo cho mình vòng hoa hy sinh, sung sướng với nhiệm vụ làm mẹ, say mê công việc dưỡng nuôi con cái hơn những nhà điêu khắc hay họa sĩ say mê chăm chút chi li những hình tượng và họa phẩm của họ bội phần. Và bao nhiêu gian truân, cực khổ trong cuộc đời làm mẹ đã cho tôi một vị sống đậm đà, chẳng những khiến cho tôi quên cả điều đứng, nhọc nhằn mà còn thấy việc dưỡng nuôi con cái, theo dõi chúng từ bước trong thực tại và nội tâm là một cuộc sống đầy thử thách và vô cùng kỳ thú.

Làm mẹ, mình là đất sống của những đóa tinh hoa kỳ diệu trong muôn loài. Mình nuôi nó sồn sờ cho nó nảy nở. Suốt thời gian dài dặc, từ lúc chúng ấu thơ cho đến lúc chúng trưởng thành, gần chúng, tùy hoàn cảnh, tùy trường hợp, tùy câu chuyện mà tâm xác mình phải liên biến theo chúng. Khi cứng như đá, khi mềm như bột, dẻo dai như giấy thun, dùn thẳng kịp thì đúng mức cho vừa chặt, khít khao với trạng thái biến chuyển trong tâm hồn chúng. Liên tục đấu trí với những khối óc tinh nhanh — luôn luôn chuyển mộng theo thời gian và khát khao tìm hiểu — để toàn thắng được chúng trong nước đi đôi khi lạ lùng, biến hóa bất ngờ trong những ván cờ bắt buộc.

Thuật làm mẹ, là lưỡi dao, là phương thuốc đoạn trừ chứng tật, trị lành hoang mang chán nản. Là chất keo, là sợi dây hàn gắn rạn nứt, trói buộc tình thương. Là tay thần thoa vá khổ đau, là chiếc cầu đưa đón con qua nhịp đời gấp gáp. Là mái ấm, là bình phong, che đỡ gió mưa, bắt trặc. Là người bạn tìm hiểu tâm tình, nhà nghiên cứu phân tách suy tư. Vừa vú em vừa thầy học, vừa chương lý vừa quan tòa. Mình là diễn viên chánh yếu của sân khấu gia đình mà trách nhiệm và tình thương bắt mình phải hoàn tất những vai tuồng khó của người nghệ sĩ chuyên nghiệp. Và sau rốt, mình lại phải là người mẹ tình rộng bao la, để có thể là trụ cột, là tổng hợp những yếu tố tế nhị, nhạy và vững nhất trong thuật sống, cho con cái đủ niềm tin mà nương tựa vào mình.

Bạn ạ, tôi đã tự nguyện làm chất phân người, trút hết nguồn thương, sinh lực, cuộc đời cho con cái, chống lại mọi đắng cay, chướng ngại ở đời, phải sống và phải thắng, phải vượt lên cho kỳ được từng bước chông gai để hoàn thành nhiệm vụ thiêng liêng của người mẹ, thiết tưởng, với sự thành tâm tận tụy không có tánh cách vị kỷ đó, hẳn là tôi không mong mỗi một báo đáp nào có thể cân xứng với tất cả tâm huyết tôi đã dốc lòng cho ra. Và như vậy chắc chắn là tôi không đòi hỏi con cái tôi phải trả công, tình của tôi bằng hạnh phúc cuộc đời của chúng.

Ngày nào đó, nếu con cái tôi có đôi bạn người ngoại quốc mà xa hẳn cha mẹ, có lẽ tôi sẽ không vì quyền lợi và tình thương cá nhân tôi mà đau khổ cho

bằng tôi đã tận tâm hy sinh cả cuộc đời mà tôi vẫn không thành công trong việc đem những người dân Việt về cho đất nước Việt-Nam. Như vậy bạn có thể tin rằng chỉ nội bấy nhiêu đó cũng đủ cho tôi chống đối hôn nhân dị chủng. Tuy nhiên đó cũng chưa phải là lý do chống đối căn bản của tôi trong vấn đề này.

Đọc hơn cả trăm trang giấy tôi viết về ly dị, mất con vì hôn nhân dị chủng, về con cái thiếu trách nhiệm đối với cha mẹ, bạn sẽ nghĩ tôi cũng có một tâm trạng giống tâm trạng những cha mẹ vô phước đó, nên tôi cũng đứng cùng một phía với họ mà chống đối, bởi con cái tôi cũng đã đến tuổi trưởng thành?

Không đâu bạn. Tôi chống đối hôn nhân dị chủng không riêng cho cá nhân tôi và lý do chống đối của tôi cũng không giống lý do những nhân vật tôi đã trình bày cùng bạn lâu nay.

Tôi không lo có đâu có rề ngoài quốc rồi con cái mình không nuôi dưỡng được mình — mặc dầu tôi cho như vậy là trái với lẽ phải và đạo người — vì tôi vốn thường nghĩ «cho» nhiều hơn «hưởng». Và lại, cuộc đời, nếu đúng là chỉ ăn để mà sống và sống vì cần thiết và hữu ích, thì giận hờn, eo xách con cái chỉ làm cho chúng và mình đi thụt lùi với những khổ đau vật vãnh mà thôi.

Tôi không sợ mất con mất cháu, vì đâu rề Việt có Âu học thời này, thiếu chi người cư xử đối đãi với cha mẹ không hơn chi đâu rề người ngoại quốc. Và thật ra, trong nhiều trường hợp, cha mẹ cũng có chịu một phần trách nhiệm về việc con cái có đôi bạn người ngoại quốc. Tuy khổ sở, nhưng cha mẹ cũng đã già giận, từng trải, bằng cách này hay bằng cách khác họ sẽ xoay sở để sống nốt khoảng đời còn sót lại.

Cũng không phải vì vợ chồng dị chủng khó được hạnh phúc hoặc thường hay ly dị với nhau mà tôi chống đối. Vì vợ chồng đồng chủng cũng có ly dị với nhau vậy. Và lại, có hưởng thụ thì có chịu đựng, họ tạo thì họ gánh, luật trả vay như vậy cũng công bằng.

Nhưng lý do khiến tôi đề cập đến vấn đề hôn nhân dị chủng — mãi tìm nguyên nhân ly dị của vợ chồng dị chủng, trình bày những bằng chứng cụ thể cho mọi người cùng thấy một đồ võ khó tránh giữa tình duyên của họ, mong họ thận trọng trong việc lập gia đình và ly dị nhau — chính là những con cái của những vợ chồng dị chủng đã và đang ly dị nhau.

Số lớn nạn nhân bé dại vô tội đã bị cha mẹ tự ý đem vào đời để rồi khi họ hết yêu nhau hay vì lý do gì mà phải xa nhau, thì bị khổ đau nhiều cách, đó là lý do tối yếu của tôi chống lại hôn nhân dị chủng.

Nói như vậy không phải là chỉ khi nào những uyên ương dị chủng ly dị nhau tôi mới chống đối, mà ngay cả trong giai đoạn họ hạnh phúc với nhau, tôi cũng chống đối.

Bởi trong lúc ấy, chỉ có họ là sung sướng, hạnh phúc, còn thì : nước mất

một người dân, xã hội mất một công trình, gia đình mất một cánh tay, cha mẹ mất một đứa con, ông bà mất một đứa cháu, quyến thuộc mất người họ hàng mà con cái của họ cũng không hưởng được cuộc đời hoàn toàn êm ấm, đầy đủ trong tình thương và trong tinh thần như những trẻ con thường.

Chắc bạn cũng đoán được vì sao rồi. Và ngoài những tâm tình tôi được nghe nơi những người trong cuộc, tôi còn nhớ mãi những con mắt đầy lệ trong một hôm tôi tiễn bạn về nước ở phi trường Orly. Hôm ấy, một bà lão và một thiếu phụ người Pháp đau khổ sụt sướt khóc tiễn cháu, con lên phi cơ và gửi gắm nó cho một người Việt. Đứa con trai lai độ 12 tuổi, bịn rịn, hai tay không muốn rời mẹ, và bà, mắt đầy nước mắt, nhưng có lẽ tình thương ở phương xa vẫn đủ sức mạnh rút nó rời nước Pháp, lên phi cơ một mình về nước Việt với cha!

Hỏi ra thì cha nó về thăm quê đã mấy năm rồi mà chưa nghĩ đến ngày trở lại đất Pháp đoàn tụ với vợ trẻ và 2 đứa con thơ! Người thiếu phụ mong chồng và đứa con lớn đòi về với cha!

Những đứa trẻ đồng cảnh với em bé này sống bên quê ngoại thì mất quê nội, gần bên này thì xa bên kia. Trong nhiều gia đình, con cái có khi khổ sở không ít khi chứng kiến những cãi vã giữa cha mẹ chúng về việc phải dạy dỗ chúng thế nào về lễ phép, trong cách đối xử, nói năng để cho hợp với ý cha hay mẹ, với giáo dục Á hay Âu. Ra ngoài sống giữa bạn bè thì trên đất Pháp chúng không phải người Pháp, trên đất Việt, chúng không phải người Việt. Đồng bào của đôi bên quê hương cha và mẹ chúng đều không nhìn chúng bằng con mắt «đồng bào»! Việc đó khiến cho trẻ con ngày thơ luôn luôn bị dồn ép trong không khí nặng nề. Cảm giác như bị bỏ bê, ruồng rẫy làm cho chúng khổ sở và có mặt cảm không hay về cái giống nòi «lai» của mình. Cách đối xử và lời lẽ của các bạn bè lắm khi thô bạo khiến phần đông trẻ em này trở nên hung hãn bất thường; chẳng trách nhiều việc đáng tiếc thường khi đã xảy ra. Càng lớn chúng càng khổ với những bất hòa nhỏ nhặt về giống nòi giữa cha mẹ, có khi với hận lớn nếu hai dân tộc nội ngoại đánh nhau, về tuổi già và xác chết của cha hay mẹ trên đất khách, về nỗi sống cách bức đời đời rủi gặp cảnh bất kỳ và về thân phận chúng trong cuộc sống «một chân». Muốn thỏa «hai chân» chúng phải luôn luôn di chuyển (nếu quê hương cha và mẹ không cách xa nhau quá). Về tình thương, hồn chúng bị hao hụt đi một phía. Về thực tại, đời sống chúng không được ổn định. Về tinh thần, chúng luôn luôn thêm khát một sự hòa hợp bằng thẳng, liền lạc và êm ái như mọi người.

Vợ chồng dị chủng hạnh phúc với nhau mà con cái còn mang nhiều nỗi khổ như vậy thì bạn xem, chúng sẽ khổ đến mức nào khi cha mẹ chúng phải xa nhau hay ly dị với nhau?

— Vợ chồng đồng chủng không giải quyết được ngang trái trong gia đình đã liệng ra giữa cuộc đời chông gai cạm bẫy những đứa con thơ dại của mình. Mất niềm tin, chúng có đi đến một tương lai xấu hay đẹp, chắc chắn chúng đều phải trả bằng nhiều đau khổ của tâm xác,

— Cha mẹ vô trách nhiệm, ích kỷ, đã bỏ rơi những hòn máu của mình cho số cứu-tế-công-cộng. Số con hoang đó không bao giờ biết được giòng máu trong người mình ở từ một giòng tộc nào chuyên ra. Vô thừa nhận và không mang tên họ mẹ cha, suốt đời không ruột thịt, không gia đình, chúng sống lạnh lẽo nhờ công quĩ và lòng nhân của người đứng.

— Những người mạng bạc, vẫn số đã gửi lại cô nhi viện bao nhiêu trẻ mồ côi. Trái tim nhỏ bé khô héo của những trẻ em này không thể biết rộn ràng nhịp điệu vui mừng trong vòng tay âu yếm thiết tha của cha mẹ chúng. Những cuộc đời côi cút đó không bao giờ nắm được trong lòng thương lo, che chở của kẻ sanh thành.

— Rồi những cha mẹ hư hỏng cũng làm tội tình con cái họ và làm khổ xã hội bằng những trái độc. Con cái được họ thả lêu lổng lạc ra ngoài kỷ cương của hướng dẫn và giáo dục lành mạnh, chúng thích hô hấp khía cạnh tệ hại của con người, không ý thức được xây dựng, kiến tạo mà chỉ thích đập đồ để tìm chỗ đứng.

— Những con người sa ngã, tội lỗi thường là những đứa con vô phước, bởi tự hủy mình đã khó mà tự mình thẳng đau khổ chường ngại để vượt lên cao lại càng khó hơn. Cho nên điều trá, lường gạt, trộm cướp, hiếp dâm, giết người thường là thú vui và phương tiện của đoàn người ấu trĩ bị cha mẹ đem vào đời với đôi tay mềm yếu, không phương tiện và ít cơ hội lượm lặt được ở thực tại hay trong tình thương, những nâng đỡ quý giá để cho họ một vốn căn bản tốt làm khi giới tiến thân trên lối thẳng đường ngay. Vì vậy chúng thường muốn giải quyết ần ức đời mình bằng cách hủy hoại hạnh phúc và đập phá yên lành của kẻ khác. Rồi những trạm đời u tối có thể chặn đứng bước chân thơ dại, buông lung vì không tình thương. Không gia đình, không hy vọng, thiếu niềm tin, thiếu hướng dẫn và giáo dục đó là nhà tù, trại giáo huấn, trại trừng giới, (maison de correction) và bệnh viện khoa tâm lý.

oOo

Chiến tranh và thiên tai, thủy ách từ lâu reo rắc tang tóc khắp nơi. Trên thế giới người ta không ngớt tổ chức những cuộc lạc quyên, phước thiện dưới nhiều hình thức cốt cứu trợ vô số trẻ em trong vũ trụ đang bị giày vò về bệnh tật, đói chết bởi những thảm họa trên đây. Không kể quen lạ, khác biệt nòi giống, quê hương, người ta chỉ nghe tiếng nói nhân đạo thì nhau tìm phương thế để băng bó vết thương đời to lớn đó.

Và trải bao thế hệ, ở mọi góc trời, cảnh xương máu thay hương liên tục diễn ra. Con người đã triển miên tranh đấu cho những lý tưởng cao xa và cho những danh từ to lớn, cốt làm cho con người được sướng thỏa về mọi mặt. Nhưng thiết tưởng, dầu mất một yếu tố to hay một chi tiết nhỏ nào liên hệ đến đời sống vật chất và tâm thần, cũng không hình thành trọn vẹn được « hạnh phúc » mà con người thường cho là « mong manh », lại hay ban phát, tạo tác nó trong khung gia đình bé nhỏ. Như vậy « hạnh phúc » tuy mong manh, bé nhỏ mà đồng thời cần thiết, to lớn biết bao. Nó càng quý báu cao đẹp vô cùng khi một số người này dám đem cả cuộc đời, sanh mạng và hạnh phúc gia đình của mình để đem lại hạnh phúc cho một số người khác.

Hạnh phúc mong manh nhỏ bé của «mỗi con người» đó cũng lại là một duyên có đời đời dai dẳng có thể đòi hỏi được nhiều giúp đỡ, hy sinh có khi khó khăn và cao quý của bất cứ những ai có hồn, có lòng trong trời đất, làm cho tôi thắc mắc nhiều về thứ hạnh phúc cá nhân ích kỷ của một số người không kể đến hậu quả tai hại vì họ không nghĩ đến chung thì mà vẫn kết hôn với người ngoại quốc; xem đó như là một cuộc phiêu lưu hay nhu cầu tạm thời. Thứ hạnh phúc đó ở trong vòng hẹp con tim không vươn được lên ngang tầm lý trí để họ có thể phân phát phần nào vui sống yên hòa cho những người thân yêu của họ.

Đề cha mẹ khổ sở, bỏ con cái bơ vơ trong tình thần và trong tình thương, mình thản nhiên vui sướng hay đi làm lại cuộc đời, như vậy theo bạn, mình có hưởng được hạnh phúc thật sự không? Và mình làm sao học đòi hoặc trả lại phần nào cái đẹp cho sự hy sinh cao quý của những con người đã từng phen hiến dâng «hạnh phúc» cho con người?

Biết hy sinh mới có thể tạo được hạnh phúc cho chính mình.

Biết hy sinh mới biết được và hưởng được chân hạnh phúc. Tôi nghĩ như vậy.

Hạnh phúc tròn vẹn của một đôi vợ chồng với tất cả ý nghĩa của nó, theo tôi, là về tình thương, mình phải biết chia phần cho cha mẹ và con cái. Về quyền sống và hưởng thụ mình càng phải dành phần lớn nhất cho con cái bởi mình là người chịu trọng trách về sự có mặt của chúng trên đời này. Mà hôn nhân dị chủng tự nó không có tánh cách êm hòa mi mẫn để cho người trong cuộc có thể tạo nên thứ hạnh phúc ngọt ngào nhân hậu này được. Vì vậy ở đoạn đầu vấn đề này tôi cho hôn nhân dị chủng là một đại vấn đề có liên hệ quan trọng giữa thế hệ này với thế hệ khác.

Tôi tin rằng: giữ được liên hệ tình thương giữa ông bà, cha mẹ và con cái là xây dựng khuôn khổ cho một lối đi vững và sáng, một phương hướng tiến triển với niềm mong lạnh mạnh cho thế hệ ngày mai; bởi tình thương và niềm tin là động cơ trọng yếu thúc đẩy đến thành công và kềm hãm sự sa ngã.

Chiến tranh tàn phá tiến triển, không gian và nhân mạng. Những con người còn sót lại đang chịu ảnh hưởng sự phá sản nặng nề về toàn diện. Dục tính và sự sống bị cơn áo cùng văn minh đòi truy chi phối. Số trẻ thơ vô tội lạc loài, bệnh tật, đói chết rơi rớt đầy dẫy khắp nơi. Nêu lên vấn đề hôn nhân dị chủng trong trường hợp đó bạn có thể nghĩ tôi muốn cho mọi người xem con chuột bằng trái núi hay tặng hoa cho kẻ đói.

Nhưng túi hồ vì bất lực trước hiểm họa tày trời lại không được cùng chia sẻ cơ cực với dân với nước, tác giả bài này chỉ còn có thể mở tim mình chia phần đau khổ với số nạn nhân ấu thơ của thời đại. Trong đó, có số trẻ thơ vô phước mà cha mẹ dị chủng — ly dị nhau — vô tình đã và đang đem bỏ thêm vào giữa những nỗi khổ đau của đời và chúng là lý do chống đối căn bản của tôi trong vấn đề hôn nhân dị chủng.

Bao giờ trên mặt đất không còn biên giới đè lòng người thôi bị giày vò, ngăn cách bởi ranh giới chủng tộc, trí người thôi thối mắc, không so sánh tôn ti, xấu đẹp về màu da, nòi giống. Bao giờ trên thế giới chỉ còn có một thứ giáo dục, một thứ phong tục, tập quán để uyên ương dị chủng không còn lạc loài, xa cách nhau trong nếp sống thực tại và u ần khúc trong tâm hồn, chừng đó tôi mới có thể tin rằng gia đình uyên ương dị chủng sẽ được hạnh phúc bền bỉ trọn vẹn dễ dàng như gia đình uyên ương đồng chủng.

Bao giờ nòi giống «lai» có một đất sống riêng biệt của họ, hoặc con người tứ phương có thể nhìn nòi giống «lai» bằng con mắt «đồng bào», chịu dung nạp, đón tiếp họ với một con tim, một lý trí không bợn chút bụi kỳ thị chủng tộc, cha mẹ họ không bị ảnh hưởng mọi thứ kỳ thị mà ly dị nhau, cho những đứa con họ được nếm thứ hạnh phúc ngọt ngào như thiên hạ, chừng đó, hôn nhân dị chủng không còn thành vấn đề cho ta đề cập đến nữa.

Nếu ngược lại và như tôi đã trình bày cùng bạn lâu nay thì tôi xin đường đột cả tiếng thiết tha nhắc nhở những ai làm cha mẹ, hãy thận trọng, đừng vì hạnh phúc ích kỷ cá nhân mà đem trẻ thơ vô tội vào đời, bắt chúng làm thí điểm cho hôn nhân dị chủng.

Hôpital Boncicaut

Balê — *Viết xong đầu xuân Đinh Mùi*

MÔNG - TRUNG

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÂM TẠI THỤY-SĨ

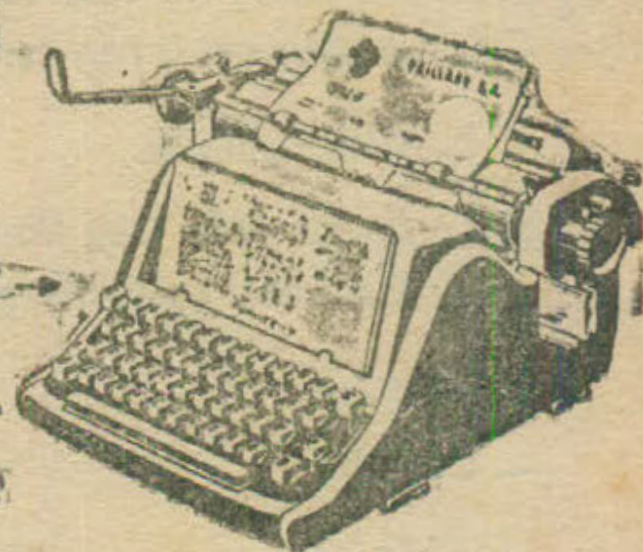
NIÊU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY.

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY.



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1. Đường Nguyễn-Sửu — Téléphone 20.821 — SAIGON

« CUNG CHÚC TÂN XUÂN »

Mai lái xe lượn qua lượn lại nhiều lần vẫn không tìm được chỗ đỗ. Một lúc sau có hai sĩ quan từ trong cửa chính Câu Lạc Bộ bước ra, thấy Mai nhìn quanh mãi họ ra hiệu cho nàng chờ để lấy chỗ. Chỗ đỗ xa tít Mai phải đi một quãng xa mới đến được phòng ăn. Lúc bước lên bậc thang Mai bước thật chậm để lấy lại nhịp thở đều đều. Mặc dầu chỉ có một giờ nghỉ để ăn trưa, mọi người không ai có vẻ vội vàng cả. Từ sự tranh nhau chỗ đỗ xe, tranh một cách có lễ độ, cho đến tranh nhau ngồi dãy bàn ăn cạnh cửa sổ, để có thể nhìn xem phong cảnh bên ngoài nhiều hơn, cũng tranh một cách vừa phải, hơi có vẻ nhường nhịn nhau nữa là khác.

Mai theo mọi người sắp hàng bên cạnh cái bàn dài, người bếp đứng sau bàn mức cho khách ăn món gì họ thích. Bao giờ Mai cũng chỉ ăn hai lát bánh mì kẹp thịt và một cốc sữa tươi. Mặc dầu có nhiều món ăn nóng khác ngon lành hơn, nhưng Mai tự kiềm chế không ăn những món quá béo bở sợ mập, và không ăn no quá vào lớp để bị buồn ngủ.

Mai bưng khay thức ăn đi qua chỗ cô giữ két ngồi, trả 6 hào như thường lệ, xong bước vào phòng ăn. Mai còn đang nhìn quanh để tìm một chỗ ngồi vừa ý, bỗng nghe có tiếng gọi ở bên cạnh :

— Mời bà ngồi đây.

Mai quay lại thấy Ông Sơn, một Nha sĩ Quân Y đang ngồi một mình trong góc phòng. Mai bưng khay đến gần đặt trên bàn ông.

— Chào bà.

— Chào bà

— Chào bà.

Chung quanh phòng vài tiếng chào nổi lên; vài bàn tay vẫy từ đằng xa cuối phòng. Tất cả đều là khách ăn trưa quen thuộc của Câu Lạc Bộ. 11 giờ là giờ ăn của

sinh viên, 12 giờ là giờ ăn của nhân viên. Thì giờ chia như thế ai cũng có chỗ ngồi, nhà bếp cũng đỡ vất vả. Tuy thỉnh thoảng có nhiều sinh viên ăn muộn, nhưng bao giờ cũng đủ chỗ ngồi, vì chỉ có một số rất ít nhân viên ăn ở đây; còn tất cả đều về ăn cơm nhà vừa ngon vừa rẻ, và nhân tiện để cho vợ có việc làm buổi trưa.

Ông Sơn hỏi :

— Thế nào ? Bà đã đổi được xe chưa ?

Mai cười :

— Hình như còn lâu. Năm nào tôi cũng dọa đổi xe mới cả, thế mà đã 4 năm rồi tôi vẫn còn lái chiếc xe 15 tuổi rách nát tả tơi. Năm nay thế nào cũng phải đổi, cửa xe long ra-đóng không chặt nữa.

— Như thế nguy hiểm lắm !

Mai gật đầu :

— Vì thế tôi đã mua bảo hiểm sanh mạng rồi.

Mai ngồi xuống bàn chậm rãi bóc ly giấy đồ sữa ra cốc. Nhìn miếng bánh mì kẹp thịt đầy tràn cả ra ngoài đĩa, Mai mỉm cười nghĩ đến các ông bếp Phi Luật Tân. Hôm Mai vào đây ăn lần đầu tiên, lúc đi qua cái bàn đầy thức ăn, nhìn đĩa pho mát trắng xay vụn trên mặt bày các thứ hoa quả hộp, Mai thật thà hỏi ông bếp :

— Món này ăn làm sao ông ?

Ông bếp liếng thoảng vui vẻ trả lời :

— Ăn với thứ kem trắng này, hay kem vàng cũng được.

Mồm nói tay làm, ông đồ kem vào đĩa hoa quả cho Mai.

— Bà ở đâu đến ? Bà có thích cơm Mỹ không ?

— Tôi là người Việt Nam, còn ông ?

— Phi Luật Tân, chúng tôi ăn cơm. Bà có thích cơm Phi Luật Tân không ?

— Có chứ. Gạo Phi Luật Tân nấu cơm ngon lắm. Ở đây chúng tôi không có nước mắm Việt Nam nên phải mua nước mắm Phi. Ngon tuyệt.

Ông bếp nghe khen, lòng ái quốc lên hương; lấy thêm một bát canh nhỏ để vào khay của Mai.

— Hôm nay xúp hến này đặc biệt lắm. Chính tay tôi nấu lấy. Bà phải ăn thử mới được.

Mai cười cảm ơn, và lúc ra về, đi qua dãy hành lang, ba ông bếp Phi đang ngồi nghỉ chân, thấy Mai ra vội vàng đứng dậy chào hỏi :

— Thế nào ? Cơm hôm nay Bà ăn có được không ? Bà thích nhất món gì ?

Mai dừng lại nói chuyện cơm canh một lúc, và từ đó dù đến chậm bao giờ Mai cũng còn đủ thức ăn.

— Kla bà ăn đi chứ, suy nghĩ gì thế ? Gần hết giờ rồi !

Ông Sơn đã ăn xong phần ông, chỉ còn ngồi chờ Mai.

— Bà có thích về Việt Nam không ?

— Thích lắm lắm chứ. Nhưng có nhiều vấn đề cản trở, khó lắm.

— Tôi đã qua Việt Nam một lần rồi. Tôi rất thích và mong có một ngày kia còn có dịp trở lại. Sơn là tên của người Việt Nam đặt cho tôi lúc tôi làm việc bên ấy. À, vừa rồi nghe nói có Tết âm lịch. Những người Việt ở đây ăn Tết có vui không. Có ai có món ăn đặc biệt Việt Nam không ?

Mai đang cắn miếng bánh mì, món ăn phải nuốt lẫn với nước mới lọt mà nàng đặt tên là món «ăn đề sống», nghe nói đến cơm Việt Nam, hình như có một sức khai vị lạ lùng. Mai nuốt miếng bánh mì không khó khăn chút nào cả. Không cần phải thêm miếng dưa chuột ngâm dấm thêm vị, và nước lã dẫn đường.

— Có, Cô Lan nhận được mứt dứa, mứt sen, cô Đào nhận được bánh trắng đề cuốn chả dò. Một sinh viên có bạn ở Việt Nam gửi sang cho một gói mứt Mãng cầu Xiêm. Cô bạn cùng ngồi một phòng với tôi nhận được me chua ngâm muối và đường.

Nghĩ đến mứt Mãng cầu Xiêm vừa chua vừa ngọt. Và món me xanh dầm Mai thấy khai vị lạ lùng. Mai cắn một miếng bánh mì và cũng nuốt trôi một cách dễ dàng.

— Nghe ngon quá nhỉ. Toàn là những món tôi đã được nếm thử.

— Tôi không biết tất cả, nhưng đại khái ai cũng nhận được một món gì, không ít thì nhiều của bạn bè hay bà con đề nhớ đến quê hương.

Mai ngẫm nghĩ một chốc tiếp theo :

— À quên, Có một cô bạn của tôi nhận được da heo xắt rối phơi khô. Cô ta ngâm nước cho nở ra rồi làm nem chua gói bằng giấy bóng. Cô đem đến sở nướng trên lò sưởi làm cơm trưa, hôm ấy cả sở ai cũng đòi xin cưới cô làm vợ.

— Tôi nghe nói năm ngoái người Việt Nam ở đây không tổ chức ăn Tết, nhưng năm nay hình như có phải không bà ?

— Vâng, có tổ chức đi tiệm tàu ăn Yến và đến những 6 món khác. Theo chương thì có đi nhày ở một tiệm sang nhất và có âm nhạc hay nhất ở đây.

— Bà cũng có đi chơi vui chứ ?

Mai lắc đầu :

— Không, tôi rất tiếc.

Ông Sơn ngạc nhiên :

— Tại sao bà không đi ? Mỗi năm chỉ có một lần mà ! Vội lại nếu tôi không làm thì chính bà là người đòi tổ chức ăn Tết nồng nhiệt hơn ai hết.

— Ông nói đúng. Mỗi năm chỉ có một lần thôi. Ban tổ chức cũng nghĩ thế. Và họ nghĩ rằng ngày Tết đã không ăn thì thôi, ăn phải ăn cho ngon. Vì thế giá tiền tham gia đắt quá, chỉ có một số rất ít dự.

— Tôi tưởng ngày Tết ăn là một chuyện cần, mà vui lại cần hơn; nhất là vui chung. Nên tổ chức thế nào cho tất cả mọi người, mọi giới giàu nghèo đều có thể cùng chia vui.

— Tôi cũng nghĩ như thế.

— Tại sao các ông các bà không mượn phòng nấu ăn Quốc Tế, góp tiền nấu chung vừa ngon vừa rẻ vừa vui.

— Năm xưa, lúc người Việt còn ít, chúng tôi đã tổ chức như thế, nhưng chỉ thành công trong phần chơi vui còn phần ăn thì kém lắm.

— Bà có thể cho tôi biết đề tôi rút kinh nghiệm được không ?

— Tôi chắc ông thừa biết, nấu ăn cho một số đông người quá, đồ ăn phải làm số lượng nhiều mất ngon. Nấu trước thì nguội lạnh; đến giờ mới nấu thì làm sao có thì giờ về nhà tắm, thay quần áo, trang điểm... Xong rồi lại còn việc quét dọn và rửa bát nữa. Ai cũng sợ và tránh xa những việc này.

Vì thế năm ngoái bỏ hẳn không có tổ chức gì, ai cũng phàn nàn. Năm nay tôi đưa ra đề nghị mượn nhà bếp Quốc tế, mỗi người mang vài món ăn đủ cho gia đình mình. Trong phòng ăn có nhiều bàn, mình sẽ ngồi chung bàn và họp đồ ăn với vài người bạn khác cùng bàn. Giờ ăn xong đến giờ chơi, Ai không tiện đến ăn sẽ đến chơi sau. Bơi đầu năm, đàn hát, đóng kịch, ngâm thơ, nhảy nhót, chương trình muốn kéo dài đến bao lâu cũng được. Mọi người cùng vui, ai có trẻ muốn mang đến cứ mang, chỉ phải tự trông nom lấy. Nhưng đề nghị này không được "giới hữu quyền" tán thành.

— Thế hôm ấy bà có đi chơi đâu không ?

— Không, tôi nằm nhà xem T. V. và nói là được mời đi dự tiệc.

— Cũng vui chứ sao !

— Nào có xem được yên ! Điện thoại của những người "đi dự tiệc" như tôi gọi suốt từ 6 giờ chiều đến nửa đêm. Chúng tôi nằm nhà buồn chỉ có cách gọi nhau than thở cho đỡ ghiền.

— Ý kiến của họ có giống bà không ?

— Đại khái cũng như thế. Họ bảo là ngày Tết mình phải chú trọng nhiều vào trẻ em nữa. Trẻ em đông quá mà không cho nó ăn Tết, không giúp chúng nó có một ý niệm gì về Tết, lâu dần nó sẽ chẳng còn biết Việt Nam là cái gì nữa ! Chúng sẽ mất gốc hết.

Và họ cũng kêu đắt quá. 2 vợ chồng đi, lại phải thuê người giữ trẻ, trẻ dưới 12 tuổi nếu để ở nhà một mình bố mẹ bị tội. Hơn nữa nếu chỉ đi ăn ngon và nháy nhót với một nhóm người rất ít, không có đủ đồng bào, không có trẻ con thì tiệc ấy đâu có phải là tiệc Tết, đâu có nghĩa lý gì. Muốn ăn ngon và nháy nhót thì suốt năm lúc nào mà chẳng được.

Thấy chuyện Tết nói cũng đã hơi nhiều, Mai ăn nốt miếng bánh và nói sang chuyện khác :

— À quên, tôi muốn hỏi ông có quen với luật sư nào không ?

Ông Sơn cười :

— Bà không được ăn Tết nên định kiện đấy à ?

Mai vội vàng lắc đầu :

— Không, không, đâu có kiện ai. Tôi muốn làm di chúc.

Ông Sơn ngạc nhiên :

— Làm di chúc ? Sao bà yếm thế đến như thế ? Chỉ vì không được ăn Tết có vài lần mà đã giận đời nghĩ đến chuyện... qui tiên rồi.

— Biết đâu đấy ? Tai nạn bất ngờ đoán trước thế nào được ! Tôi có đóng một số bảo hiểm nhân thọ. Nếu nhờ tôi chết thình lình con bé có thể ăn học cho đến khi nên người. Nếu không tìm sẵn luật sư thì lúc ấy không có ai lo hộ. Không ai đòi, hãng bảo hiểm sẽ lờ đi, nhà sẽ bị xiếc, con bị đuổi ra đường bơ vơ.

— Tôi có quen một Luật Sư làm về giấy tờ ly dị cho tôi, để tôi giới thiệu.

Nhắc đến ly dị, mặt ông Sơn bỗng buồn rầu hẳn đi, và giọng ông ghen ngào.

Ông Sơn đã từng kể cho Mai nghe một đoạn ngắn về đời ông. Ông đã đời sang Thái Lan một năm. Lúc về gặp lại vợ con tưởng được yên hưởng tuổi già, thì bỗng một buổi sáng, có giấy của Luật Sư báo cho biết ông phải dọn ra khỏi nhà trong 24 tiếng đồng hồ, vì vợ ông đã kiện xin ly dị.

— Ông nói :

Ba con gái tôi đều đang học Đại học. Chúng đã gần tự lập được rồi. Cái nhà tôi mua góp 25 năm nay cũng trả xong. Tôi đã tưởng vợ chồng tuy đôi khi xích mích tình già không còn nồng nhiệt như tình yêu của tuổi trẻ, nhưng vẫn còn cái nghĩa và tình bạn đời. Chúng tôi có thể tìm hạnh phúc trong hạnh phúc của các con. Không ngờ...

— Thế bà có yêu ai khác không ?

— Tôi không biết. Có lẽ không. Nhà tôi cũng già rồi lại đang ốm. Tôi không thấy nhà tôi có cơ gì mạnh để ly dị cả. Tôi cũng chưa hề yêu ai khác ngoài nhà tôi. Tôi không ngờ ngày tôi về nước, tưởng sẽ được sống với gia đình êm ấm, sống trong cái nhà, mảnh vườn của mình vun quén trong 25 năm...

Ông cần môi dừng lại một chốc :

— Ngờ đâu gần 50 tuổi đầu rồi, gần về hưu rồi, tôi bị tống ra khỏi cái nhà của tôi. Phải dọn vào trại Túc Xá độc thân sống chung với những chàng trai mới lớn nhí nhánh và các cụ trai già tâm hồn bệnh hoạn, tính nết chướng kỳ. Sau 25 năm lao tâm, lao lực ra sức gây tổ ấm chờ ngày dưỡng lão, bỗng dưng trở lại hai bàn tay trắng như ngày mới ra trường ; mà cái tai hại lớn nhất là tuổi tác và sinh lực không còn như xưa.

— Tôi nghe nói luật ly dị ở Mỹ, người chồng phải cấp dưỡng cho vợ nhiều lắm. Có khi tiền còn lại chỉ đủ sống một cách đạm bạc ; không bao giờ có hy vọng mời bạn gái nào đi chơi, hay đủ tiền để lập lại gia đình khác. Nếu có thì người vợ sau cũng phải đi làm mới đủ sống.

— Gần đúng như thế, tùy theo trường hợp. Nếu vợ đi lấy chồng ngay thì khỏi cấp dưỡng cho vợ nữa chỉ cấp cho con thôi. Nhưng già như nhà tôi thì còn lấy ai để tôi mong khỏi trả tiền cấp dưỡng. Ban đầu tôi đề nghị chia nửa lương với nhà tôi nhưng Luật Sư bà ấy không chịu. Ông ta đưa ra một số gần gấp đôi. Thế thì tôi làm sao mà sống được ! Tôi phải thuê Luật Sư bảo vệ tôi. Kiện đi kiện lại, ra Tòa bao nhiêu lần tốn vô khối là phí tổn cho Tòa và Luật Sư. Kết quả nhà tôi bằng lòng nhận số tiền tôi đề nghị. Chung qui chỉ Luật Sư của cả hai bên là lợi thôi. Nếu là một vụ ly dị thường hai bên thỏa thuận ngay, cả hai chúng tôi đều chỉ tốn độ 1 phần mười số tiền chúng tôi đã tốn.

— Có lẽ đó là một nghệ thuật chuyên môn của họ.

Ông Sơn gật đầu :

— Lúc nhà tôi ốm ở nhà thương, tôi đến thăm, bà ấy nói không biết gì về việc Luật sư của bà ấy đòi nhiều tiền đến như thế. Đấy bà xem, họ chỉ lợi dụng hoàn cảnh không may của người khác, nói là bảo vệ thân chủ, mà thực ra thì mình được kiện hay thua kiện, họ cũng cứ thu tiền công, tiền án phí, lệ phí cả trăm thứ, đó là điều chính. Bất đắc dĩ lắm tôi mới nhờ đến Luật Sư, nhưng còn bà, tại sao bà lại phải cần đến Luật Sư bảo vệ con bà, thu tiền bảo hiểm và tìm chỗ ở cho nó ? Bà có anh chị em hay bà con ở đâu không ?

Nghe nói đến anh em, mắt Mai sáng lên :

— Có chứ, tôi có nhiều anh chị em ở Saigon lắm. Tất cả đều khá giả và mạnh khỏe cả.

— Họ có viết thư cho bà thường không.

Vốn thực thà, Mai định nói thực, nhưng nghĩ đến một câu không biết của danh nhân nào đã nói ra : «Người đàn bà nào mỗi ngày nói chưa đến 5 lần, thì đó là người rất thực thà và có thể tin cậy được ». Ngày hôm ấy Mai chưa có dịp nói dối lần nào nên quyết định nói dối để giữ thể diện :

— Vâng, thường luôn.

Ông Sơn như chợt nghĩ ra :

— Nếu bà có nhiều họ hàng thế, bà nên nhờ một người nào trong họ hàng trông nom và bảo quản cho cháu có phải là hơa nhờ người ngoài không ? Luật sư cũng là người ngoài.

Mai có vẻ ngần ngại :

— Khi còn bé anh chị em chúng tôi thương nhau lắm. Có dịp là nói chuyện với nhau mê mải, quên cả ngày giờ rất ý hợp tâm đầu. Căn phòng nào trong nhà có mặt chúng tôi là vui như Tết. Nhưng bây giờ..., cách nhau bao nhiêu là sông núi....

— Thế Tết năm nay anh chị em và các bạn của bà có gửi gì cho bà không ? Mai cười nhưng hơi có vẻ không tự nhiên :

— À, à... anh tôi có gửi cho tôi một cái này đẹp lắm. Tôi cho ông xem.

Mai mở ví lấy ra một cái phong bì, trên mặt phong bì đầy cả tem nhiều màu sắc và nhiều kiểu, có thể làm cho bất cứ người chơi tem nào trông thấy cũng ham thích.

Mai chỉ vào phong bì nói :

— Tôi quý những con tem này lắm, nhưng nếu ông có chơi tem thì tôi sẽ cho ông vài con, thứ nào tôi có thừa.

Ông Sơn ngắm các con tem với một đôi mắt triviu mến thân yêu một lúc rồi mở phong bì lấy ra một tấm thiệp. Trên thiệp vẽ hình hai thiếu nữ Việt Nam tóc búi lơ đang ngồi hòa đàn Tranh và đàn Tì bà.

Ông Sơn nhìn tấm hình mỉm cười giọng mơ màng :

— Tôi đi Việt Nam về có mua vài bức tranh sơn mài. Tôi thích nhất là bức tranh vẽ vườn cau bên cạnh một con sông. Mặt trời chiều đã gần tà, có một em bé đang ngồi trên mình trâu thổi sáo... Tôi yêu quý bức tranh ấy lắm, nhưng vợ tôi cấm tôi không được mang một đồ vật gì ra khỏi nhà cả, trừ mấy bộ quần áo.

Hai mắt ông chớp mau và ướt hần đi. Ông đưa ngón tay lên chùi hai giọt nước mắt đang lăn xuống má một cách tự nhiên, không sợ ai nhìn thấy.

— Chắc anh bà viết trong này dài lắm, thư máy bay có dán những 35 đồng bạc tem.

Như bị điện giật, Mai hoảng hốt giật mình giơ tay định chặn ông lại, không cho ông xem bên trong, nhưng đã muộn quá rồi. Ông Sơn đã mở tấm thiệp ra một cách nhanh nhẹn gọn gàng. Bên trong thiệp chỉ vền vện có 4 chữ hoa in bằng mực đen rất đẹp

« CUNG CHÚC TÂN XUÂN »

Đã lỡ rồi Mai đành mỉm cười. Nàng đề tự nhiên không cần tranh đấu chống lại hai giòng nước mắt đang trào lên rất nhanh, mặc nó chảy dài xuống má, và Mai vẫn giữ nguyên nụ cười ngưng đọng trên môi, tưởng như không bao giờ tắt được.

LINH BẢO

Sau ngày Tết

Monterey 1957

TRUYỆN DÀI
ĐỒ - TIẾN - ĐỨC

MA
HÔNG

2 Ánh nắng vẫn còn quá nhiều trên cánh đồng. Khi gần tới bến xe lambretta, chúng tôi thấy một chiếc xe jeep chạy ngược chiều, xả hết tốc lực. Anh Hải vội đặt điều thuốc lên miệng rồi sang số cho xe chạy ép vào lề đường. Tiếng anh lầu bầu trong hai làn môi mím chặt :

— Lại xe của trung úy Đạt.

Tôi cũng đã đoán như anh Hải. Vừa lúc ấy, hai chiếc xe giao nhau. Đạt thoáng nhìn thấy tôi. Lập tức thẳng xe. Tôi hấp tấp bảo anh Hải đỗ lại. Chiếc xe của Đạt kêu rú lên rồi lùi lại cho đến chỗ chúng tôi đối diện nhau.

Tôi hỏi trước :

— Có gì không ?

Đạt khẽ nghiêng đầu chào hai người sĩ quan trên xe tôi rồi liếc nhìn tôi dò hỏi. Anh nói :

— Sang xe này về luôn.

— Thôi Đề chốc nữa gặp. Mình đi cùng phái đoàn thanh tra còn chút việc.

Đạt gạt đầu. Bàn tay đặt lên cần sang số. Anh không quay lại phía tôi :

— Mà có thư của một em ở Sài Gòn.

Tôi vụt nghĩ đến Thủy :

— Tên gì ?

— Thủy.

— Thủy ? Đúng Thủy.

— Tao cầm rồi. Chốc tao đưa. Chờ tao ở phòng.

Vừa nói xong, chiếc xe đã lao vút như tên trên giải đường. Tôi ngoái cổ nhìn theo đám bụi mù cuộn lên cao từ phía sau xe xẹt ra như một con mực phun chất đen để trốn tránh kẻ tử thù vừa xuất hiện. Thủy gửi thư cho mình? Chắc thế nào cũng trách móc anh bạc lắm, anh sở Khanh lắm, anh tàn phá đời em rồi anh chạy biệt tăm. Tôi cười thầm. Mình thật vô tâm. Đã viết thư cho Thủy cả tuần này mà vẫn bỏ nằm hoài trong ngăn kéo bàn giấy. Chỉ việc quảng cho người tùy phái mà cũng không chịu nhớ. Đến khi nhớ thì lại e ngại, do dự. Thiên hạ biết mình có bồ ở Sài Gòn thì đũa nào dám để mình nhào vớ. Nhất định mai sẽ đem thư của Thủy ra tận nhà bưu điện gửi gấp. Nếu cần đêm nay sẽ viết trả lời thư Thủy luôn. Tại bưu điện chậm trễ, sẽ bảo Thủy như thế. Sẽ tả oán cuộc sống ở đây và mời em ra thăm anh ít ngày. Liệu Thủy có dám đồng? Nhưng nếu Thủy ra đây thì sẽ phải giới thiệu thế nào với Huyền, với Chi? Bỗng nhiên tôi tạo được chút bằng khoán nhẹ nhàng trong niềm vui sướng kiêu hãnh. Xe vào đường phố thị trấn. Trung úy Lạc ngoảnh lại cười với trung úy Cảnh, ê tối nay tội mình phải thả bộ xem có món nào mua kỷ niệm được không chứ. Cảnh cười đáp sẵn sàng rồi, nhưng thồ sẵn ở đây là món gì đấy cụ phó. Nhớ lời Đạt đêm nào nói về Huyền, tôi bật cười định nhắc lại cho vui chuyện. Chợt một chút do dự như làn vải mỏng che mờ cảnh vật, khiến tôi ngưng kịp. Thôi, nói làm chớ gì, nhớ chúng nó lại đòi đi thật thì chả hóa ra mình là thằng ma cô sao. Tôi nghe tiếng trung úy Lạc đã nói tiếp, xừ tỉnh trưởng bữa trước có bảo tỉnh này nhiều thịt nai khô, đúng không, anh Đạt. Rồi không chờ nghe trả lời, ông đã tả luôn mùi vị của nai khô nướng vừa chín tới trên lửa than, nhậu với whisky buổi tối. Và ông kết luận mình phải hỏi mấy anh tỉnh, anh quận để biết hoặc nhờ các anh ấy mua hộ thì mới hy vọng đủ tiền chứ thanh tra thì làm sao sẵn bạc được. Riêng trung úy Cảnh vẫn phớt phơ với những mẩu chuyện tào lao. Ông bỗng bắt tay tôi dù xe chưa về tới quận:

— Lại một cháu nữa ở Sài Gòn đấy hả?

Tôi cười nói lảng:

— Có gì để hãnh diện đâu. Bao giờ trung úy về?

— Muốn gửi quà hả, cứ mua đi tôi nhận làm sứ giả cho.

Tôi cười, nhìn trung úy Cảnh. Khuôn mặt thật hóm hỉnh với hai tròng đen con mắt tròn lóng lánh như hai hòn bi thủy tinh. Anh định kiếm cơ hội làm quen cô em tôi chứ gì. Rồi trong khi tôi đóng đô ngoài này nghe súng cạ nông thì anh tha hồ thạm thụt văn nghệ thì tủi cho tôi quá. Nhưng anh bạn ơi, nếu em tôi hoa khôi một tí, tôi đâu có ngán chuyện anh muốn đi một đường bay bướm, tôi chỉ ngán anh cười tôi vì em tôi chưa sạch nước cần thôi. Tôi nhìn trung úy Cảnh do đó thật lâu mới nói:

— Quà thì không có, nhưng cho gửi lời thăm tất cả các em đi Bô Na chiều thứ bảy này, nhé.

Cảnh cười khanh khách, đập vào lưng tôi:

— Cứ tưởng mình cô độc lắm.

Tôi cười theo rồi xuống xe từ biệt hai vị sĩ quan thanh tra về tư dinh tỉnh trưởng. Quận đã hết giờ làm việc. Những cánh cửa văn phòng đã khép kín. Mấy người nghĩa quân nằm ngồi ngồn ngộn dọc theo hàng hiên chờ tập họp phân toán gác đêm. Những hơi khói thuốc mờ mờ bay lên từng đám. Những cây súng carbine dựng dưới chân tường như những thanh củi khô. Cũng có luôn cả mấy điệu hát rè rè từ những chiếc máy thu thanh loại nhỏ đeo trên vai để giải buồn trong lúc tuần phòng. Tôi nhớ đã mấy lần đại úy quận trưởng nói về vụ này. Các anh đi đánh giặc hay đi du ngoạn đây, trả lời mau lên. Ai dạy các anh rằng ban đêm phục kích địch có thể mở máy rồi xúm nhau nghe vọng cổ, hả. Muốn chết như con chó sao. Hình như tình trạng chỉ giảm được vài ngày. Đến một dịp sôi nổi nhất là trung tá tỉnh trưởng đã bắt gặp đoàn quân đó ở ấp Nhã Hành gần sát thị trấn nhân một chuyến tuần đêm. Bao nhiêu anh nghĩa quân với súng một vai và máy thu thanh một vai đều được hốt về tiểu khu, nằm trong cấm phòng cả tuần lễ. Máy bị tịch thu và đem tặng cô nhi viện Phật giáo. Nhưng cái thú của một số nghĩa quân khi nằm ngoài sương gió khuya khoắt lạnh lẽo một mình chờ địch hình như không thể bỏ hẳn nổi. Chiều chiều, người ta vẫn bắt gặp những toán quân y phục đen đi hàng dài từ thị trấn ra ngoài ấp, với những âm thanh nỉ non của một bài ca vọng cổ từ một đài phát thanh nào đó, đôi khi kèm những giọng hát của những người lính trẻ.

Anh Hải vẫn chưa lái xe trở lại. Tôi đứng xem những vì sao lác đác hiện sáng trên cao. Những cánh rơi đã đan những đường lác lổng trong không gian chập chùng nhòa nhạt bóng tối. Tự nhiên câu nói của trung úy Cảnh, cứ tưởng mình cô độc lắm chợt như có ai nhắc lại bên tai. Mình có cô độc không. Tại sao mình lại có mặt ở chốn này.

Giữa lúc ý tưởng tôi bắt đầu là là tản rộng ra mông mênh như làn khói từ trái lựu đạn cay nổ nơi vắng gió thì thoáng nhìn thấy chiếc xe đạp phóng vào sân quận. Những cái đầu người mới tới đó bỗng cúi xạp xuống chào tôi. Tôi nhớ đủ hết tên bốn người đang vây quanh tôi.

— Ông Phó chưa về nghỉ ?

— Chưa. Vừa mới ở ngoài trại tạm trú cùng phái đoàn thanh tra trung ương về đây. Các ông vẫn lưu vong đều đều ?

— Dạ. Làm hội đồng xã đề lưu vong đã đành. Còn như làm vợ con hội đồng xã mà cũng phải bỏ làng lên tỉnh, ấy mới buồn. Tụi em nhiều lúc muốn xin thôi quá, ông Phó.

Tôi cười, nói thật thân mật :

— Tại sao lại xuống tinh thần quá thế.

— Dạ, tụi em chờ mãi mà sao tình hình vẫn thế hoài. Sống không nổi. Lương bổng thì một mình em cũng tiêu không đủ mà ruộng vườn thì không cày cấy được.

Một người khác, anh Trần Ngờ, ủy viên tài chánh xã An Sơn, tiếp :

— Mình làm cán bộ của chính quyền mà cứ sáng chín giờ mới dám về xã, chiều tới năm giờ đã vội lên tỉnh, nghĩ thấy tủi hổ quá, nhưng không biết làm gì hơn. Và một người khác, anh Nguyễn Sơn, phó chủ tịch xã An Sơn nói câu vừa dứt:

— Phải chi chánh phủ cương quyết làm mạnh thì tình hình mới mong sáng sủa nổi. Ông Phó tính, vợ con thằng việt cộng vẫn ở lù lù trong xã, hàng năm vẫn chữa đê, vẫn tới mình làm giấy khai sinh, có sao đâu. Thế mà vợ con mình thì chúng nó sát hại. Vay bằng máu phải trả bằng máu, ông Phó.

Lại tiếng nói của anh Ngờ :

— Thật chớ, chính phủ mình hiền quá. Có gì mấy thằng việt cộng trở về mình lại tiếp đón nồng hậu đến thế, để rồi chúng lại phản mình, lại ra khu đánh mình.

Tôi nói một câu vào lúc mọi người im lặng :

— Chúng mình nói thì ai nghe, phải không.

Tôi cười. Mấy người cười theo. Đoàn, tôi đành nói những lời an ủi và khuyến khích. Lúc ấy, trí óc tôi hướng về thủ đô ê chề những biển cố thay bậc đổi ngôi với những người tập sự làm viếc nước. Biết khi nào mới xuất hiện vị anh hùng áo vải như người xưa thương dân yêu nước cho đời sống ở nông thôn được yên bình, thanh thản như trăng gió, như sắn khoai.

Anh Hải đã lái xe trở lại quận. Tôi từ biệt những người cán bộ hạ tầng rồi ra về. Trên đường đi, tôi lơ đãng kể vắn tắt ít lời về hội đồng xã lưu vong cho người tài xế thân thiết nghe. Anh Hải có vẻ không lạ gì chuyện ấy. Anh cười, luôn, các ông xã thời nay như con ốc hết, nghĩa là đi đâu thì mang cả gia tài theo kể cả con dấu và hộp mực. Có khi làm công văn ở ngoài quán cơm xong đóng dấu, gửi quận liền. Tôi cười héo hắt, biết làm sao hơn thế, anh. Anh Hải trả lời, xin lỗi ông Phó chứ, em mà thế thì xin nghỉ để đi đập xích lô cho nó nhàn cái thân sớm.

Trở về nhà, tôi lặng lẽ ra bờ giếng múc nước tắm. Những gàu nước mát lạnh nhẹ nhàng xoa dịu sự mệt mỏi bản thân ứ đọng trong thân thể suốt buổi chiều nay. Đoạn, tôi vào phòng, nằm oải xuống giường chờ Đạt tới với lá thư của Thủy.

Thủy sắp có mặt trong gian phòng này. Chúng mình sẽ sống như đôi vợ chồng

thật yêu, thật thương nhau, né Thủy. Tôi đưa mắt nhìn mọi đồ vật. Chiếc giường nệm thước hai, mặt nệm vàng khè và loang những vết dơ giặt không thể sạch. Một chiếc gối mềm nhũn, nát như vú người đàn bà đông con. Thủy sẽ dùng chiếc gối này. Mình kiểm mấy quyển sách kê đầu tạm. Khoảng không gian chừng mấy thước khối thành ra đầm ảm quá. Thế mà có những lúc mình ngao ngán, tưởng có thể nuốt trôi vài viên thuốc ngủ cho rồi. Đời sống thật vô vị và không có ngày mai. Đã từng đêm thức với thơ Nguyễn Bính. Mấy tháng chưa nguôi sầu hận cũ, nằm đây chần chieu của người ta...

Nhất định là Thủy sẽ ra ngay khi nhận được thư mình. Mình sẽ thông cáo rằng đó là cô em ruột. Và sẽ mượn tên Đạt chiếc ghế bố mang về dàn cảnh. Yên chí. Bỗng một làn gió nhỏ gợn lên trên da thịt tôi những xúc động ái ân. Tôi đặt môi lên cánh tay hôn mơn man. Em. Anh yêu em. Ồ, nhưng em nào đây? Thủy? Đào? Hay Chi? Hay Huyền? Những hình ảnh chớp nôi mơ hồ từ đôi mắt, từ mái tóc, chạy dài chạy dài như hàng chữ trên băng điện báo hàng đêm ở thành đô. Thủy. Trong tôi hiện ra rất rõ khuôn mặt nhăn nhó, ướt đẫm nước mắt. Hàm răng Thủy cắn chặt bờ môi để khỏi bật tiếng kêu. Bên má tôi tiếp những hơi thở dồn dập ngọt ngào lẫn những tiếng rên quằn quại. Anh ơi, em đau... Thủy. Hai cánh tay thủy quờ quạng vụng dại trên vai tôi. Âu yếm e ấp hay chống đỡ thụ động, tôi cũng không thêm một chút tọc mạnh suy nghĩ. Nhưng tôi nhớ mãi khuôn mặt Thủy dưới ánh đèn điện yếu ớt lóe ra khỏi vỏ bao thuốc Ruby và qua lần vải màn nhà binh xanh, có những vết mờ nhạt loang lổ. Một dòng nước mắt nhỏ rớt xuống mái tóc mai như nhựa cây ứa ra từ một chồi non vừa bị ngắt. Anh yêu em. Anh muốn chiếm đoạt em. Anh bắt em phải nhớ tới anh, phải theo anh. Em sẽ không còn lối đi nào khác để do dự, em Thủy, em hiền... Thủy kéo áo che ngực. Đôi mắt thanh thản nhô lên đỉnh màn. Thủy không để ý đến tôi. Và chính lúc đó, tôi lại tê tái nhận được những khuyết điểm trên sự bố cục của khuôn mặt Thủy. Chẳng lẽ mình sẽ phải sống cả đời với khuôn mặt có cái mũi tẹt dí thế này?

Tôi vùng dậy, với tay mở máy thu thanh. Chị Dung ơi, hát cho em nghe đi chứ. Nhớ cố hương muốn về rồi lại thôi. Lâu lắm, em không được nghe tiếng chị. Hay chị đau? Hay chị chỉ hát cho anh Thắng nghe? Tiếng nói từ Sài Gòn chập chùng lẫn với những nhiễu âm, như những tiếng từ biệt cuối cùng với nhau trên sân ga lộng gió. Đai quân đội đang giới thiệu hoạt động của binh chủng Thủy quân lục chiến. Đồi tăng số tìm Đai Sài Gòn. Có giọng thiếu nữ nhí nhảnh nũng nịu vô duyên giả tạo, đọc thư của người em gái hậu phương gửi các anh chiến sĩ ngoài tiền tuyến. Trở lại đài ấp tân sinh tình. Trung tá Trần bá Cho đang gằn lời. Tôi vội tắt máy. Cục thịch này lại đang chủ tọa lễ cấp phát gì cho dân đây.

Trong phòng đã có bóng tối. Tôi không còn một việc gì để làm cũng không có chuyện gì để nghĩ. Cả mảng lưng áp trên nệm đã thấy nóng và môi dọc xương sống. Ngoài hành lang có tiếng chân người đi. Ở phòng bên lí nhí những lời hú hí ngắt quãng. Con Đào lại đang đi khách. Cha nào mà chơi các ké vào giờ này, cũng khôn,

Giữa lúc sự buồn nản tưởng có thể phát điên được thì Đạt vào Anh ném chiếc mũ đen lên bàn rồi tới nắm vật ra giường. Tôi thấy anh kéo ở trong túi ra hai phong thư, và đưa cho tôi một :

— Mày cho em này rớt, phải không ?

Tôi mỉm cười :

— Nhảm. Còn yêu em nhiều.

Đạt ngồi nhồm dậy :

— Đừng dẫu tao chứ ? Nghĩ thật thương em. Gửi thư cho người yêu mà dếch có địa chỉ.

Tôi cười lấp liếm rồi vừa xé mép phong thư vừa nhìn những hàng chữ ngoài bì của Thủy. Chỉ có hai hàng chữ tên tôi và tên tỉnh với một chữ Thủy thật nhỏ nằm ngang góc trên. Văn viết bằng mực nguyên tử xanh màu lá cây. Văn kiểu chữ D thật lớn, uốn yếu điệu hình trái tim đề ngược. Thư của Thủy là trang giấy kẻ ô vuông của tập vở học trò. Thủy viết rất ngắn. :

Anh Đạm của em,

Không được tin anh, em vừa buồn vừa lo cho anh. Không biết ngoài ấy, toàn những người xa lạ, anh có buồn lắm không? Nếu em có địa chỉ hay biết nơi anh làm thì chắc em đã đi xe dò ra với anh từ lâu rồi. Em có hỏi anh Bắc về anh. Anh Bắc bảo cũng không nhận được thư anh. Hay anh phải đi làm ở quận cách xa thành phố? Anh nhớ viết cho em ít hàng để em mừng. Và nếu có trốn được thì anh về với em ít hôm, anh.

Bây giờ, em khổ lắm. Hôm anh đi, thấy anh buồn, em chiều anh, nên lúc này không biết phải tính sao, chắc chắn là em đã mang thai rồi đấy, anh. Em sợ Bắc biết thì em chết. Nhiều lúc quản trí em định tự tử, nhưng chưa biết ý anh nên em cố nán đợi. Anh hãy dạy em, anh phải cho em biết em phải làm gì ngay, nhé anh.

Em Thủy của anh Đạm.

Tôi đọc lại từ đầu. Anh Đạm của em. Không được tin anh, em vừa buồn vừa lo cho anh. Chắc chắn là em đã mang thai rồi đấy anh. Nhảm. Vô lý. Làm sao có thể thế này được? Chính hôm ấy, Thủy bảo em mới sạch, thì mắc gì mà thụ thai rồi. Nhưng không nhẽ em lại đờn phép mình? Cũng láo. Thủy quá hiền đến độ dẫu, bảo sao nghe vậy, sức mảy mà mưu mô. Hay em vợ vẫn rồi bị xử Bắc bắt nạt nên khai huých toẹt hết. Sau đó ông anh đóng vai cố vấn cho cô em thảo tờ thư có nội dung xây dựng này để thăm dò phản ứng mình? Bỗng nhiên tôi phát bật cười: Em làm anh khó nghĩ đấy nhé, Thủy. Ở sau lưng tôi, Đạt cũng hình hích cười

— Này, cậu nghe thằng Tùng viết về vụ sinh viên xuống đường. Hay lắm. Những hành động này, anh Đạt ạ, em nghĩ không phải là do tinh thần dân chủ thúc đẩy. Nó ô hợp, phá phách, lố lăng như sự bạo động của lũ người xống xích. Hậu quả của những tháng năm dồn ép khổng chế của tổng thống Diệm. Đúng quá

Tôi hồ hững :

— Về vụ thanh niên sinh viên biểu tình ở Sài Gòn tuần vừa rồi hả ?

— Còn đang tiếp tục chứ đã hết đâu. Mẹ kiếp. Minh thì mang thân trâu ngựa uýnh nhau để tụi nó yên ổn đi biểu tình phá rối. Đúng là lũ xổng xích. Thăng Tùng nhà tao lảng cháng chơi với tụi này thì ông cắt cổ.

Tôi đùa, trêu tức Đạt :

— Thế là ông làm hư thằng em ông. Nó sẽ không có tương lai, Nó sẽ không thể làm tổng thống như thiên hạ được.

Đạt nghiêm giọng ;

— Ở trong này, tao chỉ có hai anh em thôi. Vì vậy, tao phải phong trần thế này, làm anh hùng thế này cũng chỉ là để có tiền cho em tao học đến nơi đến chốn. Tao chưa mộng nó làm tổng thống nhưng tao thường mong nó đừng lỗ dờ như tao hoặc như mày. Ngày ngày đóng vai ký cốp để lãnh lương, buồn lắm.

Chắc chắn là em đã mang thai rồi đấy anh. Tôi quên câu chuyện của Đạt đang nói về đứa em ruột học ở Sài Gòn. Giá bôi hết những chữ còn lại trong tờ thư thì với câu trên, biết đâu chẳng là một tin vui. Một tin vui. Mà tại sao Thủy không coi đấy là một tin vui ? Thủy đã linh cảm được sự tan vỡ chắc chắn phải có giữa mình và Thủy ? Tôi hơi rối trí. Bèn nhét phong thư vào túi, rồi rủ Đạt đi ăn cơm.

Nửa giờ sao, ra khỏi quán ăn, Đạt cho xe chạy về phía bờ biển. Lúc trời đã tối. Thượng đế đã thu hết nắng dưới trần gian đem thả sáng những vì sao. Bầu trời bao la. Mọi cảnh vật đã bị xóa mờ. Chỉ còn những làn gió không biết từ phương nào tấp lại, chở theo cả hương thơm nồng nàn của đại dương. Đạt cho xe chạy vào những tấm vỉ sắt lót trên cát, ra sát ngoài mặt nước. Tôi thoáng nhận thấy nhiều đám người lơ nhố ở xung quanh. Đó là những cục bóng đen đủ cỡ cử động được bên những cục khác nằm dính lý xuống cát. Bây giờ chỉ cần đếm những đám ấy là biết có bao nhiêu gia đình của một đơn vị quân đội nào đang chờ tàu để đi tới vùng trời nào khác. Một cục bóng đen thoáng qua trước đầu xe. Tôi nhận ra một người đàn bà. Người này ôm trong vòng tay những nhánh cây dương liễu còn đầy lá. Tôi mỉm cười nghĩ tới anh trưởng ty thủy lâm. Ngày mai, rừng dương của anh lại trọc lốc thêm một mảng. Và trong buổi họp sắp tới, anh phó trưởng ty cảnh sát sẽ được Côn Cho cho uống cà phê. Cảnh sát của anh cứ ngỡ ngơ cái mặt. Bộ sợ dân nó đánh hay sao mà phúc hậu quá vậy. Có mấy cây dương sờ sờ trước mắt mà không giữ nổi thì còn mong gì ở các anh. Vừa lúc ấy, một cục bóng đen nữa, một người đàn bà khác lại khệ nệ ôm một bó nhánh dương to hơn ba lần thân thể bà ta. Với bó củi này ít nhất cũng đun được cả tháng.

Đang vẫn vợ nghĩ thì một người, một anh lính, hiện ra trước mặt chúng tôi. Anh dơ tay chào theo lối nhà binh, rồi nói, giọng rụt rè nho nhỏ :

— Thưa hai trung úy, hai trung úy làm ơn cho em mượn xe chạy xuống phố mua cho cháu chai sữa cháu bú.

Tôi nhìn Đạt, đề cho Đạt quyết định. Đạt nhìn người lính suốt từ đầu đến chân, Anh này vội tiếp :

— Nhà em mới ở cũ được hơn tháng, lại ốm, không có sữa cho cháu bú. Mang được chai sữa thì cháu đã bú hết. Chờ tàu suốt từ ba giờ tới giờ.

Đạt hỏi :

— Anh biết lái xe ?

— Dạ. Em có bằng. Trước em lái xe cho thiếu úy đại đội trưởng.

Đạt gật đầu ra hiệu bằng lòng. Người lính tắt lưòi leo lên xe. Anh ta đút chai sữa vào túi áo rồi mở công tắc. Xe sắp chạy thì có hai người nữa lao tới, la lên :

— Ngọc. Ngọc. Cho tụi tao quá giang xuống mua cái bánh mì, mỳ. Thế là chiếc xe chở ba người, rọi đèn pha loang loáng vào lùm cây, đốt phá bóng đêm lấy một khoảng trống cho xe chui vào.

Chúng tôi ngồi xuống cát. Tôi hỏi Đạt bộ cậu sinh ra để làm trun úy hay sao mà thiên hạ gọi đúng vậy. Đạt cười mũi, mấy thằng lính đó cô hồn quá rồi, nói làm chi. Nó biết rõ quân đội chỉ có hai thứ đông như chó con là chuẩn úy và trung úy, mà trung úy thì hy vọng được lái xe phất phơ đi chơi nhiều hơn tất nhiên là nó phong cho ngay chứ hà tiện gì. Ngoài khơi những chiếc thuyền câu đã lên đèn nhấp nhò. Những chiếc đèn dựng thành một con đường dài ở bên kia. Tôi chợt nhớ tới người yêu cũ ở Nha Trang hai năm trước. Anh đố Lan con đường Ngự phủ ấy có bao nhiêu bóng đèn. Lan nằm ghếch lên đùi tôi và lằm nhằm đếm. Chẳng bao giờ có được con số giống nhau giữa hai lần đếm cả. Hôm nào Thủy ra mình sẽ đưa Thủy tới đây để đếm đèn trên đại lộ ngự phủ Đại lộ Ngự phủ của Lan.

Tự nhiên Đạt nói :

— Mấy cha nọ chạy cái xe điệu ấy, sợ đã vào nhà thương nghĩ xả hơi rồi chưa chừng.

Tôi lên tiếng nhưng không ăn nhập với câu nói ấy :

— Còn một năm nữa thôi thì mình cũng lại là một ông chuẩn úy. Sẽ lại ngồi chờ tàu ở một bến nào đó. Sẽ lại...

— Sẽ lại diễn ra tất cả. Nhưng mong đừng sẽ lại mượn xe đi mua sữa cho cháu, bi đát lắm.

Tôi phá ra cười ;

— Cần may bộ đồ lớn còn tính toán cả tháng. Tốn bao nhiêu. May xong liệu mặc được mấy lần. Khi đi lính gửi đâu. Rồi kết luận là không may. Với chuyện lấy vợ có lẽ phải nhờ kẻ toán điện cơ tính hộ đáp số, vậy thì làm sao có cơ hội đi mua sữa ?

Tôi bỗng sợ nhớ lá thư của Thủy. Nếu Thủy mang thai thật? Mình chạy luôn? Hay nổi máu công dân luân lý, viết thư cho Bắc xin cưới Thủy? Tôi thấy rõ máu trong trái tim vừa dội lên làm mạnh những nhịp đập.

— Đạt.

— Hử.

— Sao mày nghĩ là tao đã bỏ em gửi thư hồi chiêu rồi?

— À dễ quá. Tại mày quen em chỉ với một mục đích là lợi dụng em nên khi được đòi ra đây mày đông luôn như chàng Sở Khanh đó. Nếu mày yêu em thành thật thì cam đoan với mày rằng cái khung cảnh buồn thảm này sẽ gợi hứng cho mày viết thư tình cho em hàng ngày. Thôi, hôm nào phải ăn khao chứ cậu.

Tôi nói vội:

— Không. Tao còn cảm tình với nó lắm. Nó là đứa em gái của thằng bạn thân nhất trong đời tao. Cả gia đình nó nữa, suốt mười mấy năm nay lúc nào cũng đối xử với tao như người ruột thịt. Mày biết không, Đạt.

Tôi định nói hết mọi chi tiết ngọn ngành cho Đạt nghe nhưng lại thôi. Đạt ngồi im, mặt hướng ra biển lạnh lùng cách biệt. Mình nói để làm gì chứ. Vừa lúc ấy, ba người lính trở lại. Đạt kéo tay đứng lên:

— Về. Còn phải viết cái thư cho thằng Tùng. Ngồi thêm là có vài tên nữa tới thưa trung úy bây giờ.

Tới phòng ngủ, Đạt cho xe dừng lại. Tôi bước xuống, cánh tay dơ lên vẫy vẫy vu vơ chào rồi vào phòng. Tôi để nguyên quần áo, nằm vật ra giường. Vớ tay mở máy thu thanh. Lạ trời có bài ca của chị Dung. Nhưng chỉ có tiếng nóiⁱ Người ta đang kể lịch sử đời thi hào Nguyễn-Du. Tôi như nhìn thấy sự cô độc ở trong tôi giữa những tiếng nói xa lạ ấy, giữa căn phòng chần chiếu của người ta. với ánh đèn trắng hoang. Mình phải làm gì bây giờ? Tới thăm Huyền với duyên, có thuê nhà? Hay gọi em Đào tới ngủ với nhau suốt đêm để đỡ phải nghĩ ngợi? Rốt cuộc, tôi vẫn chỉ cứ nằm như thế. Chiếc kim nhỏ trong mặt đồng hồ đã chạy không biết bao nhiêu vòng.

Tiếng đại bác đầu tiên của đêm nay bây giờ mới vang lên. Còn ba phút nữa là tới giờ giới nghiêm. Tôi nằm lơ mơ đợi tiếng còi hú lên lạnh lạnh thì chợt nghe tiếng thắng xe và tiếng bánh xe lết xèn xệt xuống đất cứng. Đạt toi ngủ với mình chẳng. Tôi hồi hộp vui sướng chồm dậy, chạy ra cửa đón, nhưng người đang phăng phăng bước vào lại là đại úy quận trưởng. Đại úy Trọng vẫn mặc quần phục rằn ri, băng đạn quần xệ bên hông với một cây colt.

— Chưa ngủ hả? Mẹ, nay đi mệt muốn xỉu.

— Kết quả thế nào, đại úy?

— Chẳng được con chó nào cả. Mình cũng không tốn một viên đạn. Sao? Còn vụ thanh tra ấp tân sinh ở nhà đi đến đâu rồi.

Tôi bưng tới trước mặt ông một ly nước trà tuy đựng trong bình ủ nhưng đã nguội lạnh. Ông lắc đầu đầy xích ra một chút, thôi, moa uống la de rồi.

— Mấy ông ấy hỏi tại sao toàn những đàn bà trẻ con đi lánh nạn. Tôi trả lời là chồng họ còn mắc đi đánh mình nên chỉ mới cho vợ con, ông già bà già tức loại phế canh về gửi mình nuôi.

Đại úy Trọng cười hô hô, đứng dậy đi một vòng :

— Chính phủ nhiều tiền quá, muốn nhận nuôi thí vợ con cộng sản mà. Rồi quân đội mỗi kỳ hành quân lại ôm về một mớ làm chiến lợi phẩm nữa. Ô là lá, tùm lum ..

Năm nói chuyện lai rai được một lát, đại úy Trọng mới đổi giọng, bảo tôi :

— Hành quân xong moa về thẳng đây đây. Định mượn phòng cậu để hành quân thêm một đêm nữa. Chịu không ?

Tôi cười bảo chịu. Ông lập tức hỏi tôi về em Đào. Tôi nói ban chiều có thấy nó ngồi đánh cờ tướng với anh thợ cắt tóc ở đầu đường. Nếu chưa ai bao thì lúc này có nó ở trong phòng. Đại úy Trọng nhòm đây bấm chuông gọi bồi. Rồi hình như chợt nhớ rá điều gì, ông quay lại hỏi tôi :

— Cậu bắt em Huyền đấy à ?

Tôi ngạc nhiên thích thú :

— Tin ở đâu mà nhanh thế ?

Đại úy Trọng gật gù :

— Ừ, coi chừng đấy. Con đó dạo này cũng xuống giá rồi. Tiếc rằng cậu ra đây chậm quá.

Câu nói ấy có lẽ muốn ẩn ý rằng chính ông cũng đã có nhiều lần ăn nằm với Huyền rồi, trước kia. Tôi nhìn ông đang cởi quần áo. Huyền đã phải chịu đựng cái thân xác này rồi ? Huyền đã vượt ve hai cánh tay lực lưỡng và xạm đen này ? Huyền đã vượt ve cái gáy loang những vết lang ben này ? Thật không Huyền ? Sao tay em vẫn còn trắng ? Sao mắt em vẫn còn đen còn xâu thăm thẳm.

Đại úy Trọng lặng lẽ bật lửa châm thuốc. Những hơi khói tiếp nối bay tỏa trong ánh đèn rồi tan mau, mùi hương se cay chập chờn nhàn nhạt gây ảo tưởng cho tôi một căn nhà ấm cúng với những sức sống điều hòa thân thiện. Tôi băng quơ đề tâm trí triển miên phiêu du tới những nơi xa xôi, có gió biển mặn nồng, có ca nhạc sôi bùng với những ly 33 nổi bọt. Chợt có tiếng đại úy Trọng :

— Mới thêm một em vô nghề nữa, toa. Em Lan học sinh đệ nhị trường Bồ đề đó. Bố là công chức hiện vẫn bị giam trong cái hối thất từ ngày cách mạng vì tội Cần Lao. Bà mẹ ở nhà nuôi mấy đứa con bằng cách cho mấy thầy giáo ở trọ ăn cơm tháng, thế mà bỗng nhiên cái bụng lại phởn ra mới lạ chứ. Hình như em cũng bị một trong số mấy thầy đó khai trước nên mới liều luôn. Trông ngon lắm.

— Sao đại úy không bắt món đó mà lại xài em Đào thế ?

Ông cười, nhún vai :

— Giới nghiêm rồi còn hoạt động nổi gì. Một là giữ răng cho sạch thì nhịn đói đi ngủ, hai là ăn cơm nguội để an ủi bao tử thì cậu chọn giải pháp nào đây ?

Tôi cười, định nói tôi chọn giải pháp thứ nhất, nhưng nghĩ thôi kệ cho cha ấy sống, mình cũng chưa thân thiết gì nhiều để mất lòng vì tưởng mình tự tổn.

Đại úy Trọng chột bống như chột nhớ, ông ngồi nhồm dậy vung ra mấy tiếng chỉi thề thông thường như đối với đám nghĩa quân hay viên chức xã ấp. Ngón tay ông vươn tới ấn vào nút chuông.

Ông bấm liên tiếp không rời khiến tiếng kêu reng reng từ cuối dãy nhà vọng lại như hồi hả gấp rút. Quả nhiên, chỉ chừng một phút, cánh cửa đã mở và anh bồi phòng hiện ra. Đại úy Trọng giọng ra lệnh :

— Bảo con Đào tắm rửa sạch sẽ, bôi thêm hai chực đồng eau de cologne rồi tới đây với quan, mau lên.

Cánh cửa lại đóng vào thật mau lẹ. Ông quay sang tôi cười, nhún vai lần nữa. Trong phút chờ đợi tôi mặc quần áo ra đi, ông mau mắn nói thêm chuyện khác :

— Trong cuộc hành quân vừa rồi, trung tá tỉnh trưởng với trung tá trung đoàn trưởng xát nhau một mách tóe lửa.

Ông ngưng lại và hỏi tôi :

— Toa biết phần hai chưa ?

— Chưa.

Tôi hỏi cho có chuyện :

— Theo đại úy thì người nào phải ?

Đại úy Trọng cười xuề xòa :

— Đâu dám phát biểu ý kiến, cha. Nhớ một trong hai nội ấy không ưa thì chỉ còn vấn đề là xách khăn gói lên đường nhận nhiệm vụ mới sớm.

Tôi bỏ mặc đại úy Trọng trong phòng. Như mọi lần đã qua, tôi sẽ lái chiếc xe về quận và ngủ ở đó. Đường phố không còn một bóng người. Những bóng đèn lờ lờ trong những lùm cây tỏa ánh sáng loang từng vũng nhỏ cách đều nhau. Tôi

cho xe chạy chậm chậm. Đường chỉ còn mình ta thôi mà. Cứ chạy sang bên trái cho sướng. Gió tốc vào xe nhiều thành lạnh.

Xe chạy tới đường Lê Lợi. Nhà Huyền kia rồi. Tôi hồi hộp nghi tới Huyền. Nếu Huyền nhìn thấy mình có lẽ Huyền tưởng mình si tình rồi cũng nên. Nhưng nhà Huyền đã đóng cửa. Có ánh sáng ở khe cửa xẻ dài một đường như vết phấn trên tấm bảng đen. Đi đâu bây giờ? Một tiếng đại bác nổ vang. Viên đạn bay trên trời rớt lại âm điệu lọc xọc lọc xọc như tiếng vỗ cánh của loài chim đêm.

Ra đến ngã tư, tôi cho xe quay lại, chạy qua nhà Huyền một lần nữa.

(Còn nữa)

ĐỖ-TIẾN-ĐỨC

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ
C - D - PP - B2 - B6 - B12

KH SỐ 369 BT, QCDP

LABOHADZER

- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- BỆNH YẾU PHỔI.
- HO - MỆT MỎI .

- MỖI LẦN PHA 1 ÔNG VÀO NỬA LÍT NƯỚC,
- CẢ GIA-ĐÌNH UỐNG THAY THỂ NƯỚC GIẢI-KHÁT.

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

Giọt cà - phê

Hồi còn nhỏ chàng cũng thích nghe cậu Bảy "nói" Vân Tiên như bao nhiêu người khác trong vùng. Cậu Bảy giọng ấm. Cái hay ho ở cả nơi chỗ tốt giọng đó. Còn các điệu "nói" kỳ thực không có gì xuất sắc. Một điệu, phỏng theo lối hát bài chòi, đặc biệt ở các chữ cò, dậm liên tiếp :

Trình cò Hâm khi cò ấy ra cò tay

Vân cò Tiên bị cò gã xô cò ngay xuống cò vời.

Bây giờ giá có ai đem thơ lục bát ra trình bày theo kiểu ấy, chàng đinh ninh là người ta muốn chế giễu điệu dân ca địa phương mình. Nhưng hồi còn xúm xít bên cậu Bảy nghe Vân Tiên thì lúc cậu hạ xuống chữ "cò vời..ời.." chàng thấy thấm thía lắm. Xung quanh khối người cảm động... "xô cò ngay xuống cò vời .ời..i.." Bắt đầu chậm từ chữ ngay, đứng lại ở chữ vời ; phải dừng lại đây một chút để ai nấy kịp suy nghĩ về tai họa vừa xảy đến cho Vân Tiên.

Truyện Văn Tiên của cậu Bảy có những đoạn khác lạ. Chẳng hạn :

Phút đầu Bùi Kiệm vừa về,

Thấy chị Nguyệt Nga bận quần lãnh tía áo xa-tanh luống đoạn.

Hồi cụ Đồ Chiều mở truyện Tây Minh đọc dưới đèn cụ không trông thấy trong sách xưa bên Tàu một Nguyệt Nga mặc áo xa-tanh. Mặc kệ chứ. Người phóng tác ra bản của cậu Bảy tỏ ra không nệ sách, mà được trai gái vùng chàng chịu lắm.

Cậu Bảy là nghệ sĩ. Và tuy ở trong xóm làng quê kệch, cậu cũng sống cái đời tài hoa của một nghệ sĩ. Cậu có lắm bạn bè, cậu giải trí nhiều mà làm công việc thì ít, cậu có nhân tình nhân ngãi sớm mà vợ con thì muộn. Đại khái thế.

Tuy nhiên cậu có cuộc đời của cậu và chàng có đời chàng. Ngay đến cuộc đời của chàng nó cũng như gãy rời ra, mất ở chỗ này một đoạn, lia ở chỗ kia một đoạn, xa lạc nhau, không dính dấp gì với nhau, khiến nhiều lúc gặp lại chàng đâm ngỡ ngàng, huống hồ là cuộc đời của cậu Bảy.

Tuần trước chàng gặp ở Thị Nghè một người quen quen, nghĩ mãi, thì ra là bác chủ ghe đã giúp đỡ cả gia đình chàng trong hồi tản cư năm xưa, đôi ba lần chở

tất cả gia tài nhà chàng đến chỗ này, không xong, rồi lại chuyển đến chỗ khác. Hôm qua chàng hút tót bên Hòa Hưng, vừa ngồi vào ghế chợt nhận ra kẻ đang cầm tông-đơ húi đầu chàng chính là người bạn quen nhau ở một cơ quan hành chánh bên kháng chiến trước kia. Lại một hôm nghe nói ở đầu hẻm có quán phở vừa mới khai trương, ngon lắm, chàng tới ăn phở thì gặp ngay chủ quán là viên trưởng ty công an của tỉnh chàng, mới năm nào đây thôi.

Người chủ đồ bây giờ cụt mất một chân, nửa thân trên lại nở nang thêm, đậm béo, nên chàng khó nhận ra. Anh bạn nhân viên hành chánh kháng chiến cũ thì bỗng có nhiều điều bộ vờ vĩnh, ăn nói dạ thừa luôn mồm, cái nhìn cái ngó có vẻ gian : không biết trong thời gian xa cách anh đã gặp những biến cố gì mà tính tình chịu nhiều thay đổi vậy... Nhưng dù họ ít đổi khác, chàng cũng không chắc đã nhớ lại nhanh chóng, dễ dàng. Phải thẳng thắn nhìn nhận là thế. Ở cái thời buổi loạn ly này đời sống của mỗi người như chấp bằng trăm mảnh, như tấm áo cà sa trăm màu. Chấp vá thế mà vẫn tiếp tục còn là một cuộc đời là may lắm rồi đó. Hàng ngày đây đó bao nhiêu là đời sống vô tội đang bị hủy đi oan uổng, ngày nào cũng thế. Gặp đủ cảnh này cảnh nọ như chàng mà vẫn sống, thế là quá quắt rồi, đòi gì nữa. Nhất là đừng đòi có một liên hệ hợp lý giữa hồi này với cảnh kia. Không riêng gì chàng, xung quanh đa số đều vậy cả. Trong một bữa tiệc hoặc ở nhà hàng *Maxim's*, hoặc ở tầng 5 tửu lầu *Đồng Khánh*, hoặc ở nhà hàng *Văn cảnh* v.v... một ông giám đốc xí nghiệp sang trọng hào hoa, đang nhắm úch-ky, đang hút xì gà, đang cười toe toét với bạn bè là những ông giám đốc, những nhà kinh doanh khác, bỗng có kẻ tình cờ nói tới chuyện tù nhân tối ngủ trước cầu tiêu, một tuần tắm một gáo nước, ông giám đốc sẵn miệng liền góp ngay vào một kỷ niệm riêng, một «kinh nghiệm bản thân» ! Giữa cảnh sống hiện tại của con người kia và chuyện lao tù thực không có chút mạch lạc nào hết. Vậy mà nhiều người trong đám bạn bè ông giám đốc đều có thể góp chuyện kỷ niệm riêng được. Vậy đó. Chính biến này kế tiếp chính biến nọ, ai tránh được những tai ương bất trắc giáng ra như địa vông thiên la. Trong một cuộc sống trăm mảnh của thời kỳ này, một đoạn đời hoạt động ở hàng ngũ bên kia có thể được ghép với một đoạn đời phục vụ ở hàng ngũ bên này, những ngày trôi sông lạc chợ có thể ghép bên cạnh những đêm ăn chơi đế vương.

Từng mảnh đời như thế ngồn ngang trong mỗi cuộc sống, ai hơi sức đâu và thì giờ đâu kiếm điếm lại cho hết. Sống trước quên sau, cứ thế cho xong, đối với ngay chính đời mình cũng vậy, hưởng hồ đời người khác. Họa hoằn mới có một cơ hội... Thường thường, đó là vào dịp... sắp tắt hơi. Người ta bảo vào một vài giây phút cuối cùng con người chợt nhìn thấy được tất cả cuộc đời mình, rất nhanh mà rất đầy đủ. Nhà triết lý luận rằng đời sống bắt buộc con người phải hướng về phía trước để dồn các khả năng vào việc lo liệu cho tương lai, vì vậy tạo hóa khôn ngoan và chu tất bèn che kín phía quá khứ để cho các năng lực tinh thần của người khỏi tản mát uổng phí và nguy hiểm. Ngoại trừ trường hợp các nghệ sĩ là những kẻ không quan tâm đến cuộc sống thực tế cho nên tha hồ tản mạn trăm mình vào di vãng, và ngoại trừ lúc con người sắp lìa đời, sự lo lắng thiết thực

không cần thiết nữa, tạo hóa bèn mở tấm màn che cho tất cả quá khứ tràn về một loạt.

Nhà triết học có phải đã quên những trường hợp uống cà-phê? Trong lúc con người ngồi trước tách cà phê, đấng Tạo hóa siêng năng và thực tiễn vào dịp ấy cũng đâm ra đãng trí. Hai chân len lén rút ra khỏi đôi dày da chạt chội, đạp lên chiếc ghế con bỏ trống bên cạnh, hay gát lên bờ tường thấp, ngã người trên lưng ghế, ngược nhìn lên trời: bầu trời vắng vẻ, cao vời vợi, từ từ đảo mắt quan sát xung quanh một cách biếng nhác: trong khoảng sân của quán cà-phê lộ thiên từng nhóm từng nhóm tự ghép lại như những ốc đảo riêng biệt, trên bàn phin cốc đã sẵn, bình thủy nước sôi đã sẵn, ta ngồi chờ... Bấy giờ, cứ một giọt cà-phê rụng xuống là trăm nghìn câu chuyện cũ dâng lên trong ký ức, lan man bất tuyệt.

Cà-phê rụng xuống không vội vã, ồ không! một giọt cà-phê biết tự trọng không bao giờ vội vã. Dù cho giữa khung cảnh sinh hoạt hấp tấp tơi bời của đô thị văn minh ngày nay, giọt cà-phê chân chính vẫn bình tĩnh thong thả tự hình, dẫn đo, đứng đỉnh, lắc lư, suy tư chán chê-rồi bấy giờ mới chịu buông mình xuống tách. Về cái phong thái đỉnh đạc cầu trọng, dám chắc những giọt cà-phê của thế hệ hôm nay không có gì đề hồ thẹn với những giọt cà-phê tiền bối năm ba thế kỷ trước.

oOo

Cà-phê rung chậm, như thế là phải. Nếu nó rụng khác đi thì chàng đã không có cơ gì đề xâm tới hôm ấy nhớ đến tiếng tu hú kêu sau vườn nhà cậu Bảy. Đây là những tiếng tu hú mười lăm năm về trước. Bấy giờ thì cậu Bảy không có vườn mà cũng không có nhà nữa.

Cậu Bảy là nghệ sĩ, đêm đêm ở nhà cậu, trước kia, có nhiều cuộc vui, có nhiều người lui tới hơn ở các nhà khác trong làng. Chàng đến đó vui chơi, và lắm khi ở lại ngủ luôn.

Ngủ đêm ở nhà cậu Bảy thì đến khuya, lúc bạn bè dần dần rút về hết rồi, đàn hát dẹp rồi, ai nấy tìm chỗ nằm, một ngọn đèn hột vịt được vắn nhỏ tí ti đem đặt trên chiếc bàn con giữa nhà, nắp sau một cái bình tích đứng che bớt ánh sáng. Trong vắng vẻ bấy giờ nghe tiếng con chim kéo vải kêu íp íp đều đều. Lúc trong nhà còn đông người ồn ào thì tiếng ấy không ai để ý. Vậy, ở nhà cậu Bảy, người ta ngủ trong tiếng chim kéo vải đồ đều thâu đêm như thế.

Nhưng cái đặc biệt là lúc trời tờ mờ sáng. Ngủ ở nhà cậu Bảy không bao giờ chàng thức dậy muộn hơn: lần nào cũng là vào lúc mặt đất còn mấp mờ từng vũng bóng tối, da trời hơi biền biếc một màu thiết lạnh, vài ngôi sao lạc lõng còn đang thoi thóp đó đây, không khí còn ửng mùi sương ướt, vào ngay lúc ấy chàng đã vụt thức giấc vì tiếng tu hú kêu ngoài vườn. Bên chỗ chàng nằm có cửa sổ, ngoài cửa sổ là mấy bụi mía. Tu hú kêu, chàng hé cửa ra, lá mía cắt những đường nét khoẻ mạnh, bấy giờ hãy còn là màu đen. Hơi sương tràn vào khiến chàng tỉnh táo. Tu hú tiếp tục kêu. Gà lần lượt xuống sân, đàn gà con ban đầu líu ríu quanh mẹ chưa muốn tản ra xa. Tu hú lại kêu nữa. Dần dần chân trời phía đông ửng đỏ

một vùng, chàng bắt đầu trông rõ cây rừ, rừ đen xù lá bắt động bên bờ ao giữa đồng; chàng bắt bầu trông thấy tàn cây thị già tỏa ra đồ sộ ở bìa rừng bên nhà, cây thị, cây tam thất, rồi cây quăng, cây cầy v.v...

Chàng không biết một thứ tiếng chim gì như tiếng chim tu hú lúc rạng đông. Nó tràn đầy sinh lực. Thật là một tiếng chim kỳ lạ. Con tu hú, không biết nó rình rập ra sao, nhưng bao giờ cũng là chính nó bắt gặp bình minh trước tiên, và lớn tiếng tri hô cho ai nấy đều hay.

Thực vậy, ngủ ở nhà cậu Bảy, chàng có cảm tưởng thời gian qua mỗi bước đều trịnh trọng. Không có phút nào là hoàn toàn bị bỏ qua. Luôn luôn luôn có sự đón đợi, rình chờ, nghe ngóng. Suốt đêm con chim kéo vãi vãi vẫn canh thức, ngọn đèn hột vịt vẫn canh thức. Tất cả đều kín đáo — ngọn đèn lim dim, tiếng chim buồn buồn — nhưng tất cả đều cần mẫn bền chí. Đêm thong thả chuyển biến, âm thầm chuyển biến, đề rồi đến một lúc nó hóa ra ngày. Lúc nào vậy? Cái lúc quan trọng ghê gớm đó là lúc nào mà êm ru vậy? Tất cả đều thấp thỏm, nhưng bao giờ cũng chỉ có con tu hú là nhận ra lúc đó trước tiên.

Tiếng tu hú không thỏ thẻ, không riu rít, cũng không véo von. Nó không có cái công dụng của những tiếng chim khác. Tiếng tu hú bất chợt giống lên lãnh lớt lúc còn tờ mờ tối, như một nguồn vui tưng bừng. Rồi nó lảng xảng giống giả, đôn đốc, thúc đẩy. Tu hú, tu hú! Các ngôi sao cuối cùng vội vã lặn mất. Chân trời phía đông từ màu đen âm u chuyển ra màu trắng ửng. Tu hú, tu hú! Chân trời từ trắng thành đỏ. Con chim kéo vãi tịt đầu mắt? Tịt mắt hay nó vẫn còn kêu mà không ai chú ý? Lá mía lá dứa hiện ra, đen, rồi xanh. Rồi ánh sáng ủa lên tràn khắp đồng, sương nhấp nháy trên cỏ, trên lúa. Năng mênh mông. Ngày toàn thắng. Lúc bấy giờ con tu hú nghỉ rồi chăng? Nó nghỉ hay nó vẫn còn kêu mà không ai chú ý?

Ngủ đêm ở nhà cậu Bảy là như thế. Mỗi đêm đều như mỗi đêm ba mươi Tết, như mỗi tối giao thừa. Sự đón đợi cái giờ phút đầu tiên của ngày bao giờ cũng thấp thỏm tưng bừng như thuở khai thiên lập địa. Sự đón đợi của cỏ cây muông thú, của thiên nhiên, bao giờ cũng thế chăng? Chỉ có con người là chây lì, là dám coi thường sự lập lại của nhịp đêm ngày chăng? Nhà cậu Bảy được dự phần vào không khí đón đợi ấy là vì ở gần bìa rừng, gần ao hồ chăng? Hay vì là cậu Bảy nghệ sĩ?

Dầu sao, trong buổi ấu thời của chàng những buổi bình minh ấy là nhất; Đêm nghe kể chuyện chị Nguyệt Nga mặc quần lãnh tía, sáng thức dậy trong tiếng chim tu hú vang lừng, thế là nhất.

Về sau này, lớn lên, sau những đêm thức khuya vui chơi đàn hát ở đô thị, sáng dậy chàng thường cảm thấy rã rời, tâm hồn lay sự mỗi mệt của thể xác. Đêm vui chơi ở nhà cậu Bảy không để lại dư vị chán chường như thế.

Tờ báo chiều nay có trích đăng mấy đoạn nhật ký của một cán bộ cộng sản bắt được tại vùng quê chàng. Vùng quê chàng nay không còn là của chàng, đó là

vùng cọng sản. Tên cán bộ ghi vào nhật ký nhiều mỗi tình, trong đó có một chuyện xảy ra ngay tại chỗ trước kia là nhà cậu Bảy. Tên cán bộ lần la bên cạnh phụ nữ, và nửa đêm về sáng đã rủ được một cô vào bụi rậm. Xong rồi, cô gái ôm cứng lấy hăn khóc ướt vai.

Nhà cậu Bảy bị đốt cháy đã hai năm nay, cậu bỏ đi hoạt động trên núi bốn năm rồi. Bây giờ ai ở đó? Đêm đêm người ta kể chuyện gì, lại chị Nguyệt Nga mặc quần lãnh tía nữa sao? Tên cán bộ kéo gái vào đâu, vào chỗ bụi mía đầu hè ngày xưa đó chẳng? Vào chỗ bụi chuối sau vườn vang tiếng tu hú đó chẳng? Nhảm quá.

Trong quán Thu Hương, ở một góc sân, chàng theo dõi giọt cà-phê mới vừa rụng, chàng lắc đầu: Nhảm. Nhảm quá cỡ.

oOo

Thực vậy, giọt cà-phê thường khi nhắc nhở những điều nhảm nhí.

Trong trí chàng rụt rè lấp ló hiện về sự phân vân về cảnh tượng người đàn ông mất tại. Quán phở của người trưởng ty công an cũ vì ở gần nên chàng vẫn thường lui tới, có khi chỉ để uống một ly nước ngọt, một tách cà-phê rót trong siêu ra. Người thợ nấu phở loay hoay ở cái bếp phía cửa ra vào, một cậu bé đi đi lại lại để bưng thức ăn hầu khách, chủ quán ngồi sau quầy, mắt thường nhấp nháy. Một cửa tiệm như thế là bình thường. Nghĩa là ở mặt tiền nó không có gì đáng chú ý. Thế nhưng sau quầy hàng có một vườn cửa sổ, trông qua cửa ấy thấy thấp thoáng chút ít về cái sinh hoạt ở hậu trường, một thứ sinh hoạt có nhiều mơ hồ, u ám, rắc rối. Sau đó bao giờ cũng tối, tuy có một bóng điện vàng cạch thắp suốt ngày. Vách tường ám khói đen thui, đồ đạc ngồn ngang chật chội. Sau đó, có khi chàng nghe tiếng khóc tí tê, có khi tiếng kể lẽ của người già, có khi chàng bắt gặp hai cặp chân đàn ông và đàn bà dừng lại giữa cầu thang gác, quần quít lén lút, có khi những tiếng hăn học, rì rầm... Chủ quán ngồi nhấp nháy đôi mắt, cách cái sinh hoạt ấy nửa thước tây, như án ngữ để che đậy.

Cái gì sau đó? Có thể cũng là một sinh hoạt bình thường, với đủ chuyện ai, lạc, ái, ố..., cũng bình thường như ngoài mặt tiền nhưng bình thường theo lối riêng của thứ sinh hoạt hậu trường. Có thể trí tưởng tượng của chàng đã làm việc quá nhều. Nhưng cũng có thể cái hậu trường ấy có nhiều u ám rắc rối thật, và đó là nguyên do gây ra những thăng trầm bất ổn trong cuộc đời người trưởng ty cũ.

Trong mùa mưa, một hôm chàng ngồi ở tiệm phở đến gần tối mà không thấy có đèn. Điện bị cúp bất ngờ. Bóng tối từ phía sau tràn qua quầy hàng, ngập đầy phòng trước. Ở buồng trong, tối tăm, sinh hoạt lại càng thêm nhiều rì rầm khả nghi, như những khổ đau buồn thảm, nhốn nháo mà một người muốn giữ riêng trong lòng. Về đứng đắn, bình thường ở gian phòng trước, có vẻ vờ vĩnh, giả đò.

Đèn cây chưa kịp đốt mang ra, trong quán lác đác đôi ba người. Ở chỗ góc gần lối thông ra phòng sau, bên cạnh quầy hàng, có hai người đàn ông đối diện nhau với chai 33 trên bàn. Chàng vẫn tưởng họ chỉ

uống. Bấy giờ chàng mới để ý rằng họ đang ăn. Họ tiếp tục ăn trong bóng tối mập mờ. Bóng tối mỗi lúc một đậm màu trùm lên họ; chú ý nhìn: bóng tối như sao động chuyển dao. Một người đưa đĩa lên gấp lấy vành tai kẻ đối diện, kéo. Người kia co rúm lại, không một tiếng kêu. Nhưng chắc chắc là người thứ nhất đã gấp được, điềm nhiên nhúng vào tô, ăn thong thả. Hai thực khách đều lặng lẽ, chủ quán ở bên cạnh, lặng lẽ.

Mỗi lúc chàng mỗi lo âu, khiếp đảm. Sự bí mật đã vượt qua khung cửa nọ, từ phòng sau lan ra tới trước? Người chủ quán liệu có vẫn thụ động, bất lực? Thực khách nọ lại đưa đĩa lên, nhắm một phía tai khác. Tai nạn chỉ còn gang tấc nữa là xảy ra. Bỗng nhiên đèn bật sáng. Phía tai kia được cứu thoát. Ngồi ở xa, chàng xem chừng trên gương mặt nạn nhân còn nét kinh hãi. Hai người kêu thêm la-ve, ăn nữa uống nữa, hồi lâu mới đứng lên.

Lúc họ đi ngang qua trước mặt, chàng trông thấy rõ ràng người khách mất một vành tai, thành sẹo đã lâu.

Trong mùa mưa vừa qua, nhiều buổi chiều chàng lân la ngồi muôn ở quán phở nọ. Càng ngày chàng càng có cảm tưởng phía sau đời sống của người chủ quán phong trần có nhiều khốn đốn, trắc trở, âm thầm, dày đặc. Ngồi trước những tách cà-phê khét và chua của ông ta, chàng mở mắt chiêm bao những điều kỳ dị, hãi hùng.

Ở đô thị, người này không dễ xâm nhập vào cuộc sống người kia, dẫu tiếp cận thường xuyên từng cuộc sống vẫn cách nhau. Chàng tha hồ chôn vòn quanh người chủ quán, vẫn không vào được trong các bí mật của ông ta. Chàng tha hồ lượn vòng từ chuyện này tới chuyện kia, bao quát mọi người mọi cảnh, chàng vẫn lẻ loi: tình trạng của một người chờ cà-phê nhỏ giọt. Không bao giờ người ta vừa yên tĩnh một mình mà vừa lan man khắp nơi hơn là khi ngồi trước phin cà-phê. Đó là chỗ u cốc ần cư lý tưởng của người đô thị.

Chẳng ngoảnh mặt đi, nhưng không kịp. Một phút tò mò không cố ý, chàng phải trả giá lâu dài. Thình thoảng một ý nghĩ về cậu Bảy ngẫu nhiên hiện đến, và chàng áy máy, lơ mơ thấy như trót có điều gì thất thổ đôi với cậu, Chàng bần khoản kiểm điểm: thì ra vẫn chỉ một chuyện ấy.

Nhưng bây giờ cậu ở đâu ? số phận cậu được quyết định như thế nào ? đứa con trai ngờ ngác cậu dắt theo độ nọ rồi nó ra sao ? Cậu vợ con muợn màng, chỉ có nó là độc nhất chẳng ? Cha con đi đâu mà bị gắp trọn bộ vậy ? Cậu Bảy thì chắc chắn là tù tội rồi, nhưng còn thằng bé nó phải được tự do. Ai nuôi nó ?

nó làm gì để kiếm miếng ăn lúc này ? Đánh giày chẳng ? Bán bảo chẳng ? Rửa xe cho Mỹ, ăn cắp đồ Mỹ, dắt gái cho Mỹ chẳng ?

Có điều chắc là lúc này nó không về làng được nữa. Nó đang phiêu dạt đâu đây ở một đô thị. Những buổi mai của nó không có tiếng chim, nhất là chim tu hú, đêm khuya của nó rền tiếng xe. Trong bụi bặm ồn ào, chiều chiều nó ao ước thả được cái điều giấy trong ngõ hẻm chật mà không bị vướng dây điện. Rồi một hôm nào đó chàng rất có thể sẽ gặp lại nó, như gặp anh thợ hút tóc ở Hoà Hưng, bác lái đò ở Thị Nghè v.v...

oOo

Nếu thằng con cậu Bảy thả con điều, điều nó không thoát nổi dây điện đâu. Những sợi dây điện ác nghiệt. Chàng nghĩ đến cái quang cảnh chàng trông thấy, ngấm nghĩa cách đây vài buổi chiều ; lòng chàng xịu xuống, mằm đi.

Hôm đó, tới nhà người bạn ngồi chờ hồi lâu không gặp, chàng bỏ đi. Ra tới ngoài công, phân vân chưa tính đi đâu, chàng dừng lại, ngược nhìn lên trời. Mắt chàng ngừng lại ở một chiếc dù bằng nhựa mỏng treo toong teng trên dây điện, chiếc dù trẻ con chơi, to cỡ bàn tay xoè, có đeo theo một anh linh bằng ngón tay trở, xam xám, từ từ xoay qua xoay lại trong gió.

Một chiếc dù bị treo dính lơ lửng như thế là niềm thất vọng của một chú bé con. Trên một quãng đường dưới trăm thước tây, chàng nhằm đếm được trên tám mươi chiếc dù. Trời, trẻ con đâu mà lắm thế. Một ngõ hẻm chật chội thế này, đông đảo thế này, con nít nó phá, phải biết.

Chàng không có được cái tính yêu trẻ. Nhất là cái đám trẻ kéo ra đầy các ngõ hẻm đô thị, chúng ngỗ nghịch, ồn ào, quần chân, hỗn láo, phá phách, chúng làm chàng bực, ghét. Thế nhưng buổi chiều hôm đó, chúng kiến những niềm vui bé bỏng của chúng lơ lửng giữa trời, chàng tội nghiệp, cảm động. Cảm động có lẽ tựa như một bà mẹ có đưa con đi xa, tình cờ mở ngăn tủ đựng đồ chơi của nó ra bắt gặp những nắp keng, con búp bê gãy tay, cái cúc áo nhà binh, chiếc bóng đèn hồng v.v... Những đồ vật ấy càng vô nghĩa, ngớ ngẩn bao nhiêu càng làm bà mẹ thương hại xúc động bấy nhiêu.

Chàng cũng không có được cái khiếu tìm ra những chỗ đáng yêu của đô thị. Thế nhưng chàng bỗng mủi lòng trước cái vui thú nghèo nàn của đám trẻ. Một góc phố tồi tàn, hỗn tạp, lồi thối, một quãng đường góc ngách, chật hẹp, tự dưng chúng cũng có cách gọi một cảm xúc nồng nàn. Chàng không còn đứng đưng thù nghịch với sinh hoạt đô thị. Chàng đã bắt gặp cái linh hồn của các ngõ hẻm, ô, thứ linh hồn ngộ nghĩnh như những đôi điều giấy, những chiếc dù nhựa ve vầy trên sợi dây điện !

Lâu ngày rồi chàng sẽ biết yêu nó như yêu những buổi bình minh xưa kia ở nhà cậu Bảy.

oOo

Chàng lo lắng. Trong khoảng sân của ngôi quán lộ thiên mà ấm cúng này những giọt cà-phê nhỏ giọt chúng định đưa chàng lan man tới đâu đây ?

Tiệm phở âm u, bác lái đò gãy chân, rặng đông trên một làng sơn cước cơn gió thổi cha con cậu Bảy tại phi trường v.v... Đủ mọi thứ đầu cua tai nheo. Trong một kiếp nhân sinh ngắn ngủi giữa thời loạn, chàng sống tản mác một cuộc sống đầu Ngô mình Sở, một cuộc sống rách mướp, chấp vá. Mà cà-phê lại có cái thói hay đưa tâm trí con người ta vào những phiêu lưu dật dờ càng xa xôi tản mác gấp mấy trong cuộc sống thực. Bởi vậy ngôi quán chàng đang ngồi có cái sáng kiến rất hay là đối diện với một nhà bán . . quan tài danh tiếng nhất thủ đô. Nên như thế. Khi người ta suy nghĩ quá đông dài nên có cái gì nhắc họ một sự kết thúc. Và sự nhớ tới món thiết dụng cuối cùng của một đời người, chắc chắn là làm người đâm cụt hứng, lo kết thúc vội vàng sự nghi ngại viễn vông.

Người ta cho rằng dân Việt Nam có trên nghìn điệu dân ca, tất cả chỉ nguyên xung quanh hai câu lục bát mà thôi, đó là một hiện tượng độc nhất trên thế giới. Điệu dân ca với chữ cò của cậu Bảy nhất định đã góp mình vào hiện tượng độc nhất ấy. Chàng ước ao có dịp nào chữ cò ấy đề cập tí chút tới cà-phê đề pha vào nó một tinh thần dân tộc. Chẳng hạn :

Rung cò rinh một cò giọt cà cò phê

Cà cò phê một cò giọt trăm cò bề bâng cò khuâng.

Chỉ ngại khi giọt cà-phê nó biết mình được ca tụng kiểu ấy, nó sẽ không còn màu đen hay màu nâu, nó sẽ đỏ ửng lên vì thẹn mặt.

oOo

Cậu Bảy nghệ sĩ với nét mặt của cậu, ám ảnh chàng, nét mặt thoát rần lại khi bị quan sát. Chàng chịu cậu.

Chàng tự biết không còn được thế. Những nhồi xóc liên tiếp của thời thế đã làm chàng mềm eặt như con bún. Chàng bị xô đẩy từ vị trí này đến vị trí khác, hết buồn phản ứng. Đâu đâu cũng một kiếp trầm luân. Cậu Bảy, khi cậu sảy chân tuột giốc, coi bộ cậu bất bình, cậu cự nự. Vâng, hình dáng cậu có xác xơ, thần sắc cậu có bơ phờ, nhưng cậu mím miệng, nghiêm rần lại trông cậu vẫn ra gì, vẫn sự thề.

Nhưng như vậy được đến chừng nào, cậu Bảy ? Trái qua một hồi xáo trộn nữa, rồi ai đoán biết sẽ gặp cậu ở đâu, đưa con trai bé dại của cậu trong hoàn cảnh nào. Ai biết được rồi thời thế sẽ đưa mình tới đâu ? rồi mình làm cái thứ gì ? anh thợ hút thuốc ? anh bán phở chẳng ? tù nhân chẳng ? kẻ cướp chẳng ? Hỡi . . . hóa ! Rồi ta sẽ hóa thành gan con chuột chẳng ? sẽ biến thành cánh con bọ chẳng ? tay tả làm con gà, tay mặt làm hòn đạn chẳng ? *Di nhữ vi thử can hồ. Di nhữ vi trùng ty hồ.. Thử can hồ, trùng ty hồ.. Can hồ, ty hồ..*

Nhữ cò vi trùng cò ty thử cò can.

Ty cò thần vi cò mã vi cò đàn vi cò kê.

Ấy chết ! Thầy Trang thứ lỗi cho. Nhảm quá cỡ. Giọt cà-phê thỉnh thoảng lại đưa ra một điều nhảm nhí.

Những lúc chàng mơ mộng vẫn vợ, cuộc đời mênh mông càng hóa mênh mông

thêm, những chuyển hóa bất ngờ của nó càng phiền tạp thêm, chàng mềm người trong cảm tưởng tự phó thác.

oOo

Chàng đã bị nhồi xúc đến điều, nỗi chìm thật dữ, nhưng — chàng biết — chàng vẫn không thể ghét bỏ cuộc đời này. Hơn thế nữa, không thể không mến yêu nó. Đó mới là cái cái chỗ nhược căn bản của con người.

Chàng biết mình mang nặng chỗ nhược ấy. Mai sau, khi chàng đã nằm kỹ dưới ba tấc đất, áo quan lâu ngày — dù là thứ áo quan tốt của cửa tiệm danh tiếng bên kia lề đường — sẽ mục rã, chàng nằm yên tiếc rằng từ ngày chàng rời mặt đất sự chuyển biến trong thân thể chỉ xảy ra có một chiều, không dành một chút gì bất ngờ. Hôm nay rã đôi mắt, ngày nay mềm đến hai môi, ngày kia sập mất cái mũi... Cứ thế. Chán quá đi mất.

Suốt mùa khô ráo thời gian dài bất tận, không có bình minh, hoàng hôn, không có đêm ngày, không có gì nhắc nhở đến cuộc sống trên kia. Thế nhưng khi mùa mưa đến thì khác. Nước mưa thấm vào đất, âm thầm len lỏi qua nhiều lớp đất, như qua một cái phin vĩ đại. Cuối cùng đến mặt áo quan, nó dừng lại một chút, lưỡng lự, ngập ngừng, thăm dò. Nhưng áo quan đã mục: nó được phép. Bèn có những giọt nhỏ xuống: một giọt bên phải, một giọt bên trái, một giọt... Thôi, đúng rồi! đúng vào nơi trước kia vốn là trái tim của chàng. Chàng tê buốt cả người, rồi tinh thần tỉnh táo như vừa mới tiếp nhận sinh khí. Đã lâu, mòn mỏi đợi chờ, mới lại được tiếp xúc với một chút gì lọt từ trên kia xuống, một chút trần gian. Và trong bóng tối của lỗ huyệt chàng tha hồ nung nấu suy nghĩ không dứt về những tiếng gió thổi qua tàn lá, tiếng hu hú trước buổi bình minh, quán hủ tiếu thừa thớt nửa khuya, ánh hỏa châu lúc gần sáng, vành tai một thực khách trong tiệm phở quen, điều giấy chằng chịt trên dây điện ngõ hẻm v.v..?

Rung cò rinh một cò giọt trần cò gian

Trần cò gian một cò giọt miên cò man chuyện cò đời.

Trong một lỗ huyệt tối om khác, cậu Bảy kiểm thảo về cuộc sống đã qua, về những đêm đàn hát vui chơi, về phong cách của mình những lúc sa cơ thất thế. Chàng chắc cậu được hài lòng, mát mẻ.

III — 1967

VÕ-PHIẾN

SÁCH MỚI

— **Tiểu phi lạc náo Saigon** tập I và II của Hồ Hữu Tường do Nam Cường xuất bản, mỗi cuốn dày 200 trang, giá 60đ

— **Diễm Hồng xuất giá** của Hồ Hữu Tường do Nam Cường xuất bản, dày 220 trang giá 60đ

Đây là một bộ truyện mang tên chung là: «Một thuở ngàn năm» truyện trào phúng.

Xin chân thành cảm tạ Ô. Hồ - Hữu-Tường và trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc Bách khoa.

B. N. P.



BANQUE NATIONALE DE PARIS

S. A. au capital de : 210 Millions de Francs

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 9^e

SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Đạm — Tel. 21.902 (3 lignes) — 24.995

BUREAU DE QUARTIER :

136, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Tel. 22.797

B.P. E-5

BUREAU DE REPRÉSENTATION DE PHNOMPENH :

25, Rukhak Vithei Krâmôn Sâr

Téléphone : 24.37 et 24.38

B.P. N^o 122

SUCCURSALE DE HONGKONG :

Central Building, Queen's Road Central

Téléphones : 93 — 2171 (8 lignes)

P.O. Box N^o 763

75 et 77 — Wyndham Street

BUREAUX DE KOWLOON :

Sham Shui Po 290 et 292 Castle Peak Road

TSIM SHA TSUI — Milton

Mansion 96 Nathan Road

La B.N.P. et ses filiales possèdent plus de 2.050 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F., Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

LÃNH NHUỘM VÀ HOÀN TẤT HÀNG VẢI NỘI-HÓA

Sẽ bắt đầu khai thác từ 2-5-67

Nhà máy Nhuộm tối tân của Công-Ty

KỸ-NGHỆ BÔNG VẢI VIỆT-NAM

S I C O V I N A

tại Phong-Phú THỦ-ĐỨC nhận lãnh : Phiếu, Nhuộm,
Hoàn-tất hàng vải đủ loại, khổ rộng từ 1^m đến 1^m40.

CHUYÊN :

- ★ Phiếu trắng, nhuộm màu đủ các loại vải Coton, Polyester, Polyester / Coton, Nylon 6, Nylon 6-6, Nylon / Viscose, Nylon / Coton, Tơ-tằm (Soie naturelle) Rilsan, v. v...
- × Nhuộm và hoàn-tất đặc-biệt các loại hàng dùng may quần áo Âu-Mỹ khổ 1^m40.
- ★ Bảo đảm hoàn-tất hàng vải với các chất hóa-học mới nhất, các loại hồ đặc-biệt bằng những phương-pháp tinh-vi nhất thế-giới hiện nay : không co rút (irrétrécissable), không nhăn (infroissable), đốt không cháy (ignifuge), không thấm nước (imper-méable), không thối (imputrescible)...

ĐẶC - BIỆT :

Nhuộm các loại vải đen : Xiêm lạng, Ú, San-dầm với danh hiệu CHENT 'CLAER và PERFECT CHENT 'CLAER đúng theo phương-pháp GILLET-THAON (Pháp-quốc).

— Có máy EVASET để chế-biến các loại vải không co rút.

Kết - quả bảo - đảm :

Vì năng-xuất nhà máy có giới hạn, kính mời Quý vị Công-Kỹ-Thương-gia có hàng vải mộc cần hoàn-tất, xin liên-lạc gấp (mỗi buổi sáng từ 8 giờ đến 12 giờ) :

- Nhà máy Nhuộm Phong-Phú (THỦ-ĐỨC) « Khu KỸ-NGHỆ BÔNG VẢI PHONG-PHÚ của Công-Ty SICOVANA » cạnh xa-lộ và ngang làng Đại-học THỦ-ĐỨC.
- Nhà máy Nhuộm An-Nhơn (GÒ-VẤP).

Kính cáo,

S I C O V I N A

Công-Ty KỸ-NGHỆ BÔNG VẢI VIỆT-MAN

4, Lê-Lợi — SAIGON

ĐỌC SÁCH GIÚP BẠN

MỘT THUỞ NGÀN NĂM



I. — Tiểu Phi-Lạc náo Sài-gòn.

Tập I. — 202 trang — 60đ.

Tập II. — 200 trang — 60đ.

II. — Diễm-Hồng xuất giá.

NAM-CƯỜNG xuất bản — 220 trang — 60đ.

Tác giả :

HỒ HỮU TƯỜNG (xin xem tiểu sử trên B.K. số 219).

Tác phẩm :

Trước bộ «Một thuở ngàn năm», có bộ «Ngàn năm một thuở». Bộ này gồm có *Phi Lạc sang Tàu* (1949), *Phi Lạc náo Hoa-Kì* (1964), còn *Phi Lạc bôn Nga* lại nằm trong bóng tối của sở Kiểm duyệt đã hai năm, mặc dầu đã được đăng trọn trên báo *Ánh sáng*.

Ngàn năm một thuở, «đó là một dịp may ít có, cả ngàn năm mới xảy ra một lần». *Một thuở ngàn năm* là «nếu cái thế hệ X. T. (1) này mà làm xong sứ mạng, thì công việc làm trong một thuở mà ảnh hưởng kéo dài cả ngàn năm...»

Dịp may ít có là nhân cuộc cách mạng tháng Tám, một tên mõ sang Tàu, rồi sang Mi, sau lại sang Nga, chỉ dùng ba tắc lưỡi mà cả thắng các nhà tư tưởng thông thái, chiến lược gia của ba cường quốc này. Tên thằng mõ lạ kì này là Phi-Lạc. Một nhân vật hoàn toàn tưởng tượng. Còn đến Tiểu Phi-Lạc, thì lại là con của Hồ Hữu-Tường và... một nhân vật



(1) X.T. là Xích-tử viết tắt, đề chỉ đám «con đỏ» chào đời khoảng 1935-45.

tiểu thuyết của họ Hồ, nàng Thu-Hương trong « *Gái nước Nam làm gì?* » Cái sứ mạng của thể-hệ tiểu Phi-Lạc là hòa-đồng được ba nền văn minh lớn của thế giới (tu sĩ, kĩ sư và chánh úy) và khai sáng một đạo mới, có tên là *Minh đạo*, khéps nguơn Tranh đấu, mở nguơn Thanh bình. Và sứ mạng này, tác giả giao cho đôi lứa ; Tiểu Phi-Lạc và Diễm-Hồng (cháu nội hoang của... Hồ-Chí-Minh) Đôi « *xích tử* » ấy có thành công không thì trước chữ HẾT của bộ truyện *trào phúng*, không cốt truyện nhưng lắm chuyện này, ta chỉ được đọc lời sấm sau đây :

Nhờ số đỏ, chẳng đoạt vẫn có.

Bởi vận đen, tu luyện chẳng nên.

Với bạn nào chưa đọc bộ truyện này tôi tưởng người đọc giúp có bồn phận, sao lại lời của một nhân vật trong sách nói với một người Mĩ : « Tôi nhắc chừng ông nhớ rằng Hồ Hữu Tường là lão già nói dóc tở, trong Nam gọi là « *nói láo có sách* ». Cái gì lão ấy thốt ra, 100 việc, phải kiểm soát 101, mà không biết chừng còn bị lão bịp nữa kia ! »

Nói láo mà chơi nghe láo chơi...

Nhưng quả đây, tác giả bộ « *Một thuở ngàn năm* » nói láo chẳng phải để qua cơn phiền muộn, mà chúng ta đã lỡ nghe ai đó nói láo đi rồi, cũng khó mà mua vui một vài trống canh.

Là vì rằng trong cái trào phúng chẳng chứa một ai, cũng chẳng chứa một cái gì, như từ vị chúa tể miền Bắc họ Hồ tới đứa bé mồ côi ở miền Nam tên là Thị-Thệp, từ cái đẹp của hai mươi tám đóa hoa vốn Tiên trên thượng giới đầu tha xuống Tây-đô đến phải nói « *tra nữa* » mới đúng, chớ nói « *trả đũa* » là sai, từ những người có thật như tướng Westmore land, đại sứ Cabot Lodge, thủ tướng Trần-Văn Hương, nhà văn kiêm nhà chính-trị Hồ-Hữu-Tường đến những nhân vật tiểu thuyết như Thu-Hương, chị Tập, cô Nga, Diễm Hồng... tác giả đã xáo trộn cái hư với cái thực, cái thực với cái hư, với cái giọng « *cù không cười* » khiến người đọc « *chẳng biết đâu mà rờ!* »

Cái thành công và cái thất bại của tác giả phải chăng là ở chỗ đó ?

TÂN-FONG-HIỆP

oOo

QUÁN TAI HEO

VĂN XƯƠNG xuất bản — 157 trang — 68đ.

Tác giả :

BÌNH NGUYỄN LỘC — tên thật là Tô Văn Tuấn — sinh năm 1914 tại Tân-Uyên, Biên-Hòa. Đã xuất-bản (vừa truyện dài, vừa truyện ngắn, vừa phẩm luận) hai mươi tác phẩm, trong đó có *Đò dọc*, *Ký thác*, *Gieo gió gặt bão*, *Nhốt gió*, *Tâm trạng hồng*, *Tình đất v.v..*

Tác phẩm :

Quán Tai Heo ở Ngã Bảy Sài Gòn. Đó là nơi bán tai heo, dĩ nhiên, nhưng lại là nơi có năm ba anh chàng nghệ sĩ tới làm thơ, vẽ tranh, tán dóc, yêu đương v.v.



Nổi bật là Dương Châu, thi sĩ, có tiếng nhờ bài thơ *Khoai ngọt bánh dăng*. Dương Châu đang « du dương » với cô Hoàng, một chiêu đãi viên đã gần hết thời, thị quán Tai Heo tiếp nhận thêm cô Rùa (biệt hiệu Linh Qui), con gái ở dưới vườn mới lên, trẻ và rất đẹp. Từ đó ngoài hạng nghệ sĩ, quán Tai Heo được một hạng khách hàng nữa chiếu cố, là du đấng. Cuối cùng nghệ sĩ và du đấng đụng độ. Tất cả bị tóm về bót điều tra. Khi cả bọn được thả thì quán Tai Heo đã dọn đi đâu mất, một con đường mới vừa mới mở bằng ngang qua đó, xóm cũ bị giải tỏa. Tại đó không còn chút di tích nào nữa. Đùng có ai ưỡng công đến Ngã Bảy tìm quán Tai Heo. Di tích chỉ còn nơi một bài hát của Phạm Duy, phổ nhạc thơ *Khoai ngọt bánh dăng*, in làm phụ bản kèm theo cuốn truyện.

oOo

HAI MƯƠI NĂM QUA (1945-1964 Việc từng ngày.)



NAM CHI TÙNG THU xuất bản, 424 trang, 300đ.

Tác-giả :

Đoàn Thêm trước hết là một thi sĩ, *Nhạc dễ, Vườn mây, Từ Thức, Tai Mahal, Hòa âm*. Ông cũng là một nhà biên khảo, với các tác phẩm *Lược khảo về hiến - pháp các nước Á Đông, Lược khảo về chính đảng, Tìm hiểu hội họa, Tìm đẹp*. Ngoài ra ông còn soạn bộ *Quan niệm và sáng tác thơ* gom góp và phiên dịch các ý kiến liên quan đến thi ca của các tác giả Âu Mỹ.

Tác Phẩm

1-1-1945 (18-11 Giáp Thân).

«Nhân dịp năm mới, đô đốc Jean Decoux, Toàn quyền Đông Dương gửi thông điệp phát thanh cho dân chúng, còn quả quyết rằng Đông Dương vẫn sẽ thuộc đế quốc Pháp,

«31-12-1964. — Tiền quyền về bảo lụt : 64 triệu.

— «Đã tái chiếm Bình Giả, Kết quả 9 đêm ngày ác chiến, 132 VC chết VNCH : 44 chết, 34 bị thương, 41 mất tích.

— «Các tướng lãnh vẫn họp tại Vũng-Tàu để tìm giải pháp cho tình thế. Cứ như thế tác-giả ghi chép những sự việc đã xảy đến trong vòng ha

mười năm qua. Chủ yếu là những sự việc của Việt-Nam, (về mọi mặt chính trị văn hóa, xã hội, kinh tế, quân sự v. v. . ; nhưng các biến cố quan trọng ở nước ngoài có ảnh hưởng đến sinh hoạt nước nhà, tác giả cũng không bỏ qua.

Lỗi ghi chép vẫn tất, từng sự việc theo ngày tháng, người ta có thể nghĩ là sẽ làm cho cuốn sách thành một tập tài liệu khô khan, khó đọc. Trái lại, quãng thời gian hai mươi năm vừa qua trên đất nước có nhiều biến cố quan trọng quá, ghi vào đời sống của mọi người những kỷ niệm sâu đậm quá. Dĩ vãng ấy chưa mất hẳn, cho nên nghe có ai gọi lại, các vui buồn cũ nơi mỗi chúng ta chột sống dậy. Kể gọi lại tuy vẫn tất, khách quan, mà vẫn tình nghịch, dí dỏm, có tâm hồn nghệ sĩ. Bên cạnh những tin hội nghị tối cao đồng minh, tin Mỹ oanh tạc Nam Vang, tiến vào Manille, tác giả cho biết rằng : ngày 10-2-45, dân chúng Hà Nội sửa soạn ăn Tết, nhà nhiếp ảnh Võ An Ninh vẫn chụp người đẹp dưới hoa đào, nhà văn Nguyễn-Tiến-Lãng cho tái bản cuốn Indochine la Douce. Ngày 13-2-45, buổi trưa, hàn thử biểu xuống 4 độ. Chưa bao giờ Hà Nội rét đến thế. Chúng ta được nhắc lại trận giao chiến suốt 6 giờ liền tại Kiến Phong ngày 16-7-61, đồng thời cũng được nhắc về vụ vũ nữ Chăm Nhung bị tạt ác-xít vào ngày 17-7-61, vụ bắt được con trăn dài ở đường Phan-Đình-Phùng ngày 31-8-61. Cuối tháng 1-62 tiết trời giá lạnh, ngày 25-1-62 hàn thử biểu xuống 17 độ rưỡi tại Saigon. Chúng ta được nhắc ngày nào bắt đầu thu tiền vào Sở thú Saigon, ngày nào phong trào nhảy hu-la-hoop lan tràn tới Việt Nam, giá gạo, giá vàng lên xuống ra sao. Chúng ta cũng được nhắc lại lời tuyên bố ngày 18-4-64 của Tướng Nguyễn-Khánh là chúng ta phải thắng bà Nhu, và lời tuyên bố ngày 10-3-1945 của ông Hồ Nhật Tân là : « Trong vùng Đại Đông - Á mệnh mông bát ngát, dưới ánh sáng lãnh đạo rực rỡ chói lọi của nước Đại Nippon, dân tộc Việt Nam gồm có năng lực đầy đủ, hy vọng sẽ kiến thiết một quốc gia đúng theo qui tắc công bằng và tự do » v.v...

Thời gian trôi qua, những lời tuyên bố như thế cất lên rồi bay đi, hàn thử biểu lên rồi lại xuống, cộp sở thú tha hồ đẻ 3 con 5 con, trăn dài tha hồ bò ngang đường Phan Đình Phùng, Pháp nhất định ở lại rồi Pháp lại đi, Nhật thắng rồi Nhật lại thua v.v..., mọi việc tha hồ lướt qua. Miễn là cứ hai mươi năm lại có một cuốn sách như thế để « việc từng ngày » không mất ồng.

THỰC

oOo

Kiểm duyệt số : 763 ngày 27/4/67 Bách Khoa

BẾN TRÒ

*Con sông trải thảm lụa vàng
Chiều vương gót nhỏ trên ngàn mướt xanh
Thanh bình ảo ảnh mong manh
Khói lam u ẩn yên lành thuở nao
Bàng hoàng trông xuống từ cao
Quê hương tôi đó! nghẹn ngào buồn ơi!*

BUỒN TRƯA KHẮC KHOẢI

*Nghiêng qua cho giấc rút mòn
Cho vơi khắc khoải bồn chồn não cân

Trời trưa nắng chử bâng khuâng
Âm trong tiếng biển lằng lằng giọng buồn

Nghe như trống trải nhập hồn
Chân tay bỗng nhẹ đặng còn kín môi

Tình thương bé dại lòng tôi
Ngỡ hoang vắng cả buổi đời thiếu em

Nghiêng qua cho giấc rú mềm
Ngỡ đâu khắc khoải dồn thêm tím sâu*

Hội-nghị Triết-học tại Việt-Nam

Một Hội nghị Triết học toàn quốc sẽ được tổ chức tại Saigon vào đầu tháng 6 tới đây. Hội nghị được đặt dưới sự bảo trợ của Bộ Giáo-dục và do Hội Nghiên-cứu Triết-học cùng tiểu ban Triết học Đại học Văn khoa Saigon tổ chức. Mục đích của Hội nghị là nghiên cứu đặt lại những vấn đề nền tảng của việc giảng dạy triết học tại Việt Nam ở bậc Trung và Đại học.

Muốn tiến tới một cải cách giáo dục hợp lý, không phải chỉ bằng những vá vúi, thêm bớt chương trình, mà bằng một thay đổi thực sự cơ cấu, quan niệm giáo dục, thiết tưởng cần suy nghĩ tìm hiểu tận nền tảng những quan niệm về Triết học và Giáo dục bao hàm trong tổ chức Giáo dục và Triết học hiện nay. Trong viễn tượng đó, chúng tôi muốn tham khảo ý kiến tất cả những vị có trách nhiệm trực tiếp giảng dạy và những vị hăng lưu tâm, tha thiết tới vấn đề. Sau đây là những câu hỏi dành cho các tham dự viên và cho các học sinh, sinh viên.

Hội nghị không đưa ra thuyết trình, mà chỉ kiểm điểm những bá cáo, những ý kiến do các tham dự viên hay độc giả trả lời mà thôi.

Địa chỉ gửi bản trả lời :

— Ông Nguyễn Văn Đa, 558 Phan Đình Phùng Saigon.

— Tòa soạn Bách-Khoa, 160 Phan Đình Phùng Saigon.

oOo

Câu hỏi dành cho Tham-dự-viên

1. Vai trò của Triết học trong đời sống hiện-đại và trong viễn-tượng một nền giáo-dục mới.

— 1. / Việc tổ chức lớp Triết ở Trung học và ban Triết ở Đại học tùy thuộc vào một quan niệm về triết học và về vai trò của nó trong giáo dục. Vậy, việc có lớp Triết ở Trung học và ban Triết ở Đại học tại Việt Nam hiện nay có dựa trên quan niệm nào về triết học và giáo dục không ?

— 2. / Quan niệm đó phải chăng là của nền giáo dục của Pháp ngày trước còn sót lại ? Nó còn hợp lý và hợp thời không ? Hậu quả của nó ra sao ? Bây giờ phải quan niệm chín chắn lại như thế nào ?

— 3. / Có nên hủy bỏ lớp Triết ở Trung học không ? Tại sao ? Nếu nên giữ lại, xin cho biết tại sao và quan niệm như thế nào ?

— 4. / Việc hủy bỏ hay duy trì lớp Triết phải chăng căn cứ trên một quan niệm :

a — Về giáo dục : trung học nhằm đào tạo văn hóa tổng quát hay đào tạo kiến-thức chuyên môn sửa soạn nghề-nghiệp ?

b — Về triết-học : triết-học hiểu như một bộ-môn trừu tượng chỉ có nghĩa

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa-soạn :

160 Phan Đình Phùng Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133 Võ Tánh Saigon

GIÁ: 20\$ - Cộng sở : Giá gấp đôi

lịch sử hay hiểu như một suy-luận gắn liền vào cuộc đời và với mọi kiến-thức chuyên-môn ?

II. Vấn-đề giảng dạy Triết và đào tạo giáo sư Triết ở Trung và Đại học.

— 1. Có nên quan niệm việc soạn thảo và giảng dạy triết như việc quảng-bá một ý-thức-hệ độc tôn hay chỉ như một đề-nghị, một giới-thiệu những ý - thức-hệ khác nhau trong tinh thần tôn trọng tự do tư tưởng của học sinh và sinh viên ?

— 2. Có nên gắn liền việc giảng dạy triết với đời sống hiện đại của đất nước và của thế giới ? Nói cách khác, có nên đưa triết-học vào những thực-tại kinh-tế, chính trị, xã hội, kỹ thuật, tuyên truyền... ?

— 3. Xin cho biết phải quan niệm thế nào việc giảng dạy và tổ chức.

lớp triết ở Trung học (ở Đệ nhất hay từ Đệ tam, Đệ nhị...)

ban Triết ở Đại Học Văn Khoa (vấn đề triết Đông, triết Tây, khoa học nhân văn...)

lớp triết lý khoa học ở các phân khoa khác (Luật, Y, Khoa học...)

— 4. Phải quan niệm thế nào việc đào-tạo giáo-sư triết ở Trung-học (vấn đề trường Đại Học Văn Khoa và Đại Học Sư Phạm...) và ở Đại học ?

III. Phác họa dự-án cải-tổ.

— 1. Xin hãy thử đề nghị một hay nhiều dự-án cải-tổ chương trình triết ở Trung và Đại-Học.

— 2. Dự-án đó căn cứ vào những quan niệm nào về triết học và về giáo dục ?

IV.— Những ý-kiến khác (...)

Câu hỏi dành cho học-sinh đệ-nhất.

(Ban. . . .)

— 1./ Bạn thích học Triết vì :

- a — môn đó hợp với bạn o
- b — chương trình bắt buộc o
- c — bài giảng của giáo sư hấp dẫn o
- d — thích đọc sách báo thiên về tư tưởng o

— 2./ Bạn học Triết với mục đích :

- a — chỉ để dự thi cuối niên khóa o
- b — thỏa mãn óc tò mò, thắc mắc o
- c — rèn luyện óc suy luận o
- d — suy tư về cuộc đời, tìm lối sống o

— 3./ Theo ý bạn, chương trình Triết hiện tại là :

- a — nhẹ o vì bài ngắn o cụ thể o hiểu được o hấp dẫn o
- b — nặng o vì bài dài o trừu tượng o khó hiểu o khô khan o
- c — hợp lý o vì hợp với ban bạn đang học o hợp với trình độ bạn o
- d — không hợp lý o vì không hợp với ban bạn đang học o không hợp với trình độ bạn o

— 4./ Theo ý bạn, môn Triết đang học ở Trung-học nên được :

- a — giữ lại nguyên vẹn, như cũ o
- b — giữ lại nhưng sửa đổi o về cách giảng dạy o
 chương trình o
 số giờ học o
 thể-lệ thi o
- c — hủy bỏ hoàn toàn o
- d — hủy bỏ nhưng thay thế o bằng Văn-học V.N. o
 Văn học quốc tế o
 Công dân Giáo dục o
 Khoa học nhân-văn o

5. — Bạn hãy kể tên một :

- a — quyển tiểu thuyết
- b — kịch bản
- c — cuốn phim
- d — quyển biên khảo.

có tính cách triết học mà bạn đã đọc qua và thích nhất.

Xin đánh dấu 'hộp vào ô thích hợp o

oOo

Ngày Giỗ Tổ năm nay

Cây có gốc mới nở ngành xanh ngọn
 Nước có nguồn mới bể rộng sông sâu
 Ai ơi, nên phải nghĩ sâu,
 Có tiên tổ trước, rồi sau có mình.

(Ca dao)

Phải đợi chế độ không vì dân tộc của họ Ngô-Đình sụp đổ sau chín năm ngự trị trên phân nửa nước Việt tự do này, ngày Giỗ Tổ mới được Chánh phủ đặt lên hàng lễ lịch sử. Nhưng đã ba năm qua, "những ngày Giỗ tổ hằng năm đã không được nhiều người nhớ tới và đã không được tổ chức trọng thể. Những ngày Giỗ Tổ nếu có được tổ chức thường cũng chỉ do chính quyền đứng ra làm lấy lệ..." (2)

Và phải đợi đến lúc : hoặc cuộc huynh đệ tương tàn có mọi hết sức rộng lớn, vô cùng khốc liệt, hoặc một giải pháp chánh trị sắp đưa ra, Chánh quyền và những đoàn thể cùng các lớp người nặng tình "một bọc" mới tổ chức những buổi lễ «Trở Về Nguồn» trọng thể, trang nghiêm, ý nghĩa hơn.

Chánh quyền làm lễ tại Thảo cầm viên Sài-gòn, có đại diện các tôn giáo, các đoàn thể chánh trị, các sắc dân thiểu số, đồng bào và học sinh Thủ đô. Nhà cầm quyền như dịp này nhắc nhở công nghiệp dựng nước của Quốc Tổ Hùng Vương

(1) Mừng 10 tháng 3 âm lịch, năm 19-4-1967.

(2) Lời của Ủy ban Thanh niên Sinh viên Học sinh Giỗ tổ Hùng vương trong «Lời nói đầu» Khai mạc buổi lễ tại khuôn viên trường Đại học Văn Khoa

Phật giáo Việt chen Việt-nam quốc tự đề cử hành lễ. Và viện trưởng viện Hoá đạo đã nhắc nhở đồng bào Phật tử nhớ ơn mở nước của đức vua Hùng và cầu nguyện cho dân yên nước ổn. Đặt biệt, ngoài tăng ni, Phật tử, còn có hòa thượng nhật Kingo-Suguki, tổng thư kí Hội đồng Bồ đề Nhật-Ấn, dự lễ.

Bốn hội : Khổng học Việt Nam, Chấn Hưng Tinh thần Việt-nam, Phủ-dày Trương tế và Bắc-Việt Đồng cư Trương tế, đã phối hợp với nhau tổ chức buổi lễ tại Khổng miếu, và cùng mong « một tòa miếu nguy nga, tráng lệ thờ Quốc Tổ sẽ được xây dựng tại miền Nam Tự do, đề tượng trưng cho tinh tinh thần Dân tộc, đề gọi tỉnh quốc Hồn, đề cố kết dân Tâm. »

Nhưng đáng ghi và đáng đề cao hơn hết là công cuộc tổ chức của hai mươi sáu đoàn thể Thanh niên, Sinh viên, Học sinh ở thủ đô trong một tổ chức lấy tên là Ủy ban Thanh niên Sinh viên Học sinh Giỗ Tổ Hùng Vương. Vì đây là những phần tử trẻ, nhiệt thành, trong trắng và không vụ lợi. Vì chương trình ngày Giỗ Tổ của họ gồm có : lễ tiên thường, đêm nhớ Tổ giữa Trời tại khuôn viên Đại học Văn khoa Sài-gòn và buổi nói chuyện về công đức đức Hùng vương tại rạp Thống nhất.

— Ủy ban đã làm lễ *Tiên thường*, đơn giản mà uy nghiêm, chiều ngày mùng 9 tháng 3 âm lịch.

Buổi nói chuyện bắt đầu từ 15g30 phút. Giáo sư Nguyễn-Đặng-Thục mở đầu với đề tài « Quan niệm Việt-Nam về dân tộc với giỗ tổ Hùng Vương. » Ông nhận xét rằng tôn giáo tổ tiên với tôn giáo thần tiên hợp hòa trong thần đạo ở nước ta, ông nhắc lời kết luận của một nhà bác học về tôn giáo Việt, giáo sĩ Léopold Cadière. Người Việt không quan niệm một đấng tối cao, họ sống không có Thượng đế. Nhưng nếu người ta hiểu ý nghĩa tôn giáo là tín ngưỡng vào một thế giới siêu nhiên, nó ảnh hưởng vào hành vi nhân sinh thì phải công nhận là nhân dân Việt có cái đức tính ấy ở trình độ rất cao... Vậy Giỗ Tổ Hùng Vương chính là một hành động tôn giáo, một thái độ tín ngưỡng truyền thống dân tộc. Ông bèn đến xã hội một tổ, đến hồn nước vốn thuộc về quá khứ, hiện tại lẫn tương lai. Và hồn nước biểu hiện ra ở tín ngưỡng vật tổ Rồng Tiên. Dân tộc Việt vốn có một tinh thần khai phóng, không độc tôn một chủ nghĩa nào, một tôn giáo nào, mà đặt Tổ quốc linh thiêng lên trên tất cả.

Kế đó, thanh niên Trần-Đình-Thọ bày tỏ « Những dụng ý sâu xa của tiền nhân hay triết lí lưỡng nguyên luận của dân tộc Việt trong ngày 10-3 âm lịch ». Anh nói : « Ngày nay cũng như ngày xưa, mỗi lần đất nước bị quân xâm lăng dày xéo hoặc lại phân chia do tham vọng cá nhân hay do ảnh hưởng ngoại lai, bao nhiêu đau thương và tủi nhục bị chôn chôn, dồn ép dần làm cho nòi giống mỗi lần bị phản tỉnh, tự trở về gốc gác, trong đáy hồn của Sử, những ý thức về chủng tộc và văn hóa lấy đó làm chủ đạo cho kì Thần tặc. Lí tặc là một khoa học tìm tòi, đề hiểu biết những hiện tượng luật tặc của vũ trụ bằng cái hèm (totem) như hèm của Ai cập lấy con bò, Ấn độ lấy con dê, con heo, con bê... Thần tặc là một triết học tối cổ của ta, lấy : Tiên và Rồng. Tiên Rồng chính là nhị nguyên luận tinh túy của nòi giống ta, biểu tượng cho cả lí, ý, chí đề hợp thích văn minh triết học cơ sở, đề chỉ lấy hai bàn tay trắng với bộ óc sáng tạo loài người ».

Cuối cùng, sinh viên Nguyễn-Văn-Đậu tìm hiểu « Ý thức Tồ nơi con cháu Hùng vương. » Sau vài dòng về lịch sử Hùng vương, anh chứng minh rằng « khoa học, tỏ ra đã bất lực trong việc soi sáng nguồn cội dân tộc ta, ít nhất cho tới giai đoạn hiện tại » và đặt câu hỏi : « Liệu khoa học có phải là uy tín tuyệt đối trong việc tìm hiểu nguồn gốc Việt (hay một dân tộc nào khác đó) hay không? » Rồi từ những dấu vết về Hùng vương đến những ý niệm về tổ tích đề tới những kết luận sau đây; những chuyện dã sử huyền hoặc đã nói lên không nhiều thì ít những khát vọng của con người trong buổi sơ khai, thì dân tộc Việt đã nhờ niềm tin mãnh liệt cùng chung một nguồn mà có một lịch sử bất khuất; chủ nghĩa đại đồng là một giấc mộng đẹp, chỉ đẹp trong lý thuyết, thực ra nó là một hình thức thôn tính các nước nhỏ của các nước lớn, và đối với các nước nhỏ yếu ở sát nách Trung hoa vĩ đại thì đó là một cơn ác mộng, không hơn kém, cho nên quay về một niềm Tin là điều tối cần ; giai đoạn huyền sử có thể được coi như một phương tiện cần yếu trong một giai đoạn nào đó mà người dựng truyện đã ý thức nổi, chối bỏ nó là một thái độ thiếu bình tĩnh; vấn đề tìm đến một nguồn cội là một nhu yếu sống còn, cho nên dù cho truyền thuyết Hùng vương là một sự bịa đặt chẳng nữa, thiết tưởng cũng không lấy gì đáng trách lắm, nó đã gây xúc động sâu xa trong trái tim người Việt không mất gốc, hướng chí sự tích Hùng Vương chưa hẳn đã là bịa đặt. Sau hết, nhìn lại cuộc phân chiến nay, anh thấy cạnh cuộc chiến tranh bằng võ lực còn có sự hơn thua giữa hai ý thức hệ, và cả hai bên đều tuân theo một giáo điều và cực đoan về vấn đề chân lý, nên xã hội phân tán đến cực độ. Niềm tin đã mất. Phải bầu vùi vào một ý thức chung. Chỉ có đức Tồ Hùng vương mới có đủ uy tín để đóng trọn cái vai trò tiêu biểu ấy.

Đêm nhớ Tồ bắt đầu lúc 20 giờ với tiếng chiêng tiếng trống, với bầu không khí nể hươg trầm, với bàn thờ Tồ thiết lập giữa trời, trên mảnh đất trước kia bao chiến sĩ và chí sĩ đã vì Dân tộc mà chịu khổ, nhục để tấm lòng nát ngổu như tương hay nung cứng như đồng. Mặc niệm. Bài hát «Hùng vương» trỗi lên, rồi bài «Việt nam Việt nam». Lửa thiêng được gây mạnh, trăm cây đuốc — tượng trưng cho trăm trai cùng bọc — mỗi lấy lửa, diễu hành quanh khuôn viên trường Đại học Văn khoa giờ đây, khám lớn Sài Gòn thuở trước. Lửa đã về nguồn, cuộc lễ khởi đầu, đúng theo nghi thức cổ truyền.

Sau đó là chương trình Võ thuật do nam, nữ võ sinh Việt võ đạo (của môn phái Vovinam) và Nhu (của Thanh niên Tiền đạo) cùng một số võ sư, võ sĩ.. biểu diễn, chương trình Văn nghệ được các nữ sinh các trường Trung học Đô thành và các ca đoàn học sinh, sinh viên, thanh niên đảm nhận, gồm có đơn ca và hợp xướng.

Người xem quá đông, sân khấu lại không cao, lời mời «ngồi xuống Đất để tỏ lòng yêu Đất Tồ» không được hưởng ứng, ban trật tự lại không nỗ gặt gao, nên phần trật tự đành không như ý. Gần nửa đêm, người dự về nhiều, còn độ năm mươi ở lại hát ca, kể chuyện cổ tích đời Hồng-Bàng và nuôi Lửa thiêng cho đến sáng. Có điều đáng đề ý là những người ở lại suốt đêm nhớ Tồ toàn là con cháu giống Rồng, mà chẳng có một má hồng nào đại diện cho nòi Tiên.